

SỔ TAY

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
CÔNG ƯỚC THU THẬP CHỨNG
CỨ NĂM 1970**

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT	5
GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SỔ TAY	6
PHẦN I	11
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ỦY THÁC TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ	11
I. Ủy thác tư pháp từ Việt Nam ra nước ngoài (UTTP ra)	11
1. Thẩm quyền yêu cầu	11
2. Chi phí thực hiện	11
2.1 Người có nghĩa vụ nộp chi phí	12
2.2. Phí, lệ phí.....	12
2.3. Chi phí thực tế.....	12
2.4 Cơ quan thu chi phí UTTP ra.....	13
4. Cách thức lập hồ sơ	13
4.1. UTTP tổng đạt giấy tờ.....	13
4.1.1. Quốc gia được yêu cầu là thành viên Công ước Tổng đạt (xem Phụ lục I).....	13
4.1.2. Quốc gia được yêu cầu có ký Hiệp định với Việt Nam (Xem Phụ lục VI).....	21
4.1.3 Quốc gia được yêu cầu không là thành viên Công ước Tổng đạt và không ký Hiệp định với Việt Nam.	22
Trường hợp này thực hiện theo kênh ngoại giao trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại. ...	22
4.2. UTTP thu thập, cung cấp chứng cứ và các UTTP khác.....	22
4. 2.1. Quốc gia được yêu cầu có ký Hiệp định với Việt Nam (Xem Phụ lục VI).....	22
4. 2.2. Quốc gia được yêu cầu không ký Hiệp định với Việt Nam.....	22
5. Thời gian chuyển hồ sơ	23
6. Trả kết quả	24
6.1. Thời gian trả kết quả	24
6.2. Hồ sơ trả kết quả	24
II. Ủy thác tư pháp từ nước ngoài đến Việt Nam (UTTP vào)	25
1. Thẩm quyền thực hiện	25
2. Chi phí thực hiện	25
2.1 Người có nghĩa vụ nộp	25
2.2 Lệ phí.....	25

2.3 Chi phí thực tế	26
2.4 Cơ quan thu và quy trình thu nộp.....	26
3. Phương thức thực hiện.....	26
4. Các kênh thực hiện.....	28
4.1 Theo Công ước Tổng đạt	28
4.1.1 Kênh chính.....	28
4.1.2 Kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp.....	28
4.1.3 Kênh ngoại giao gián tiếp	29
4.1.4 Kênh lãnh sự gián tiếp	30
4.1.5 Kênh bưu điện.....	30
4.2. Theo Hiệp định	31
4.3 Theo Kênh ngoại giao không có điều ước quốc tế (áp dụng nguyên tắc có đi có lại).	32
5. Thời gian chuyển hồ sơ và thông báo kết quả thực hiện.....	32
5.1 Thời gian chuyển hồ sơ.....	33
5.2 Thông báo kết quả thực hiện.	33
5.2.1 Thời gian trả kết quả	33
5.2.2 Hồ sơ trả kết quả	33
III. Hướng dẫn lập hồ sơ trong một số trường hợp cụ thể.....	35
1. Ủy thác tư pháp ra	35
1.1 Tổng đạt giấy tờ theo kênh chính	35
1.2 Ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ theo Công ước thu thập chứng cứ và kênh Hiệp định	40
1.3 Ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ theo kênh ngoại giao không có điều ước quốc tế với Việt Nam	45
2. Ủy thác tư pháp vào	49
Phần II Các phụ lục	51
PHỤ LỤC I.....	51
CÁC NƯỚC CÓ HIỆP ĐỊNH/.....	51
THỎA THUẬN TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ VỚI VIỆT NAM.....	51
PHỤ LỤC II.....	53
GIỚI THIỆU CÔNG ƯỚC THU THẬP CHỨNG CỨ VÀ VIỆC GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM.....	53
PHỤ LỤC III.....	74

CÔNG ƯỚC LAHAY VỀ THU THẬP CHỨNG CỨ Ở NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC	
DÂN SỰ HOẶC THƯƠNG MẠI.....	74
PHỤ LỤC IV. HƯỚNG DẪN TRA CỨU THÔNG TIN.....	87

DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	Tên đầy đủ	Viết tắt
1	Tương trợ tư pháp	TTTP
2	Ủy thác tư pháp	UTTP
3	Ủy thác tư pháp của Việt Nam ra nước ngoài	UTTP ra
4	Ủy thác tư pháp của nước ngoài gửi đến Việt Nam	UTTP vào
5	Công ước La Hay 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại	Công ước Tổng đạt
6	Công ước La Hay 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại	Công ước Thu thập chứng cứ
7	Bộ luật tố tụng dân sự 2015	BLTTDS 2015
8	Luật Tương trợ tư pháp năm 2007	Luật TTTP
9	Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án	Nghị quyết 326
10	Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao quy định trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp về dân sự	Thông tư liên tịch 12
11	Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thực hiện UTTP về dân sự có yếu tố nước ngoài	Thông tư 203
12	Hiệp định/Thỏa thuận song phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự	Hiệp định
13	Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế	Hội nghị La Hay

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SỔ TAY

I. Bối cảnh, mục đích xây dựng Sổ tay

1. Bối cảnh

Với việc hội nhập quốc tế mạnh mẽ và rộng khắp trên thế giới, các giao lưu dân sự, thương mại, đi lại di chuyển xuyên quốc gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân các nước khác nhau ngày càng phổ biến. Trong bối cảnh đó, nhiều vụ việc dân sự, kinh tế, thương mại, hình sự, hành chính có yếu tố nước ngoài phát sinh. Khi cơ quan có thẩm quyền của một nước giải quyết các vụ việc này không chỉ căn cứ vào pháp luật quốc gia, không thể tự mình thực hiện toàn bộ các hoạt động tố tụng mà còn cần sự hỗ trợ, phối hợp của cơ quan thẩm quyền nước ngoài trong quá trình tiến hành một số hành vi tố tụng vượt ngoài lãnh thổ thông qua hoạt động TTTP. TTTP trong thời đại ngày nay là một nhu cầu, đòi hỏi khách quan để giải quyết những vấn đề pháp lý xuyên quốc gia. TTTP xuất phát nhu cầu nội tại thiết thực của bản thân mỗi quốc gia đã trở thành trách nhiệm - nghĩa vụ hợp tác của quốc gia xét dưới góc độ pháp luật quốc tế.

Cơ sở pháp lý đầu tiên để thực hiện TTTP là điều ước quốc tế giữa các nước và pháp luật của các nước có liên quan về TTTP. Nếu không có điều ước quốc tế thì việc TTTP thực hiện theo pháp luật của nước được yêu cầu, chủ yếu trên nguyên tắc có đi có lại.

Trong lĩnh vực dân sự, trên cơ sở quy định pháp luật trong nước, các điều ước quốc tế về TTTP mà Việt Nam đã ký kết và thực tiễn TTTP với các nước có thể thấy TTTP về dân sự tại Việt Nam được hiểu là việc các cơ quan có thẩm quyền của các nước hỗ trợ nhau trong thực hiện các hành vi tố tụng riêng biệt trong lĩnh vực dân sự.¹ Để thực hiện TTTP, các cơ quan có thẩm quyền sẽ đưa ra yêu cầu bằng văn bản gọi là UTTP.

Hiện nay, Việt Nam đã ký kết 17 Hiệp định/Thỏa thuận song phương về TTTP (Hiệp định) trong lĩnh vực TTTP về dân sự với các quốc gia/vùng lãnh thổ (*Danh sách các Hiệp định xin xem Phụ lục VI*) và gia nhập Công ước Tổng đạt với 72 thành viên trong đó có hầu hết các nước mà Việt Nam có nhiều nhu cầu tổng đạt giấy tờ như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Úc, Nhật Bản, Canada... (*Danh sách các nước thành viên Công ước Tổng đạt xin xem Phụ lục I.*)

Về thể chế trong nước, Việt Nam cũng đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, tạo cơ sở pháp lý khá toàn diện cho hoạt động TTTP. Quốc hội đã thông qua Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 (Luật TTTP) và Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi năm 2014). Quốc hội cũng đã thông qua Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Ủy ban thường

¹Luật TTTP không quy định trực tiếp khái niệm TTTP về dân sự nhưng có đưa ra khái niệm UTTP về dân sự: “UTTP là yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc thực hiện một hoặc một số hoạt động TTTP theo quy định của pháp luật nước có liên quan hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.” (*Điều 6*)

vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết 326 có nhiều quy định liên quan trực tiếp đến TTTP về dân sự. Đặc biệt, ngày 19/10/2016 liên ngành Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư liên tịch 12 thay thế Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về TTTP trong lĩnh vực dân sự của Luật TTTP. Thông tư liên tịch 12 đã nội luật hóa Công ước Tổng đạt, hướng dẫn chi tiết về cách thức, thủ tục trình tự thực hiện hồ sơ UTTP về dân sự phù hợp các quy định về trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của BLTTDS 2015 và quy định cụ thể cơ chế thu, nộp chi phí UTTP về dân sự.

Về phạm vi TTTP, Luật TTTP (Điều 10) quy định phạm vi TTTP về dân sự gồm: Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến TTTP về dân sự; Triệu tập người làm chứng, người giám định; Thu thập, cung cấp chứng cứ; các yêu cầu TTTP khác về dân sự. Các Hiệp định (nội dung về dân sự) quy định phạm vi TTTP gồm: tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến TTTP về dân sự; triệu tập người làm chứng, người giám định; thu thập, cung cấp chứng cứ và các yêu cầu TTTP khác về dân sự; trao đổi tài liệu, thông tin giữa các cơ quan tư pháp; công nhận và thi hành các bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài và quyết định của trọng tài nước ngoài.

Mặc dù theo Luật TTTP và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên phạm vi TTTP về dân sự rộng như trên nhưng hoạt động TTTP về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài trên thực tế thời gian qua chủ yếu tập trung vào hoạt động ủy thác tổng đạt giấy tờ và ủy thác thu thập chứng cứ. Theo thống kê tại Báo cáo công tác TTTP của Chính phủ trình Quốc hội hàng năm, từ năm 2013 năm 2017, các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam đã gửi đi nước ngoài tổng cộng 15.485 yêu cầu TTTP², đã tiếp nhận 3921 yêu cầu TTTP của nước ngoài vào Việt Nam³.

Với khối lượng lớn hàng năm các yêu cầu TTTP, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, các tòa án và cơ quan thi hành án dân sự (cấp tỉnh, thành phố) trên toàn quốc đã có rất nhiều nỗ lực để thực hiện các quy định pháp luật trong nước cũng như các điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự. Tuy nhiên, cũng phải thẳng thắn nhìn nhận rằng công tác hiện UTTP trong lĩnh vực dân sự vẫn còn những tồn tại hạn chế, cụ thể là: (i) một số lượng hồ sơ UTTP gửi ra nước ngoài còn chưa đáp ứng yêu cầu (về biểu mẫu, ngôn ngữ ...) nên bị trả lại để bổ sung, hoàn thiện khiến thời gian thực hiện UTTP bị kéo dài; (ii) nhiều trường hợp thu, nộp và tạm ứng chi phí chưa được thực hiện đúng và đầy đủ; (iii) một số cơ quan thực hiện hồ sơ ủy thác còn chưa nắm rõ các kênh thực hiện (theo Công ước Tổng đạt hay theo kênh Hiệp định song

²Năm 2013: 3.777 yêu cầu; năm 2014: 3360 yêu cầu; năm 2015: 3149 yêu cầu; năm 2016: 3338 yêu cầu và năm 2017: 1861 yêu cầu

³Năm 2013: 872 yêu cầu; năm 2014: 825 yêu cầu; năm 2015: 805 yêu cầu; năm 2016: 666 yêu cầu và năm 2017: 753 yêu cầu

phương hoặc áp dụng nguyên tắc có đi có lại theo kênh ngoại giao) để lựa chọn phương án phù hợp. Những hạn chế, tồn tại này làm giảm hiệu quả thực hiện TTTP, ảnh hưởng đến việc giải quyết các vụ việc dân sự, thi hành án có yếu tố nước ngoài.

Tổng kết, đánh giá hoạt động TTTP hàng năm của Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, địa phương cho thấy những hạn chế nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan có liên quan đến vấn đề thể chế, tổ chức thực hiện, nhân lực, nguồn lực của Việt Nam và cả thực tiễn các nước. Thời gian vừa qua, nhiều quy định của pháp luật trong nước trực tiếp liên quan đến TTTP về dân sự mới được ban hành và đi vào thực thi như Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Thông tư liên tịch số 12, cùng với đó là Công ước Tổng đạt chính thức có hiệu lực với Việt Nam cũng khiến cho nhiều cơ quan thực hiện UTTP lúng túng, bỡ ngỡ khi lập và thực hiện hồ sơ UTTP. Đặc biệt là các cơ quan có thẩm quyền địa phương gặp khó khăn trong việc lập hồ sơ và gửi hồ sơ cho các nước thành viên Công ước Tổng đạt do bên cạnh các quy định chung của Công ước thì các nước thành viên lại có những yêu cầu khác nhau về thành phần hồ sơ, ngôn ngữ, chi phí, đầu mối tiếp nhận các yêu cầu UTTP gửi đến nước mình.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng một tài liệu hướng dẫn chi tiết việc áp dụng quy định pháp luật trong nước và điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự để hỗ trợ cho các cán bộ trực tiếp thực hiện UTTP là cần thiết. **Sổ tay sẽ tập trung hướng dẫn về Công ước thu thập chứng cứ năm 1970 trong tương quan so sánh với các hoạt động ủy thác tư pháp khác để cán bộ thực hiện có thể phân biệt rõ ràng các yêu cầu ủy thác tư pháp khác nhau, thực hiện đúng yêu cầu của Công ước.**

2. Mục đích

Mục đích xây dựng Sổ tay là nhằm: (i) hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện UTTP về dân sự tại Việt Nam đảm bảo phù hợp với điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam có liên quan; (ii) nâng cao hiệu quả hoạt động TTTP, đáp ứng yêu cầu của cam kết quốc tế và tổ tụng trong nước; (iii) bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong quan hệ dân sự, thương mại nhằm thúc đẩy phát triển quan hệ dân sự thương mại và hội nhập quốc tế.

II. Căn cứ xây dựng Sổ tay

- Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước Tổng đạt);
- Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước thu thập chứng cứ)
- Các điều ước quốc tế song phương về TTTP;
- BLTTDS 2015;
- Luật TTTP;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Nghị quyết số 326;
- Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTP;
- Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự (Nghị định 62);
- Thông tư liên tịch 12;
- Thông tư 203;
- Sổ tay thực thi Công ước Tổng đạt, Công ước thu thập chứng cứ của Hội nghị La Hay (Sổ tay Công ước);
- Tuyên bố của Việt Nam khi gia nhập Công ước Tổng đạt; Công ước thu thập chứng cứ
- Thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế;
- Các công văn hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao.

III. Phạm vi, đối tượng sử dụng

Sổ tay hướng dẫn quy trình, thủ tục TTTP trong lĩnh vực dân sự theo quy định tại Điều 10 Luật TTTP.

Sổ tay hướng dẫn cả quy trình, thủ tục thực hiện UTTP ra và thực hiện UTTP vào.

Sổ tay là tài liệu tham khảo cho các đối tượng là thẩm phán, kiểm sát viên, chấp hành viên, thư ký tòa án, luật sư, thừa phát lại, các cơ sở đào tạo và các cán bộ của các Bộ, ngành có liên quan trong quá trình thực hiện và nghiên cứu, tìm hiểu về hoạt động TTTP trong lĩnh vực dân sự.

IV. Cơ cấu, cách thức xây dựng và hướng dẫn sử dụng Sổ tay

1. Cơ cấu và nội dung chính của Sổ tay

Sổ tay gồm 2 phần chính:

Phần I: Hướng dẫn thực hiện, gồm có:

1. UTTP ra: Mục này hướng dẫn chi tiết về thẩm quyền, các bước thực hiện cùng quy trình, thủ tục, các lưu ý khi lập hồ sơ UTTP của Việt Nam gửi ra nước ngoài.

2. UTTP vào: Mục này hướng dẫn chi tiết về thẩm quyền, quy trình, thủ tục, các lưu ý khi thực hiện UTTP của nước ngoài.

Phần II: Các Phụ lục: cung cấp các thông tin chi tiết để hỗ trợ cho việc lập hồ sơ UTTP cụ thể gồm: thông tin về quốc gia thành viên Công ước, nội dung các Công ước, thông tin thực thi và cách thức tra cứu thông tin

2. Cách thức xây dựng Sổ tay

Sổ tay được xây dựng với cách tiếp cận như một tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ (cầm nang về thực hiện UTTP) chi tiết để các cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện TTTP về dân sự tra cứu, tham khảo khi xây dựng hồ sơ UTTP gửi ra nước ngoài hay để thực hiện các UTTP của nước ngoài gửi đến Việt Nam.

Với cách tiếp cận như vậy, Sổ tay được xây dựng trên cơ sở đúc kết, tổng hợp các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế và thực tiễn Việt Nam về TTTP để xác định những vấn đề mà các cơ quan thực hiện UTTP cần được cung cấp thông tin, hướng dẫn như thông tin về cơ quan có thẩm quyền thực hiện TTTP, các kênh thực hiện TTTP và trên cơ sở đó hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ thực hiện cụ thể tương ứng với từng kênh.

Đặc biệt, từ thực tiễn thực hiện thời gian qua, Sổ tay đưa ra những lưu ý (được trình bày đóng khung riêng) để **lưu ý** người sử dụng cần quan tâm vì đây là những vấn đề mà các cán bộ trực tiếp thực hiện hồ sơ UTTP thường có cách hiểu chưa chính xác, đầy đủ khiến cho việc lập hồ sơ UTTP không đáp ứng yêu cầu của pháp luật trong nước, điều ước quốc tế hoặc yêu cầu của phía nước ngoài.

3. Cách thức sử dụng Sổ tay

Sổ tay có thể được sử dụng như một tài liệu tổng thể về quy trình thực hiện UTTP của Việt Nam: cung cấp thông tin toàn diện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ, chi phí thực hiện UTTP về dân sự, đặc biệt là các thông tin thực thi Công ước thu thập chứng cứ.

Sổ tay cũng hướng dẫn rất chi tiết về cách thức thực hiện hồ sơ UTTP (từ cơ quan có thẩm quyền thực hiện, đến cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận của phía nước ngoài, số lượng hồ sơ, nội dung, ngôn ngữ, chi phí) theo từng kênh cụ thể (theo điều ước quốc tế song phương, theo Công ước Tổng đạt và theo nguyên tắc có đi có lại). Vì vậy, các cán bộ trực tiếp lập hồ sơ UTTP có thể tra cứu Sổ tay để tiến hành từng bước lập UTTP ra hoặc thực hiện UTTP vào. Cán bộ thực hiện cần (i) **đọc kỹ các thông tin** chung về cơ quan có thẩm quyền, phí/ lệ phí và chi phí thực tế, phương thức thực hiện trước khi tra cứu về các bước tiến hành (ii) **ghi nhớ các lưu ý** được trình bày đóng khung tại các phần tương ứng để việc lập hồ sơ được nhanh chóng, tránh sai sót.

PHẦN I

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ỦY THÁC TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ

I. Ủy thác tư pháp từ Việt Nam ra nước ngoài (UTTP ra)

1. Thẩm quyền yêu cầu⁴

- i. Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh;
- ii. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;
- iii. Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh
- iv. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật⁵.

Ngoài ra, trong trường hợp tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện giải quyết vụ việc cần UTTP ra nước ngoài thì các cơ quan này lập hồ sơ để chuyển lên cơ quan cấp tỉnh để cơ quan cấp tỉnh ký gửi đi theo quy định chung về lập hồ sơ UTTP⁶. Ví dụ: Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, TAND huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng cần UTTP tổng đạt giấy tờ cho công dân Đức, TAND huyện Tiên Lãng cần lập hồ sơ, tiến hành các thủ tục UTTP tổng đạt giấy tờ ra theo quy định của Luật TTTP, Thông tư liên tịch 12 và Công ước Tổng đạt sau đó gửi hồ sơ cho TAND thành phố Hải Phòng để TAND thành phố Hải Phòng làm công văn gửi cho Bộ Tư pháp.

Lưu ý: Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp huyện có yêu cầu UTTP ra theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư liên tịch 12 thì cơ quan này lập hồ sơ và gửi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP cấp tỉnh ký gửi hồ sơ, kết quả thực hiện sẽ được trả về cho cơ quan cấp tỉnh đã gửi hồ sơ.

2. Chi phí thực hiện

Chi phí UTTP ra gồm phí/ lệ phí và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia được yêu cầu.

⁴ Điều 10 Thông tư liên tịch 12

⁵ Cho đến thời điểm hiện nay, pháp luật chuyên ngành mới quy định cho tòa án, viện kiểm sát và cơ quan thi hành án dân sự được gửi UTTP tổng đạt giấy tờ ra, Thông tư liên tịch 12 quy định thêm cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác nhằm dự liệu trước sự thay đổi của pháp luật.

⁶ Khoản 2 Điều 10 Thông tư liên tịch 12

2.1 Người có nghĩa vụ nộp chi phí⁷

- Đương sự quy định tại Điều 152 và Điều 153 của BLTTDS 2015 đối với các yêu cầu tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ việc dân sự và tổng đạt quyết định kháng nghị, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu thi hành bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài làm phát sinh UTTP ra nước ngoài.

2.2. Phí, lệ phí

Mỗi một yêu cầu UTTP bắt buộc phải nộp phí/lệ phí, cụ thể

- Mức phí 150.000đ/hồ sơ UTTP đối với các vụ việc thụ lý trước ngày 01/01/2017⁸;

- Đối với các vụ việc thụ lý sau ngày 01/01/2017:

+ Hồ sơ UTTP ra của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân: mức lệ phí: 200.000đ/hồ sơ UTTP⁹.

+ Hồ sơ UTTP ra của cơ quan thi hành án dân sự: mức phí: 150.000đ/hồ sơ UTTP¹⁰.

2.3. Chi phí thực tế¹¹

Chi phí thực tế thực hiện UTTP ra bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- Chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ UTTP;

- Chi phí tổng đạt hồ sơ UTTP ở nước ngoài;

- Chi phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia liên quan.

Các chi phí phát sinh trong nước, ví dụ như chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ UTTP người có nghĩa vụ nộp chi phí sẽ thanh toán trực tiếp cho người cung cấp dịch vụ.

Các chi phí phát sinh ở nước ngoài mức thu, chế độ thu, cơ quan thu được hướng dẫn tại Mục I.4 theo từng kênh tương ứng.

⁷ Điều 68 Luật TTTP, khoản 3 Điều 2 Thông tịch liên tịch 12

⁸ Thông tư 18/2014/TT-BTC ngày 11/02/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thực hiện UTTP về dân sự

⁹ Nghị quyết số 326 quy định về lệ phí với Tòa án. Đối với Viện kiểm sát, do không có quy định riêng về thu phí như cơ quan thi hành án dân sự nên việc tổng đạt các văn bản tố tụng thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Mức lệ phí và cơ quan thu nộp lệ phí như Tòa án.

¹⁰ Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thực hiện UTTP về dân sự có yếu tố nước ngoài

¹¹ Khoản 5 Điều 6 Thông tư liên tịch 12

2.4 Cơ quan thu chi phí UTTP ra

Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có thẩm quyền thu chi phí UTTP ra¹².

3. Các bước lập hồ sơ UTTP ra

Bước 1: Xác định phạm vi yêu cầu¹³

- Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu;
- Triệu tập người làm chứng, người giám định;
- Thu thập, cung cấp chứng cứ;
- Các yêu cầu tương trợ tư pháp khác về dân sự

Bước 2 : Xác định quốc tịch, địa chỉ của người được yêu cầu thực hiện UTTP để xác định quốc gia được yêu cầu

Bước 3 : Lập hồ sơ và yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP nộp phí/lệ phí, chi phí thực tế

4. Cách thức lập hồ sơ

4.1. UTTP tổng đạt giấy tờ¹⁴

4.1.1. Quốc gia được yêu cầu là thành viên Công ước Tổng đạt (xem Phụ lục I)

Lưu ý: Việt Nam áp dụng 01 kênh chính, 04 kênh thay thế (kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp; kênh lãnh sự gián tiếp; kênh ngoại giao gián tiếp và kênh bưu điện) theo Công ước Tổng đạt. Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu thực hiện UTTP có thể chọn một trong các kênh để gửi hồ sơ UTTP nhưng cần chú ý các điểm sau:

- Căn cứ thực hiện tổng đạt giấy tờ theo Công ước Tổng đạt là địa chỉ của người được tổng đạt, chỉ cần người được tổng đạt có địa chỉ tại nước được yêu cầu (không nhất thiết người đó phải mang quốc tịch nước được yêu cầu) là có thể gửi yêu cầu tổng đạt giấy tờ cho nước đó thực hiện.

- Các kênh thay thế có giá trị thực hiện như kênh chính. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện Công ước cho thấy việc tổng đạt giấy tờ theo kênh chính tiết kiệm thời gian và hiệu quả hơn. Chính vì vậy, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP nên lựa chọn kênh chính để yêu cầu.

- Kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp (Điều 8 Công ước Tổng đạt) áp dụng đối với việc tổng đạt giấy tờ cho công dân của nước gửi và áp dụng đối với cả người khác có địa

¹² Điều 10 Nghị quyết 326; Điều 7 Thông tư liên tịch 12.

¹³ Điều 10 Luật TTTP

¹⁴ Khoản 1 Điều 10 Luật TTTP

chỉ tại nước nhận nếu quốc gia thành viên tuyên bố không phản đối (Xem Phụ lục IV). Việt Nam tuyên bố kênh này chỉ áp dụng đối với việc gửi giấy tờ cho công dân của nước gửi. Vì vậy, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam không nên gửi giấy tờ bằng kênh này cho người nhận không phải là công dân Việt Nam, kể cả khi quốc gia nhận không phản đối, do phía nước ngoài có khả năng áp dụng nguyên tắc có đi có lại với Việt Nam.

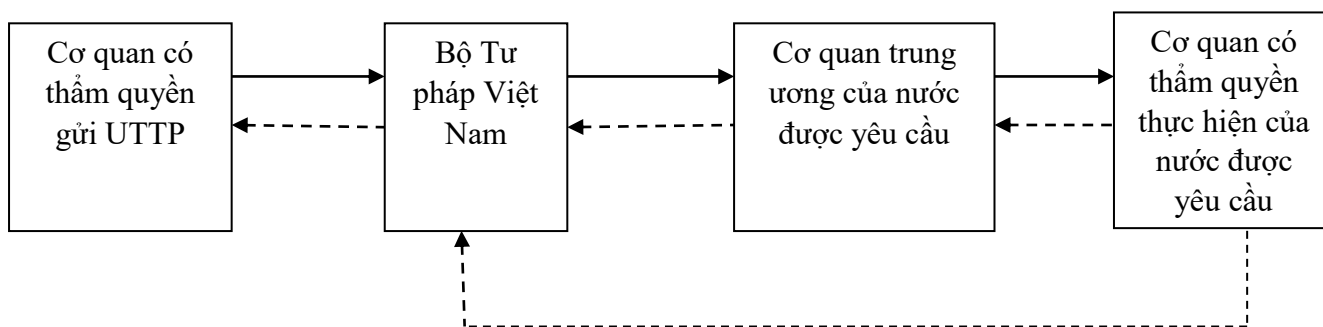
- Các kênh lãnh sự gián tiếp, ngoại giao gián tiếp thường chỉ sử dụng trong những trường hợp rất đặc biệt như **tổng đạt cho đương sự là nhà nước hoặc cơ quan nhà nước nước ngoài**.

- Kênh bưu điện áp dụng đối với giấy tờ gửi đi các nước thành viên Công ước Tổng đạt không phản đối việc gửi giấy tờ qua đường bưu điện. (Xem Phụ lục V). Khoản 1 Điều 173, khoản 2 Điều 175, điểm c khoản 1 Điều 474 BLTTDS 2015 quy định phương thức, thủ tục tổng đạt qua dịch vụ bưu chính nên đối với các nước thành viên Công ước Tổng đạt không phản đối việc gửi qua đường bưu điện và địa chỉ của người được tổng đạt chính xác, rõ ràng, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP cân nhắc việc sử dụng phương thức này để tiết kiệm chi phí cho đương sự, đặc biệt là UTTP tổng đạt giấy tờ đi những nước thu chi phí tổng đạt giấy tờ cao như Hoa Kỳ, Canada, Bỉ ...

- Với các nước là thành viên Công ước Tổng đạt đồng thời có Hiệp định với Việt Nam (Liên bang Nga, U-crai-na, Trung Quốc, Séc, Xlô-va-ki-a, Ba Lan, Bê-la-rút, Bun-ga-ri, Pháp, Hung-ga-ri và Ca-dắc-xtan), cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP có thể lập hồ sơ đề nghị thực hiện theo các kênh của Công ước Tổng đạt hoặc theo Hiệp định. Tuy nhiên, sau khi đánh giá giữa thực hiện theo Công ước Tổng đạt với Hiệp định, Bộ Tư pháp thấy rằng việc thực hiện theo Hiệp định thể hiện tính ưu việt hơn. Bộ Tư pháp khuyến nghị các cơ quan có yêu cầu UTTP nên cân nhắc lựa chọn để gửi các yêu cầu UTTP tổng đạt giấy tờ.

a. Kênh chính¹⁵

- Quy trình:



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

¹⁵ Điều 2 đến Điều 7 Công ước Tổng đạt

- Hồ sơ yêu cầu: lập 03 bộ và gồm các giấy tờ sau¹⁶:

+ Bản chính **Văn bản yêu cầu UTTP về dân sự** gửi Bộ Tư pháp do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự ký (**Mẫu số 01** ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12) (không cần dịch);

+ **Văn bản UTTP gửi Cơ quan Trung ương nước được yêu cầu UTTP** (theo **Mẫu số 02B** ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12). Yêu cầu về ngôn ngữ của văn bản này cần thực hiện theo đúng phần lưu ý. Các nội dung cần điền vào mẫu đã được hướng dẫn theo Thông tư liên tịch số 12. **Bộ Tư pháp sẽ ký văn bản này.** Ví dụ: *UTTP tổng đạt giấy tờ cho đương sự cư trú tại Hàn Quốc, thông tin và địa chỉ của người có thẩm quyền nhận tại mục (2) Mẫu 02B là Tòa án tối cao Hàn Quốc, đại chỉ Seocho-daero 219 Seocho-gu SEOUL 06590, Republic of Korea (Xem STT 29 Phụ lục I hoặc cập nhật thông tin tại trang điện tử: <https://www.hcch.net/en/states/authorities/details3/?aid=262>)*

+ Bản chính hoặc bản sao các **giấy tờ, tài liệu** khác phục vụ việc UTTP, kèm theo bản dịch được chứng thực hợp lệ sang ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước được yêu cầu chấp nhận;

+ **Biên lai** thu phí/lệ phí và giấy tờ xác nhận đã thanh toán chi phí thực tế cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài/biên lai tạm ứng chi phí thực tế.

- Chi phí thực hiện yêu cầu

+ Phí/Lệ phí yêu cầu: thực hiện theo Mục 1.2.2.

+ Chi phí UTTP ra tại nước ngoài

Đối với UTTP đến các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt đã có thông báo cụ thể về chi phí thực tế và phương thức thanh toán (*Xem Phụ lục II*), người có nghĩa vụ nộp chi phí thanh toán trực tiếp chi phí cho phía nước ngoài¹⁷, không phải nộp tạm ứng 3.000.000đ chi phí UTTP¹⁸. Ví dụ: *UTTP tổng đạt giấy tờ đi Hoa Kỳ phải trả chi phí thực hiện là 95 USD và thanh toán theo hình thức chuyển khoản cho Công ty ABC Legal. Hoa Kỳ đã thông báo chi phí và phương thức thanh toán nên người có nghĩa vụ nộp chi phí phải tự thực hiện chuyển khoản cho công ty này (xem thông tin tại số thứ tự 1 Phụ lục II hoặc cập nhật tra cứu thông tin tại <http://www.hagueservice.net/payfororder.asp>)*

Đối với UTTP đến các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt đã thông báo không thu/miễn chi phí thực hiện tổng đạt giấy tờ (*Xem Phụ lục III*), người có nghĩa vụ nộp chi phí

¹⁶ Điều 11 Luật TTTP và Điều 12 Thông tư liên tịch 12

¹⁷ Điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12

¹⁸ Điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12

ủy thác tư pháp về dân sự không phải nộp chi phí thực tế và không phải tạm ứng 3.000.000đ chi phí thực tế. Ví dụ: UTTP tổng đạt giấy tờ gửi đi CHLB Đức, người có nghĩa vụ nộp chi phí không phải nộp tạm ứng 3.000.000đ. (xem số thứ tự 23 Phụ lục III)

Đối với yêu cầu UTTP đến các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt chưa thông báo về chi phí thực tế hoặc đã thông báo có thu chi phí thực hiện UTTP nhưng thu sau (Xem Phụ lục II), cơ quan có thẩm quyền gửi hồ sơ UTTP thông báo yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP về dân sự nộp tạm ứng 3.000.000 đồng chi phí UTTP tại cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh. Ví dụ: UTTP tổng đạt giấy tờ gửi đi Nhật Bản, Nhật Bản thông báo sẽ thu phí do thừa phát lại thực hiện và Tòa án Nhật Bản sẽ gửi hoá đơn thông báo chi phí nên người có nghĩa vụ nộp chi phí phải nộp tạm ứng 3.000.000đ (xem số thứ tự 13 Phụ lục II).

Lưu ý:

- Khi lập Văn bản yêu cầu tổng đạt giấy tờ theo Mẫu 2B cần chú ý:

+ Mẫu 2B gồm 03 phần: (i) Yêu cầu tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp hoặc ngoài tư pháp; (ii) Giấy xác nhận kết quả tổng đạt; (iii) Tóm tắt giấy tờ tổng đạt. Mặt sau của yêu cầu tổng đạt là giấy xác nhận kết quả. 03 phần này cần tách thành từng trang riêng. Trường hợp các nội dung cần điền tại yêu cầu tổng đạt vượt quá 1 trang giấy nên không thể in giấy xác nhận kết quả ở mặt sau của yêu cầu tổng đạt thì phần giấy xác nhận kết quả tổng đạt in riêng ở trang tiếp theo trang cuối cùng của yêu cầu tổng đạt.

+ Bộ Tư pháp sẽ chịu trách nhiệm ký, đóng dấu văn bản này nên phần ký tên đóng dấu hướng dẫn số (10) Mẫu 2B cơ quan lập hồ sơ không ký tên, đóng dấu mà để trống đủ để Bộ Tư pháp ký, đóng dấu.

+ Mục 2 của Giấy xác nhận kết quả cần để khoảng trống để cơ quan nước ngoài có thể điền các thông tin nếu không thực hiện được việc tổng đạt.

+ Danh mục giấy tờ (hướng dẫn số 8) cần ghi đúng tiêu đề văn bản tổng đạt (không ghi theo nội dung văn bản tổng đạt), ghi chính xác số, ký hiệu (nếu có trích dẫn), ví dụ: Thông báo thụ lý vụ án số 15/TB-TL.

- Phần nội dung tiếng Anh tại Mẫu 2B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12 được lấy toàn bộ từ bản mẫu của Công ước Tổng đạt. Do vậy, cơ quan lập hồ sơ phải giữ nguyên các nội dung đã có sẵn tại Mẫu và có thể:

+ điền thêm thông tin bằng song ngữ Việt - Anh vào Mẫu 2B (song ngữ Việt – Anh) hoặc

+ điền thêm thông tin bằng tiếng Việt và dịch phần đã điền sang tiếng Anh hoặc ngôn ngữ của nước được yêu cầu .

Ngoài tiếng Anh, các mẫu song ngữ tiếng Anh kèm với tiếng Pháp, Trung, Séc, Đức, Ba Lan, Nga, Xlô - va- ki- a, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, U- crai-na cũng có trên trang thông tin của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế (<https://www.hcch.net/en/publications-and-studies/details4/?pid=6560&dtid=65>)(Service Section- mục Mandatory Form). Khi giấy tờ

được yêu cầu dịch sang ngôn ngữ của các nước nêu trên này thì nên sử dụng mẫu do những nước này cung cấp trên trang của Hội nghị La Hay. Các thông tin đã có sẵn trên mẫu cũng phải được giữ nguyên trong bản dịch.

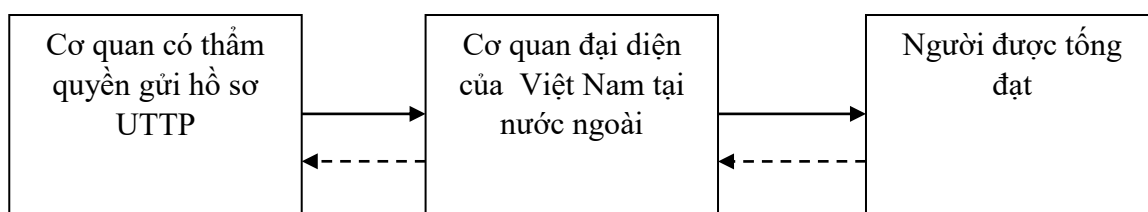
- Đối với các nước yêu cầu thanh toán trước tiền thực hiện tổng đạt giấy tờ, đã xác định chi phí phải trả và phương thức thanh toán chuyển khoản vào tài khoản đã được chỉ định, cơ quan có thẩm quyền UTTP :

+ **Không** yêu cầu đương sự nộp tạm ứng chi phí 3.000.000đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12 trong trường hợp đã thanh toán chi phí trước cho nước được yêu cầu và

+ **Có** hướng dẫn người có nghĩa vụ nộp chi phí thanh toán cả các khoản chi phí ngân hàng phát sinh như phí chuyển tiền ra nước ngoài, phí chuyển đổi ngoại tệ... để tránh trường hợp ngân hàng khấu trừ các khoản chi phí này vào khoản tiền phải nộp cho phía nước ngoài, dẫn đến hồ sơ bị trả lại do không nộp đủ chi phí cho nước ngoài và kiểm tra sau khi người có nghĩa vụ nộp chi phí xuất trình giấy tờ của ngân hàng chứng minh đã thanh toán chi phí đảm bảo chuyển đủ cho phía nước ngoài số tiền đã yêu cầu.

- Địa chỉ của người được tổng đạt phải đầy đủ chính xác (có tên tiểu bang đối với những nước liên bang, mã vùng), **không phải là địa chỉ hộp thư** (Một số nước có dịch vụ cho thuê các hộp thư để các tổ chức, cá nhân nhận bưu kiện, bưu phẩm. Bưu kiện, bưu phẩm gửi đến hộp thư này không có người ký nhận. Thông thường các địa chỉ hộp thư thường có chữ viết tắt là P.O BOX).

b. Kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp¹⁹



- Quy trình:

Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ yêu cầu²⁰:

¹⁹ Điều 8 Công ước Tổng đạt

²⁰ - Tính đến tháng 1/2018, TANDTC và Bộ Ngoại giao đang hoàn thiện dự thảo Thông tư liên tịch giữa TAND tối cao và Bộ Ngoại giao hướng dẫn tổng đạt văn bản cho công dân Việt Nam ở nước ngoài. Dự thảo Thông tư này có hướng dẫn và biểu mẫu Văn bản gửi Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài đề nghị tổng đạt giấy tờ, quy định chi phí thực tế thực hiện cùng cách thức thu, nộp. Các quy định này áp dụng cho việc tổng đạt văn

+ Bản chính Văn bản gửi Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài đề nghị tổng đạt giấy tờ do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc ký, đóng dấu.

+ Bản chính hoặc bản sao các giấy tờ, tài liệu cần tổng đạt, kèm theo bản dịch được chứng thực hợp lệ sang ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước được yêu cầu chấp nhận trong trường hợp người được tổng đạt là người nước ngoài.

+ Biên lai thu chi phí UTTP.

- Chi phí thực hiện

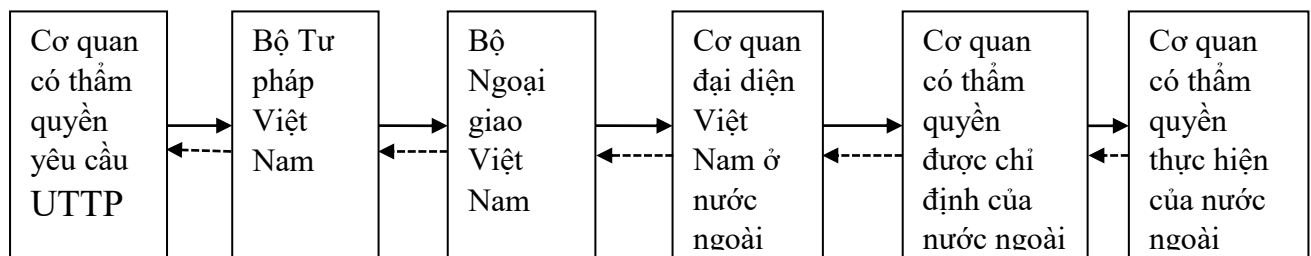
+ Phí/Lệ phí yêu cầu: thực hiện theo Mục I.2.2.

+ Chi phí thực tế: Theo quy định tại Thông tư liên tịch giữa TAND tối cao và Bộ Ngoại giao hướng dẫn tổng đạt văn bản cho công dân Việt Nam ở nước ngoài.

Ví dụ: Kênh này được sử dụng để gửi giấy tờ tổng đạt cho công dân nước gửi. Người được tổng đạt là công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể gửi hồ sơ cho Đại sứ quán Việt Nam tại nước nơi công dân Việt Nam cư trú. Theo quy định của điểm d khoản 1 Điều 474 BLTTDS năm 2015, hồ sơ gửi trực tiếp từ cơ quan có thẩm quyền đến Đại sứ quán Việt Nam bằng đường bưu điện, không phải thông qua Bộ Tư pháp. Tại một số quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt không tuyên bố Cơ quan đại diện của nước ngoài chỉ được tổng đạt giấy tờ cho công dân nước gửi như nước Anh thì Đại sứ quán Việt Nam có thể tổng đạt giấy tờ cho người được yêu cầu tổng đạt là công dân Anh hoặc công dân nước thứ ba (Xem số thứ tự 30 Phụ lục IV). Tuy nhiên, Việt Nam đã đưa ra tuyên bố nên những nước không tuyên bố có thể áp dụng nguyên tắc có đi có lại, không cho phép cơ quan đại diện của Việt Nam gửi giấy tờ cho người nhận không phải công dân Việt Nam tại nước ngoài.

c. Kênh lãnh sự gián tiếp²¹

- Quy trình:



bản cho công dân Việt Nam ở nước ngoài nhưng có thể áp dụng tương tự đối với yêu cầu tổng đạt văn bản cho công dân nước ngoài nếu nước có công dân đó không phản đối.

- Trong thời gian chưa ban hành Thông tư liên tịch nêu trên, việc tổng đạt văn bản cho công dân Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 33/TANDTC-HTQT ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

²¹ Đoạn 1 Điều 9 Công ước Tổng đạt

Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ yêu cầu²²: Lập 03 bộ gồm các văn bản sau:

+ Bản chính **Văn bản yêu cầu UTTP** về dân sự gửi Bộ Tư pháp do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự ký (**Mẫu số 01** ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12);

+ Bản chính hoặc bản sao **Văn bản UTTP gửi Cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu**: Có thể lập theo **một trong 02 mẫu**:

(i) Mẫu số 02A ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12 kèm theo bản dịch được chứng thực hợp lệ sang ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước được yêu cầu chấp nhận; hoặc

(ii) Mẫu số 02B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12 có thể làm bằng song ngữ hoặc được dịch sang tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc ngôn ngữ của nước được yêu cầu.

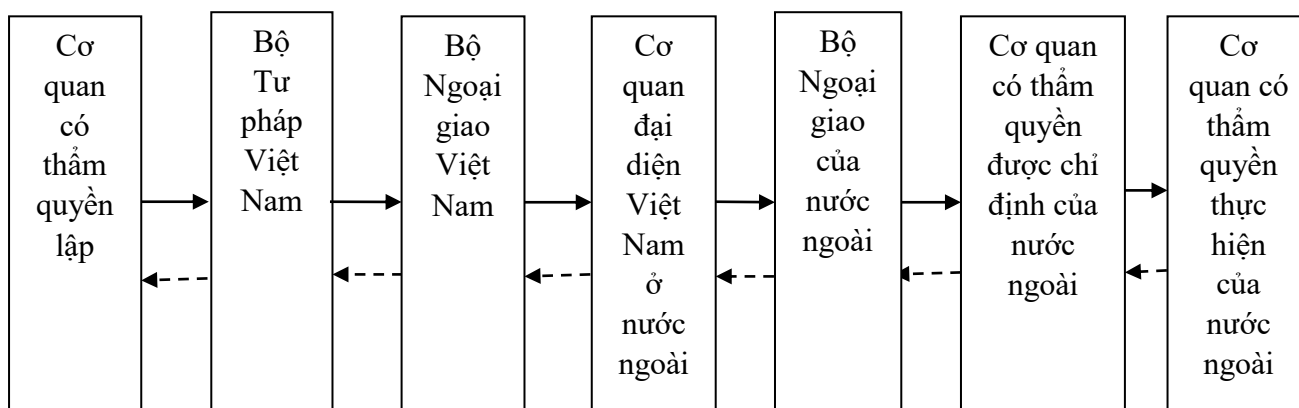
+ Bản chính hoặc bản sao các **giấy tờ, tài liệu** khác phục vụ việc UTTP, kèm theo bản dịch được chứng thực hợp lệ sang ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước được yêu cầu chấp nhận;

+ **Biên lai** thu phí/lệ phí và giấy tờ xác nhận đã thanh toán chi phí thực tế cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài/biên lai tạm ứng chi phí thực tế.

- Chi phí thực hiện: như Kênh chính tại Mục I.4.1.1.a

d. Kênh ngoại giao gián tiếp²³

- Quy trình:



²² Điều 11 Luật TTTP và Điều 12 Thông tư liên tịch 12

²³ Đoạn 2 Điều 9 Công ước Tổng đạt

Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

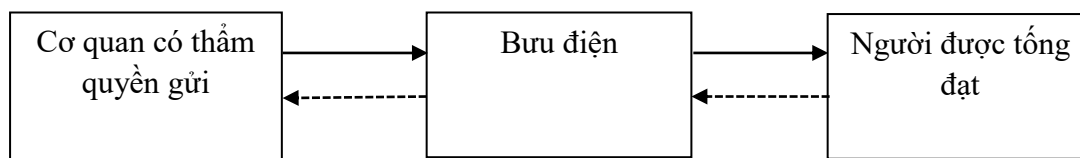
- Hồ sơ yêu cầu: Thực hiện như Kênh lãnh sự gián tiếp Mục I.4.1.1.c
- Chi phí thực hiện: Thực hiện như Kênh chính Mục I. 4.1.1.a

Lưu ý:

- Trường hợp yêu cầu UTTP thực hiện theo kênh lãnh sự gián tiếp hoặc ngoại giao gián tiếp, Công ước Tổng đạt không bắt buộc mà chỉ khuyến khích việc lập văn bản yêu cầu tổng đạt giấy tờ theo Mẫu của Công ước nên cơ quan yêu cầu có thể sử dụng Mẫu 2A hoặc 2B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12.
- Trường hợp cơ quan yêu cầu lựa chọn kênh lãnh sự gián tiếp hoặc ngoại giao gián tiếp để UTTP tổng đạt giấy tờ đi các nước thành viên Công ước Tổng đạt thì trong Văn bản yêu cầu UTTP về dân sự gửi Bộ Tư pháp (Mẫu 01) nêu rõ đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ yêu cầu theo quy định tại khoản 7 hoặc khoản 8 Điều 3 Thông tư liên tịch 12 để Bộ Tư pháp và cơ quan ngoại giao của Việt Nam tiến hành các quy trình tương ứng tiếp theo.
- Thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ theo các kênh lãnh sự, ngoại giao của Công ước Tổng đạt vẫn thu nộp chi phí như kênh chính.

e. Kênh bưu điện²⁴

- Quy trình:



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ:

²⁴ Điểm a Điều 10 Công ước tổng đạt.

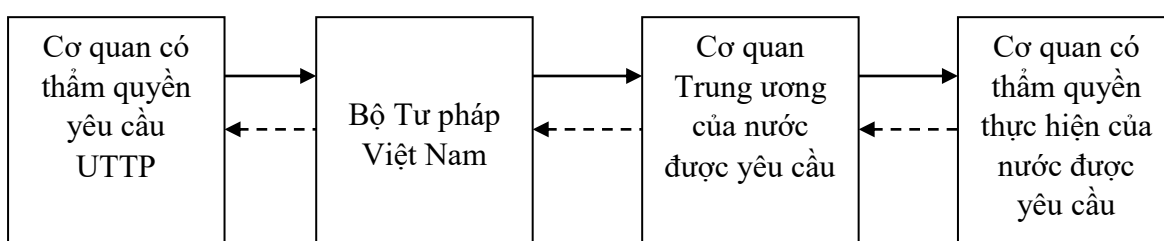
Các văn bản cần tổng đạt kèm theo bản dịch được chứng thực ra ngôn ngữ của nước mà người được tổng đạt có quốc tịch.

- Chi phí thực hiện: **không thu phí/lệ phí UTTP** và không phát sinh chi phí UTTP tại nước ngoài, đương sự thanh toán các chi phí thực tế phát sinh như: chi phí dịch các văn bản có trong hồ sơ, chi phí gửi bưu phẩm đi nước ngoài.

- Kết quả thể hiện việc tổng đạt là thông báo của bưu điện là giấy tờ về việc người được tổng đạt đã ký nhận/ từ chối nhận bưu phẩm hoặc không gửi được do địa chỉ không đúng, không có người nhận...

4.1.2. Quốc gia được yêu cầu có ký Hiệp định với Việt Nam (Xem Phụ lục VI)

- Quy trình:



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ: Lập 03 bộ gồm các văn bản, giấy tờ sau

+ Bản chính **Văn bản yêu cầu UTTP về dân sự gửi Bộ Tư pháp** do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc ký (**Mẫu số 01** ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12);

+ Bản chính hoặc bản sao **Văn bản UTTP gửi Cơ quan có thẩm quyền nước được UTTP** do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc ký (**Mẫu số 02A** ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12) kèm theo bản dịch đã được chứng thực hợp lệ ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ thứ ba theo quy định của Hiệp định. *Ví dụ ngôn ngữ sử dụng trong UTTP với Lãnh thổ Đài Loan là tiếng Trung hoặc tiếng Anh (Xem số thứ tự 16 Phụ lục VI)*

+ Các **giấy tờ, tài liệu** khác phục vụ việc UTTP có kèm theo bản dịch đã được chứng thực hợp lệ ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ thứ ba theo quy định của Hiệp định;

+ **Biên lai** thu phí/lệ phí.

- Chi phí thực hiện yêu cầu

+ Phí/Lệ phí: thực hiện theo Mục I.2.2.

+ Chi phí UTTP tại nước ngoài: Không phát sinh chi phí do các Hiệp định đều quy định việc thực hiện TTTP giữa hai bên miễn phí trừ trường hợp UTTP tổng đạt giấy tờ theo thủ tục đặc biệt.

Lưu ý:

- Về ngôn ngữ sử dụng trong UTTP, các Hiệp định ký kết với các nước/vùng lãnh thổ đều quy định các văn bản, giấy tờ, tài liệu phải kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ thứ ba (thông thường là tiếng Anh; hoặc tiếng Nga đối với các nước trong khối XHCN trước đây). Do vậy, trong trường hợp không thể dịch các văn bản ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu thì có thể dịch ra ngôn ngữ thứ ba được quy định. Tuy nhiên, để tạo thuận lợi cho các cơ quan trực tiếp thực hiện của Việt Nam cũng như cơ quan nước ngoài, cơ quan trung ương thực thi Hiệp định của hai Bên ký kết (Bộ Tư pháp Việt Nam và Bộ Tư pháp nước ký Hiệp định) thường trao đổi và thống nhất **khuyến khích sử dụng ngôn ngữ chính thức của hai Bên**, hạn chế tối đa ngôn ngữ thứ ba đã được quy định trong Hiệp định.

- Việc thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ đi các nước/vùng lãnh thổ có Hiệp định với Việt Nam không phát sinh chi phí trừ trường hợp yêu cầu thực hiện theo thủ tục đặc biệt, nên đối với trường hợp yêu cầu tổng đạt giấy tờ thông thường, cơ quan có thẩm quyền **không yêu cầu người nộp chi phí UTTP đóng tạm ứng 3.000.000đ** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12.

4.1.3 Quốc gia được yêu cầu không là thành viên Công ước Tổng đạt và không ký Hiệp định với Việt Nam.

Trường hợp này thực hiện theo kênh ngoại giao trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại.

- Quy trình thực hiện như kênh ngoại giao gián tiếp tại Mục I.4.1.1.d;

- Hồ sơ thực hiện như kênh Hiệp định TTTP tại Mục I.4. 1.2

- Chi phí thực hiện: Cho đến thời điểm hiện nay chưa có thông tin về chi phí thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ tại các nước không có điều ước quốc tế với Việt Nam. Do vậy, người nộp chi phí UTTP phải nộp tạm ứng 3.000.000đ chi phí thực hiện UTTP tại cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh²⁵.

4.2. UTTP thu thập, cung cấp chứng cứ và các UTTP khác²⁶

4. 2.1. Quốc gia được yêu cầu có ký Hiệp định với Việt Nam (Xem Phụ lục VI)

Quy trình và thủ tục thực hiện như Mục I.4.1.2.

4. 2.2. Quốc gia được yêu cầu không ký Hiệp định với Việt Nam.

Quy trình và thủ tục thực hiện như Mục I.4.1.3.

²⁵ Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12

²⁶ Khoản 2, 3, 4 Điều 10 Luật TTTP

Lưu ý chung đối với UTTP ra:

- Xây dựng văn bản yêu cầu đúng mẫu theo hướng dẫn;
 - Xác định rõ yêu cầu (**không cùng một lúc yêu cầu tổng đạt văn bản và thu thập chứng cứ lấy lời khai của đương sự**) và liệt kê đầy đủ, cụ thể, chính xác văn bản cần tổng đạt để tạo điều kiện thuận lợi cho phía nước ngoài khi thực hiện.
 - Tách riêng hồ sơ yêu cầu đối với mỗi một đương sự không có cùng địa chỉ. Đặc biệt UTTP tổng đạt giấy tờ đi Hoa Kỳ và bang Quebec (Canada) mỗi một đương sự là một yêu cầu có hồ sơ tổng đạt riêng và phải nộp phí trên mỗi yêu cầu, kể cả trường hợp hai hay nhiều đương sự có chung địa chỉ.
 - Tại Văn bản yêu cầu ủy thác tư pháp (Mẫu số 02A, 02B) cơ quan yêu cầu cung cấp địa chỉ thư điện tử (email) và số điện thoại chính thức để thuận tiện cho Bộ Tư pháp cũng như phía nước ngoài liên hệ trao đổi.
 - Thường xuyên kiểm tra, cập nhật thông tin liên quan đến các nước thành viên Công ước Tổng đạt tại địa chỉ <https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/authorities1/?cid=17> để lập hồ sơ chính xác, phù hợp với yêu cầu của các quốc gia.
 - Cơ sở pháp lý cho hoạt động UTTP thu thập chứng cứ là các Hiệp định và pháp luật TTTP trong nước; Công ước Tổng đạt chỉ áp dụng đối với UTTP tổng đạt giấy tờ gửi đi các nước là thành viên của Công ước. Do vậy, trong cùng một vụ việc dân sự nếu đồng thời phát sinh nhu cầu tổng đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ đối với cùng một đương sự thì cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP vẫn phải lập riêng hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ và hồ sơ UTTP thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, để có cơ sở yêu cầu và tiết kiệm thời gian, chi phí, trong vụ việc dân sự vừa tổng đạt giấy tờ vừa thu thập chứng cứ lấy lời khai của đương sự, các cơ quan lập hồ sơ có thể cân nhắc yêu cầu tổng đạt văn bản đề nghị đương sự (nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan) tự cung cấp ý kiến, chứng cứ, tài liệu (nếu có) kèm theo các văn bản khác trong hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ.
- Những trường hợp đề nghị người thứ ba cung cấp ý kiến, tài liệu ...thì phải lập hồ sơ thu thập chứng cứ riêng.

5. Thời gian chuyển hồ sơ

- Tại Cơ quan ngoại giao: Trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự thì thời gian để các cơ quan này gửi hồ sơ cho phía nước ngoài hoặc là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ²⁷.

²⁷ Điều 14 Thông tư liên tịch 12

- Tại Bộ Tư pháp: Thời gian Bộ Tư pháp Việt Nam rà soát tính hợp lệ của hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ để chuyển Cơ quan trung ương của nước được yêu cầu (trong trường hợp có Điều ước quốc tế) hoặc Bộ Ngoại giao (trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao) là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ²⁸.

6. Trả kết quả

6.1. Thời gian trả kết quả

- Tại Cơ quan ngoại giao: Trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự thì thời gian để các cơ quan này gửi thông báo kết quả thực hiện của phía nước ngoài cho Bộ Tư pháp là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời của phía nước ngoài (Điều 15 Thông tư liên tịch 12).

- Tại Bộ Tư pháp: Thời gian Bộ Tư pháp Việt Nam chuyển trả kết quả cho cơ quan đã gửi yêu cầu là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả từ Cơ quan trung ương/cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước được yêu cầu (trong trường hợp có Điều ước quốc tế) hoặc Bộ Ngoại giao (trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự).

6.2. Hồ sơ trả kết quả

Hồ sơ Bộ Tư pháp trả kết quả thực hiện tổng đạt giấy tờ cho cơ quan có thẩm quyền gửi hồ sơ bao gồm:

- Văn bản thông báo kết quả của Bộ Tư pháp;
- Các giấy tờ, tài liệu chứng minh việc thực hiện/không thực hiện được của phía nước ngoài.

Lưu ý: Theo quy định tại các Hiệp định cũng như điểm a Điều 5 Công ước Tổng đạt (đối với UTTP tổng đạt giấy tờ) và thông lệ quốc tế thì việc thực hiện UTTP tuân theo quy định pháp luật của nước được yêu cầu.

Ngoài ra, các Hiệp định và điểm b Điều 5 Công ước Tổng đạt (đối với UTTP tổng đạt giấy tờ) cũng ghi nhận việc thực hiện tổng đạt giấy tờ theo phương thức mà nước yêu cầu đề nghị (có thể coi là thực hiện theo thủ tục đặc biệt) với điều kiện: (i) phương thức đó không trái quy định pháp luật của nước được yêu cầu và (ii) nếu phát sinh chi phí thì bên yêu cầu phải chi trả.

Chính vì vậy, cơ quan có thẩm quyền gửi UTTP ra không nên căn cứ các quy định về thủ tục, phương thức thực hiện tổng đạt giấy tờ, thu thập chứng cứ ... của pháp luật trong nước để đánh giá tính hợp pháp của kết quả do phía nước ngoài thực hiện. Trường

²⁸ Khoản 2 Điều 14 Luật TTTP

hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu đề nghị việc thực hiện UTTP ra theo trình tự, thủ tục hoặc phương thức cụ thể phù hợp với quy định pháp luật trong nước mà pháp luật nước ngoài không quy định thì đây là yêu cầu thực hiện theo thủ tục đặc biệt, có thể phát sinh chi phí phải chi trả cho phía nước ngoài.

II. Ủy thác tư pháp từ nước ngoài đến Việt Nam (UTTP vào)

1. Thẩm quyền thực hiện²⁹

Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện UTTP vào gồm:

- Tòa án nhân dân cấp tỉnh³⁰;
- Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh trong trường hợp tổng đạt giấy tờ của nước ngoài liên quan đến thi hành án³¹;
- Thừa phát lại thực hiện tổng đạt giấy tờ theo quy định của pháp luật³².

2. Chi phí thực hiện

Chi phí thực hiện UTTP vào bao gồm lệ phí theo quy định pháp luật Việt Nam và chi phí thực tế sẽ phát sinh trong quá trình cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện tại Việt Nam.

2.1 Người có nghĩa vụ nộp³³

Người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP vào là cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có yêu cầu UTTP với Việt Nam.

2.2 Lệ phí

Trong trường hợp giữa Việt Nam và nước yêu cầu không cùng ký kết, tham gia điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự thì người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP vào phải nộp 1.000.000đ/yêu cầu³⁴.

²⁹ Khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch 12

³⁰ Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh không bị giới hạn, có nghĩa là cơ quan này có thẩm quyền thực hiện tất cả các yêu cầu

³¹ Điều 181 Luật Thi hành án dân sự, Khoản 4 Điều 50 Nghị định 62

³² Quy định thừa phát lại tổng đạt giấy tờ nước ngoài đã được đưa vào dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại, hiện Bộ Tư pháp đang nghiên cứu xây dựng thông tư hướng dẫn chi tiết về nội dung này.

³³ Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch 12

³⁴ Khoản 7 Điều 4, Điều 43 Nghị quyết số 326 và Mục B.II.7 Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 326.

Người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP vào không phải nộp lệ phí nêu trên trong trường hợp giữa Việt Nam và nước yêu cầu cùng ký kết Hiệp định hoặc nước yêu cầu là thành viên Công ước Tổng đạt nếu yêu cầu UTTP tổng đạt giấy tờ.

2.3 Chi phí thực tế³⁵

Bao gồm:

- Chi phí trả cho tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam – quy định này nhằm đến việc trả chi phí cho thừa phát lại thực hiện tổng đạt giấy tờ (việc trả chi phí cho tổ chức, cá nhân không phải thuộc cơ quan nhà nước đã thực hiện việc tổng đạt);

- Chi phí phát sinh do phía nước ngoài yêu cầu thực hiện UTTP theo thủ tục đặc biệt.
Ví dụ: phía nước ngoài yêu cầu việc tổng đạt phải có người thứ ba làm chứng thì thù lao trả cho người làm chứng (nếu có) do phía nước ngoài chi trả.

2.4 Cơ quan thu và quy trình thu nộp

Về lệ phí:

Bộ Ngoại giao là cơ quan thu lệ phí 1.000.000 đồng trong trường hợp nước yêu cầu không có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam.

Về chi phí thực tế:

- Trường hợp đã xác định được chi phí thực tế khi tiếp nhận yêu cầu tổng đạt giấy tờ của phía nước ngoài, cơ quan đã tiếp nhận yêu cầu (Bộ Ngoại giao trong trường hợp nước yêu cầu không có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam; Bộ Tư pháp trong trường hợp nước yêu cầu có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam) thông báo cơ quan/tổ chức nước ngoài nộp chi phí thực tế

- Trường hợp sau khi tiếp nhận yêu cầu tổng đạt giấy tờ từ Bộ Tư pháp, cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP vào đã nêu tại Mục 3.1 mới xác định chi phí thực tế thì trong 05 ngày làm việc, cơ quan này thông báo cho Bộ Tư pháp số chi phí phía nước ngoài phải nộp và phương thức nộp và ấn định cho phía nước ngoài thời hạn nộp không quá 60 ngày; trong thời hạn 05 ngày làm việc Bộ Tư pháp thông báo cho cơ quan/tổ chức đã gửi yêu cầu (trong trường hợp nước yêu cầu có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam) hoặc cho Bộ Ngoại giao (trường hợp nước yêu cầu không có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam) để Bộ Ngoại giao thông báo cơ quan/tổ chức đã gửi yêu cầu.

3. Phương thức thực hiện

UTTP vào được thực hiện theo quy định pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật thi hành án dân sự³⁶.

³⁵ Khoản 6 Điều 6 Thông tư liên tịch 12

Như vậy quy định của Thông tư liên tịch 12 dẫn chiếu lại pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật thi hành án dân sự. Đối chiếu với các quy định pháp luật này thì việc thực hiện UTTP vào như sau:

Thứ nhất, trường hợp UTTP tổng đạt giấy tờ được thực hiện theo các phương thức:

+ Đối với giấy tờ liên quan đến thi hành án – thực hiện theo Điều 40, 41, 42, 43 Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung 2014).

- Tổng đạt trực tiếp cho người được yêu cầu; trường hợp người được yêu cầu vắng mặt thì giao giấy tờ cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với người đó.

- Niêm yết công khai khi không rõ địa chỉ của người được yêu cầu hoặc không thể thực hiện được việc thông báo trực tiếp;

- Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nếu nước ngoài có yêu cầu và đã nộp chi phí thực tế phát sinh (nếu có).

+ Đối với các giấy tờ liên quan đến Tòa án – thực hiện theo quy định của Điều 177, 178, 179, 180 BLTTDS 2015, cụ thể

- Tổng đạt trực tiếp cho người được yêu cầu.

- Niêm yết công khai áp dụng trong trường hợp không thực hiện được tổng đạt trực tiếp.

- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nếu nước ngoài có yêu cầu và đã nộp chi phí thực tế phát sinh (nếu có).

Thứ hai, trường hợp UTTP thu thập chứng cứ được thực hiện theo quy định tương ứng từ Điều 98 đến Điều 104 BLTTDS 2015.

Lưu ý: Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP gửi qua đường bưu điện thông báo yêu cầu đương sự đến trụ sở để nhận hồ sơ UTTP của nước ngoài và bưu điện hoàn trả thông báo của Tòa án do địa chỉ không đầy đủ, không chính xác, không có người nhận, người nhận đã chuyển đi nơi khác hoặc người nhận từ chối, ... cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP cần xác minh lại các thông tin, lý do không gửi được thông báo cho người được yêu cầu như bưu điện cung cấp. Sau đó, lập Văn bản thông báo kết quả UTTP của nước ngoài (theo Mẫu 03 kèm theo Thông tư liên tịch 12) kèm theo biên bản xác minh gửi lại cho Bộ Tư pháp.

Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP giao cho thừa phát lại tổng đạt thông báo yêu cầu đương sự đến trụ sở để nhận hồ sơ UTTP của nước ngoài và thừa phát lại đã tổng đạt thành công nhưng đương sự không có mặt theo thông báo thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP cần tổng đạt hồ sơ UTTP trực tiếp cho đương sự hoặc thông

³⁶ Khoản 2 Điều 20 Thông tư liên tịch 12

qua thừa phát lại. Sau đó, lập Văn bản thông báo kết quả UTTP của nước ngoài (Mẫu 03 kèm theo Thông tư liên tịch 12) gửi lại cho Bộ Tư pháp.

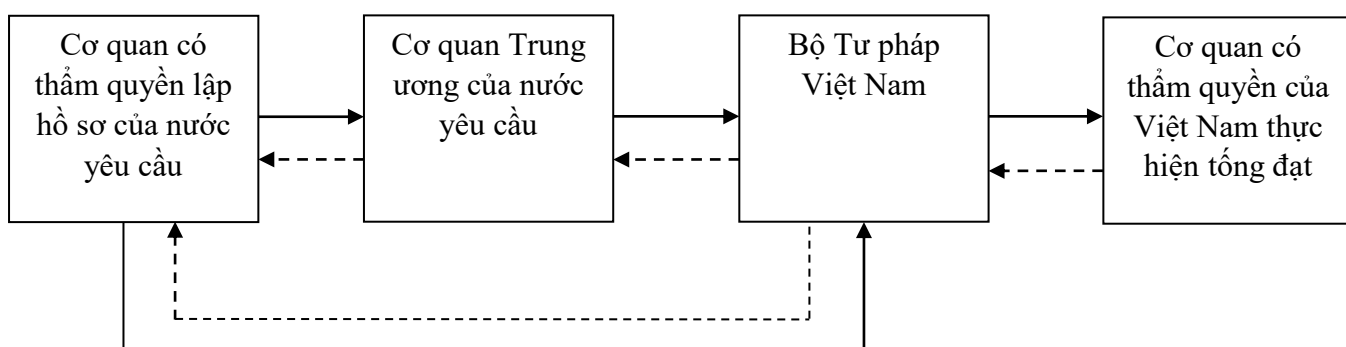
4. Các kênh thực hiện

4.1 Theo Công ước Tổng đạt

Phạm vi áp dụng: chỉ áp dụng đối với yêu cầu UTTP tổng đạt giấy tờ đến từ các nước thành viên Công ước Tổng đạt.

4.1.1 Kênh chính

- Quy trình



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ yêu cầu:

+ Văn bản yêu cầu tổng đạt giấy tờ theo mẫu ban hành cùng Công ước Tổng đạt được lập bằng ngôn ngữ của nước yêu cầu kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc được lập bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp.

+ Các **giấy tờ tài liệu** cần được tổng đạt kèm theo bản dịch tiếng Việt.

+ Giấy tờ thể hiện đã nộp chi phí thực tế (nếu phát sinh)

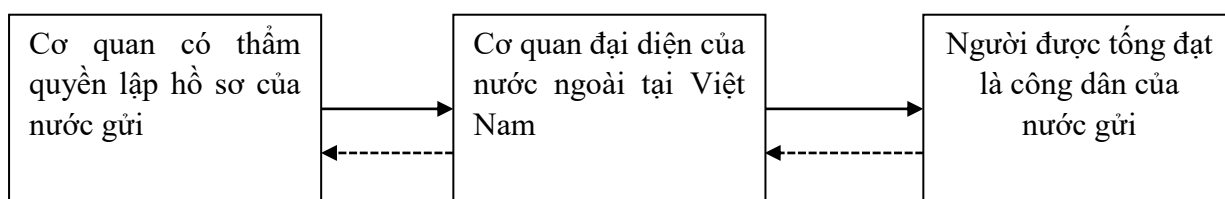
- Chi phí thực hiện:

+ Lệ phí UTTP vào: không phải nộp.

+ Chi phí thực tế nộp theo Mục II.2.3 (nếu phát sinh)

4.1.2 Kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp

- Quy trình



Gửi đi: _____

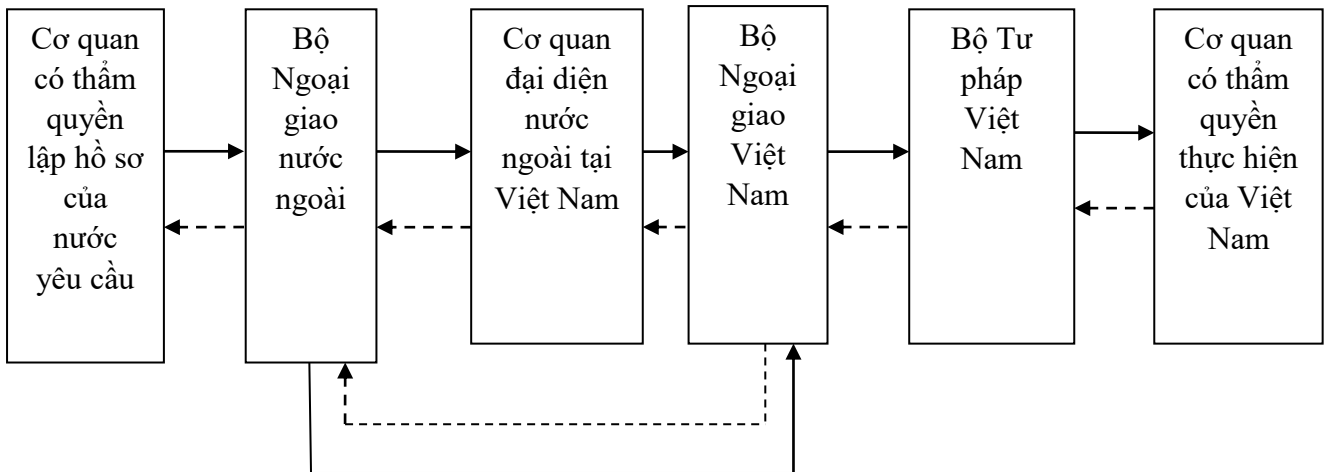
Trả kết quả: - - - - -

Về cơ bản thực hiện theo kênh này có thể coi như việc hỗ trợ nội bộ giữa hai cơ quan của nước gửi nên quy định pháp luật Việt Nam không điều chỉnh.

Lưu ý: Khi gia nhập Công ước Tổng đạt, Việt Nam tuyên bố phản đối việc áp dụng kênh này với người không phải là công dân nước gửi (tức là công dân Việt Nam, công dân nước thứ ba tại Việt Nam). Do vậy, cơ quan có thẩm quyền gửi tổng đạt giấy tờ của nước ngoài chỉ có thể sử dụng kênh này để gửi giấy tờ cho công dân của nước mình.

4.1.3 Kênh ngoại giao gián tiếp

- Quy trình



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ

+ Văn bản của cơ quan ngoại giao nước ngoài gửi cơ quan ngoại giao hoặc Bộ Tư pháp Việt Nam thông báo chuyên yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ và đề nghị hỗ trợ thực hiện.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ của nước yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thực hiện tổng đạt giấy tờ kèm theo bản dịch tiếng Việt.

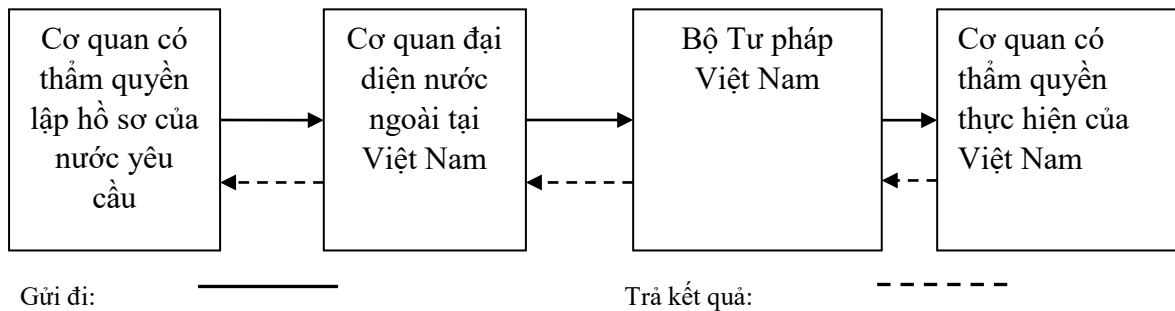
+ Giấy tờ, tài liệu cần tổng đạt kèm theo bản dịch tiếng Việt.

+ Giấy tờ thể hiện đã nộp chi phí thực hiện tổng đạt giấy tờ (nếu phát sinh).

- Chi phí

Thực hiện như kênh chính

4.1.4 Kênh lãnh sự gián tiếp



- Hồ sơ

+ Văn bản của cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam gửi Bộ Tư pháp Việt Nam thông báo chuyển yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ và đề nghị hỗ trợ thực hiện.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ của nước yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thực hiện tổng đạt giấy tờ kèm theo bản dịch tiếng Việt.

+ Giấy tờ, tài liệu cần tổng đạt kèm theo bản dịch tiếng Việt.

+ Giấy tờ thể hiện đã nộp chi phí thực hiện tổng đạt giấy tờ (nếu phát sinh).

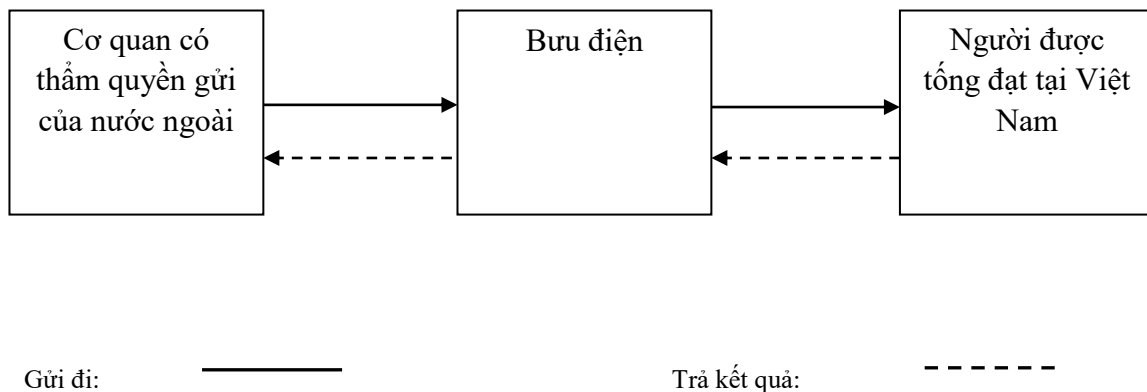
- Chi phí

Thực hiện như kênh chính

4.1.5 Kênh bưu điện

- Phạm vi áp dụng: khi gia nhập Công ước Tổng đạt, Việt Nam tuyên bố không phản đối việc tổng đạt giấy tờ bằng hình thức gửi qua đường bưu điện. Do vậy, các nước thành viên Công ước Tổng đạt có thể sử dụng phương thức gửi bưu điện bảo đảm có báo phát cho người được tổng đạt đang cư trú tại Việt Nam.

- Quy trình



- Hồ sơ: bao gồm các giấy tờ, tài liệu tổng đạt cho người nhận theo quy định của nước gửi. Trường hợp người nhận là công dân Việt Nam phải kèm theo bản dịch tiếng Việt. (Việt Nam tuyên bố là các giấy tờ chuyển qua Việt Nam phải dịch sang tiếng Việt trừ trường hợp gửi cho công dân của nước gửi theo kênh lãnh sự/ ngoại giao trực tiếp hoặc kênh bưu điện)

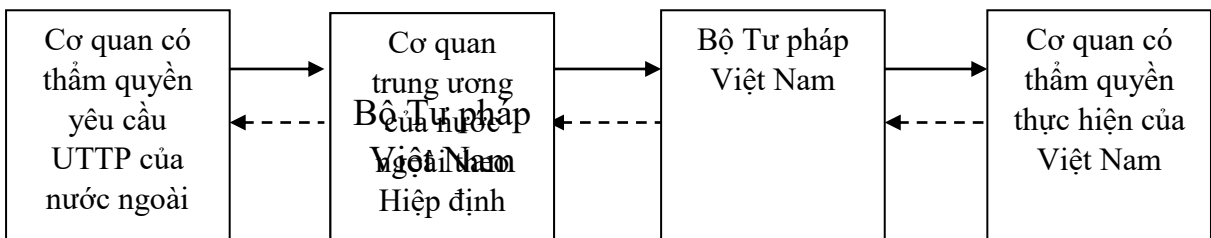
- Kết quả: tương tự như UTTP tổng đạt giấy tờ đi, kết quả tổng đạt là thông báo của bưu điện về việc người được tổng đạt đã ký nhận/ từ chối nhận bưu phẩm hoặc không gửi được do địa chỉ không đúng, không có người nhận...

Lưu ý: Tuyên bố của Việt Nam khi gia nhập Công ước Tổng đạt không phản đối việc gửi giấy tờ theo kênh này với điều kiện việc gửi giấy tờ thông qua dịch vụ bưu chính bằng thư bảo đảm. Do vậy, cơ quan có thẩm quyền gửi tổng đạt văn bản của nước ngoài có thể sử dụng kênh này để gửi giấy tờ cho công dân Việt Nam và người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam.

4.2. Theo Hiệp định

- Phạm vi áp dụng: áp dụng đối với tất cả các yêu cầu UTTP được quy định tại Điều 10 Luật TTTP năm 2007 đến từ các nước đã ký Hiệp định TTTP về dân sự với Việt Nam

- Quy trình



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ:

+ Văn bản của Cơ quan Trung ương nước yêu cầu gửi Bộ Tư pháp Việt Nam thông báo gửi hồ sơ và đề nghị hỗ trợ thực hiện.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tổng đạt giấy tờ của nước ngoài gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đề nghị thực hiện kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc ngôn ngữ nước thứ 3 theo quy định của Hiệp định.

+ Giấy tờ, tài liệu cần tổng đạt kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc ngôn ngữ nước thứ 3 theo quy định của Hiệp định.

+ Giấy tờ thể hiện đã nộp chi phí thực tế (nếu phát sinh)

Chi phí thực hiện: áp dụng như kênh chính của Công ước Tổng đạt.

Lưu ý: Như đã đề cập tại Mục I.4.1.2 về ngôn ngữ sử dụng trong UTTP, các Hiệp định ký kết với các nước/vùng lãnh thổ đều quy định các văn bản, giấy tờ, tài liệu phải kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ thứ ba. Do vậy trường hợp hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ đến của nước ký kết Hiệp định với Việt Nam không được dịch ra tiếng Việt mà dịch ra ngôn ngữ thứ ba đã được quy định trong Hiệp định thì các cơ quan thực hiện của Việt Nam không được từ chối.

4.3 Theo Kênh ngoại giao không có điều ước quốc tế (áp dụng nguyên tắc có đi có lại).

- Phạm vi áp dụng: Đối với tất cả các yêu cầu UTTP được quy định tại Điều 10 Luật TTTP đến từ các nước không ký Hiệp định và không là thành viên của Công ước Tổng đạt. Xác định việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại do Bộ Ngoại giao chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xem xét, quyết định³⁷.

- Quy trình: áp dụng như kênh ngoại giao gián tiếp tại Mục 3.4.1.3.

- Hồ sơ: áp dụng như kênh ngoại giao gián tiếp của Công ước Tổng đạt.

- Chi phí thực hiện:

+ Lệ phí: 1.000.000đ/yêu cầu

+ Chi phí thực tế: theo thực tế phát sinh nếu có.

Lưu ý chung khi thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ vào

- Bộ Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền thực hiện trong nước không được từ chối thực hiện yêu cầu khi xét thấy: (i) vụ việc phía nước ngoài đang giải quyết thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam; (ii) khả năng yêu cầu tổng đạt dẫn đến một phán quyết có thể không được công nhận tại Việt Nam kể cả lý do không công nhận là vì vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam; (iii) không đủ thời gian để thực hiện yêu cầu (thời hạn phía nước ngoài yêu cầu người được tổng đạt trả lời ý kiến hoặc triệu tập họ là quá ngắn không đảm bảo cho họ thực hiện quyền); (iv) yêu cầu khởi kiện trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

- Văn bản thông báo kết quả thực hiện của cơ quan có thẩm quyền thực hiện cho Bộ Tư pháp lập đúng Mẫu 03 ban hành kèm Thông tư liên tịch 12.

5. Thời gian chuyển hồ sơ và thông báo kết quả thực hiện

³⁷ Điều 4, Điều 66 Luật TTTP và Điều 5 Thông tư liên tịch 12

5.1 Thời gian chuyển hồ sơ

- Tại Cơ quan ngoại giao: Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự thì thời gian để các cơ quan này gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ³⁸

- Tại Bộ Tư pháp: Thời gian Bộ Tư pháp Việt Nam rà soát tính hợp lệ của hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ để chuyển Cơ quan có thẩm quyền thực hiện trong nước là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài³⁹.

- Tại cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP: Thời gian cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP thực hiện yêu cầu: (i) trường hợp phía nước ngoài ấn định thời gian thì thực hiện trong khoảng thời gian được yêu cầu; (ii) trường hợp thời gian yêu cầu không đủ để thực hiện hoặc phía nước ngoài không ấn định thời gian thực hiện thì thực hiện trong khoảng thời gian nhanh nhất có thể nhưng tối đa không quá 90 ngày⁴⁰.

5.2 Thông báo kết quả thực hiện.

5.2.1 Thời gian trả kết quả

- Tại cơ quan có thẩm quyền thực hiện: thời gian trả kết quả cho Bộ Tư pháp là 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong/hoặc không thực hiện được yêu cầu⁴¹.

- Tại Bộ Tư pháp: Thời gian Bộ Tư pháp Việt Nam chuyển trả kết quả cho Cơ quan trung ương/cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước được yêu cầu (trong trường hợp có Điều ước quốc tế) hoặc Bộ Ngoại giao (trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao) là 05 ngày làm việc⁴².

- Tại Cơ quan ngoại giao: Trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự thì thời gian để các cơ quan này gửi thông báo kết quả thực hiện cho phía nước ngoài là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Tư pháp⁴³.

5.2.2 Hồ sơ trả kết quả

Hồ sơ trả kết quả thực hiện UTTP vào cho cơ quan có thẩm quyền gửi hồ sơ của phía nước ngoài bao gồm:

- Hồ sơ cơ quan thực hiện UTTP vào của Việt Nam trả kết quả cho Bộ Tư pháp:

³⁸ Điều 19 Thông tư liên tịch 12

³⁹ Điều 19 Thông tư liên tịch 12

⁴⁰ Điều 20 Thông tư liên tịch 12

⁴¹ Điều 21 Thông tư liên tịch 12

⁴² Điều 21 Thông tư liên tịch 12

⁴³ Điều 21 Thông tư liên tịch 12

+ Công văn thông báo kết quả thực hiện (**Mẫu số 3** ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12).

+ Các giấy tờ, tài liệu (biên bản) chứng minh việc thực hiện/không thực hiện được yêu cầu.

- Hồ sơ Bộ Tư pháp trả kết cho nước ngoài

+ Văn bản của Bộ Tư pháp thông báo kết quả thực hiện (trường hợp yêu cầu được thực hiện theo Kênh chính của Công ước Tổng đạt văn bản trả lời theo mẫu của Công ước).

+ Hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền thực hiện trong nước đã trả cho Bộ Tư pháp.

III. Hướng dẫn lập hồ sơ trong một số trường hợp cụ thể

1. Ủy thác tư pháp ra

1.1 Tổng đạt giấy tờ theo kênh chính

Nội dung: Thẩm phán Dương Văn C, Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Thái Nguyên đang giải quyết vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản giữa:

Nguyên đơn: bà Trần Thị A

Địa chỉ: 29 Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: ông Trần Văn B, Quốc tịch Hoa Kỳ

Địa chỉ: 155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, the USA

Trong quá trình giải quyết vụ việc, TAND tỉnh Thái Nguyên cần xây dựng hồ sơ ủy thác tư pháp để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 12/TA-TBTL ngày 30/9/2017 (Thông báo thụ lý vụ án số 12/TA-TBTL) theo quy định tại Điều 476 BLTTDS 2015 đối với bị đơn. Trong nội dung Thông báo thụ lý vụ án số 12/TA-TBTL có thông báo về thời gian mở phiên họp hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc như sau: “Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên sẽ mở phiên họp hòa giải vào 8h00 ngày 27/4/2018. Phiên họp hòa giải sẽ được mở lại vào 8h00 ngày 28/5/2018. Phiên tòa sơ thẩm sẽ được mở vào hồi 8h00 ngày 02/8/2018 tại phòng 101, trụ sở TAND tỉnh Thái Nguyên”. Đồng thời tổng đạt Văn bản số 15/TA-TB ngày 30/9/2017 (Văn bản số 15/TA-TB) yêu cầu ông Trần Văn B cung cấp ý kiến về các yêu cầu của bà Trần Thị A

Để tổng đạt được Thông báo thụ lý vụ án số 12/TA-TBTL và Văn bản số 15/TA-TB cho bị đơn, Tòa án cần tiến hành các bước sau:

- *Bước 1:* Xác định quốc gia được yêu cầu và quốc tịch của đương sự thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ để lập hồ sơ yêu cầu đúng quy định.

Trong vụ án này ông Trần Văn B – quốc tịch Hoa Kỳ, cư trú tại Hoa Kỳ. Tham khảo Phụ lục I, Hoa Kỳ là thành viên của Công ước tổng đạt nên hồ sơ được lập theo hướng dẫn tại Mục I.4.1.1.a Sổ tay hướng dẫn thực hiện TTTP về dân sự; ngôn ngữ UTTP tiếng Việt kèm bản dịch tiếng Anh.

- *Bước 2:* Nộp chi phí UTTP

UTTP tổng đạt giấy tờ cho ông Trần Văn B đi Hoa Kỳ phải nộp: 200.000đ lệ phí UTTP theo quy định của Nghị quyết 326 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên; chi phí UTTP trả cho Hoa Kỳ 95 USD chuyển khoản cho Công ty ABC Legal (tham khảo Phụ lục II). *Lưu ý: Số tiền đương sự phải chuyển cho Công ty ABC Legal là 95 USD, các chi phí khác liên quan đến việc chuyển tiền do đương sự tự thanh toán với ngân hàng, không nằm trong số tiền 95 USD.*

- *Bước 3:* Lập hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ

+ Hồ sơ tổng đạt giấy tờ cho ông Trần Văn B, gồm các giấy tờ sau:

- (i) Biên lai thu lệ phí UTTP và giấy chuyển tiền cho công ty ABC Legal của ngân hàng.
- (ii) Văn bản cần tổng đạt kèm bản dịch ra ngôn ngữ nước được yêu cầu
- (iii) Các văn bản theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI
NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTTTPDS-TA55
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Thái Nguyên, ngày tháng 10 năm 2017

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: 364/1 đường Bắc Kạn - Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Đang giải quyết vụ án (vụ việc) về: **việc tranh chấp thừa kế giữa**

Nguyên đơn: bà Trần Thị A

Địa chỉ: 29 Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: ông Trần Văn B, quốc tịch Hoa Kỳ

Địa chỉ: **155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, USA**

Xét thấy việc uỷ thác tư pháp là cần thiết cho việc giải quyết vụ việc, **Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;**

Căn cứ vào Điều 5 Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại và Điều 474, 476 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 11 và Điều 13 Luật tương trợ tư pháp năm 2007;

Quyết định uỷ thác tư pháp cho: **Process Forwarding International, 633 Yesler Way, Seattle, WA 98104, USA**

Để tiến hành việc: **tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 12/TBTL-TA ngày 30/9/2017 và văn bản số 15/TA-TB ngày 30/9/2017.**

Đối với: **ông Trần Văn B**

Quốc tịch: **Hoa Kỳ;**

Địa chỉ: **155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, USA.**

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ uỷ thác tư pháp này tới cơ quan có thẩm quyền và gửi kết quả về **Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên** trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký) Dương Văn C

YÊU CẦU TỔNG ĐẠT RA NƯỚC NGOÀI GIẤY TỜ TƯ PHÁP VÀ NGOÀI TƯ PHÁP
REQUEST FOR SERVICE ABROAD OF JUDICIAL OR EXTRAJUDICIAL DOCUMENTS

Công ước về Tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, ký tại La Hay, ngày 15/11/1965

Convention on the Service Abroad of Judicial and Extrajudicial Documents in Civil or Commercial Matters, signed at The Hague, the 15th of November 1965

Bộ Tư pháp Việt Nam

The Ministry of Justice of Viet Nam

Địa chỉ/Address: 58-60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam/ 58-60 Tran Phu Street, Ba Dinh District, Ha Noi City, Viet Nam

Điện thoại/Tel: (+84) 62739446 or (+84) 62739532

Email: mlvietnam@moj.gov.vn

Process Forwarding International

633 Yesler Way, Seattle, WA 98104, USA

Tel: +1 206 521 2979

Email: info@hagueservice.net

Người có thẩm quyền gửi ký tên dưới đây trân trọng chuyển các giấy tờ được liệt kê trong danh mục dưới đây (2 bộ) và yêu cầu tổng đạt ngay một bộ hồ sơ, theo Điều 5 Công ước nêu trên, đến người được tổng đạt là:

The undersigned applicant has the honour to transmit – in duplicate – the documents listed below and, in conformity with Article 5 of the above-mentioned Convention, requests prompt service of one copy thereof on the addressee, i.e.:

Ông Trần Văn B/ Mr. Tran Van B

Quốc tịch/Nationality: Hoa Kỳ/American

Địa chỉ/ Address: 155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, USA

- | | |
|-------------------------------------|--|
| <input checked="" type="checkbox"/> | a) phù hợp với các quy định tại điểm a đoạn 1 Điều 5 Công ước này
in accordance with the provisions of sub-paragraph <i>a</i>) of the first paragraph of Article 5 of the Convention |
| <input type="checkbox"/> | b) phù hợp với phương thức cụ thể dưới đây (điểm b đoạn 1 Điều 5 Công ước này):
in accordance with the following particular method (sub-paragraph <i>b</i>) of the first paragraph of Article 5): |
| <input type="checkbox"/> | c) bằng cách chuyển giao cho người được tổng đạt, nếu người này tự nguyện nhận (đoạn 2 Điều 5 Công ước này)
by delivery to the addressee, if he accepts it voluntarily (second paragraph of Article 5) |

Người có thẩm quyền được yêu cầu trả lại một bản sao các giấy tờ đã được cung cấp và các phụ lục kèm theo một Giấy xác nhận kết quả cho người có thẩm quyền gửi.

The authority is requested to return or to have returned to the applicant a copy of the documents and of the annexes - with the attached certificate.

Danh mục giấy tờ/ List of documents

- Thông báo thụ lý vụ án số 12/TBTL-TA ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

The Notice of case acceptance No 12/TBTL-TA dated 30/9/2016 of the People's Court of Thai Nguyen province

- Văn bản số 15/TA-TB ngày 30/9/2017

Official document No 15/TA-TB dated 30/9/2017

Lập tại/ Done at: Hà Nội/Ha Noi

Ngày/dated: 15/10/2017

Signature and/or stamp

CERTIFICATE
XÁC NHẬN KẾT QUẢ TỔNG ĐẠT

The undersigned authority has the honour to certify, in conformity with Article 6 of the Convention,
Phù hợp với Điều 6 của Công ước này, người có thẩm quyền ký tên dưới đây trân trọng xác nhận rằng,

1. That the document has been served*/ Giấy tờ đã được tổng đạt*

– **the (date) / le (date)/ ngày:**

– **at (place, street, number)**
tại (địa điểm, phố, số nhà)

– **in one of the following methods authorised by Article 5:**
bằng một trong các phương thức được phép tại Điều 5 Công ước như dưới đây:

a) in accordance with the provisions of sub-paragraph a) of the first paragraph of Article 5 of the Convention*
phù hợp với các quy định tại điểm a đoạn 1 Điều 5 Công ước *

b) in accordance with the following particular method*:
phù hợp với phương thức cụ thể sau đây*:

c) by delivery to the addressee, if he accepts it voluntarily*
chuyển giao cho người được tổng đạt, nếu người này tự nguyện nhận*

The documents referred to in the request have been delivered to:

Giấy tờ nêu trong yêu cầu đã được chuyển giao đến:

Identity and description of person:
Thông tin cá nhân và mô tả chi tiết về người được giao
giấy tờ

**Relationship to the addressee (family,
business or other):**
Quan hệ với người được tổng đạt (gia đình, kinh doanh
hay quan hệ khác)

2. that the document has not been served, by reason of the following facts*:
Giấy tờ chưa được tổng đạt, với lý do sau:

In conformity with the second paragraph of Article 12 of the Convention, the applicant is requested to pay or reimburse the expenses detailed in the attached statement*.
Phù hợp với đoạn 2 Điều 12 của Công ước này, người có thẩm quyền yêu cầu được đề nghị thanh toán hoặc hoàn trả các chi phí chi tiết kê khai kèm theo*:

Annexes/Các phụ lục

Documents returned
Giấy tờ trả lại

In appropriate cases, documents establishing the service:
Trong trường hợp thích hợp, giấy tờ chứng minh việc
tổng đạt

* if appropriate/Nếu có

Done at/ Lập tại
Date/ Ngày

Signature and/or stamp
(Chữ ký và/ hoặc đóng dấu)

NỘI DUNG TÓM TẮT GIẤY TỜ ĐƯỢC TỔNG ĐẠT SUMMARY OF THE DOCUMENT TO BE SERVED	
Công ước tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, ký tại La Hay ngày 15/11/1965 (Điều 5 đoạn 4) Convention on the Service Abroad of Judicial and Extrajudicial Documents in Civil or Commercial Matters, signed at The Hague, the 15th of November 1965 (Article 5, fourth paragraph).	
Tên và địa chỉ của người có thẩm quyền yêu cầu: Name and address of the requesting authority	Bộ Tư pháp Việt Nam The Ministry of Justice of Viet Nam Địa chỉ/Address: 58-60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam/ 58-60 Tran Phu Street, Ba Dinh District, Ha Noi City, Viet Nam Điện thoại/Tel: (+84) 62739446 or (+84) 62739532 Email: mlvietnam@moj.gov.vn
Chi tiết về các bên* Particulars of the parties*:	Nguyên đơn/Petitioner: Bà Trần Thị A/Mrs Tran Thi A Quốc tịch/Nationality: Việt Nam/Vietnamese; Địa chỉ/Address: tỉnh Thái Nguyên/Thái Nguyên Province Bị đơn/Respondent: Ông Trần Văn B/Mr Tran Van B Quốc tịch/Nationality: Hoa Kỳ/American Địa chỉ/Address: 155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, the USA
*Thông tin và địa chỉ của người có liên quan đến việc chuyển giao giấy tờ, nếu có * If appropriate, identity and address of the person interested in the transmission of the document	
<input checked="" type="checkbox"/> GIẤY TỜ TƯ PHÁP ** JUDICIAL DOCUMENT**	
Bản chất và mục đích của giấy tờ Nature and purpose of the document	Thông báo về việc thụ lý vụ án Notice of case acceptance Văn bản yêu cầu đương sự trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Request of written response to plaintiff's petition
Bản chất và mục đích của thủ tục tố tụng và, nếu có, giá trị tranh chấp: Nature and purpose of the proceedings and, when appropriate, the amount in dispute	Tranh chấp về thừa kế Dispute of succession
Ngày và nơi cần có mặt**: Date and Place for entering appearance**	Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên sẽ mở phiên họp hòa giải vào 8h00 ngày 27/4/2018. Phiên họp hòa giải sẽ được mở lại vào 8h00 ngày 28/5/2018. Phiên tòa sơ thẩm sẽ được mở vào hồi 8h00 ngày 02/8/2018 tại phòng 101, trụ sở TAND tỉnh Thái Nguyên. The People's Court of Thai Nguyen province shall hold a reconciliation meeting at 8.00 am on April 27, 2018; the meeting shall be held again at 8.00 am on May 28, 2018. The first-instance court hearing shall be held at 8.00 am on August 02, 2018 at room 101, the headquarter of the People's Court of Thai Nguyen province.
Tòa án đã ra phán quyết**: Court which has given judgment**	
Ngày ra phán quyết**: Date of judgment**	
Thời hạn nêu trong giấy tờ**: Time limits stated in the document**	
** if appropriate/ ** nếu có	
<input type="checkbox"/> GIẤY TỜ NGOÀI TƯ PHÁP ** EXTRAJUDICIAL DOCUMENT**	
Bản chất và mục đích của giấy tờ: Nature and purpose of the document:	
Thời hạn nêu trong giấy tờ ** Time-limits stated in the document**:	
** nếu có/ ** if appropriate	

Lưu ý điền Mẫu 02B: Mục 12 Hướng dẫn sử dụng Mẫu 02 B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12, hướng dẫn phần điền chi tiết về các bên thực hiện như mục 3. Hướng dẫn này chưa đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tổng đạt giấy tờ lưu ý phần này nên ghi đầy đủ tư cách tố tụng, tên các bên đương sự có liên quan đến vụ việc.

1.2 Ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ theo Công ước thu thập chứng cứ và kênh Hiệp định

Nội dung: Thẩm phán Đỗ Ngọc A, TAND tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Ánh N

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 443 Lê Trực, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Josep Cupka

Quốc tịch: Ba Lan.

Địa chỉ: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND tỉnh Thanh Hóa cần thu thập chứng cứ lấy lời khai của anh Josep Cupka về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Lương Ánh N.

Để thực hiện yêu cầu thu thập chứng cứ lấy lời khai của anh Josep Cupka, TAND tỉnh Thanh Hóa cần tiến hành các bước sau:

- *Bước 1:* Xác định quốc gia được yêu cầu thực hiện UTTP thu thập chứng cứ lấy lời khai để lập hồ sơ yêu cầu đúng quy định.

Trong vụ án này anh Josep Cupka– quốc tịch Ba Lan, hiện cư trú tại Ba Lan, tham khảo Phụ lục VI, hồ sơ được lập theo hướng dẫn tại Mục I.4.1.2 Sổ tay thực hiện TTTP về dân sự; ngôn ngữ UTTP tiếng Việt kèm bản dịch tiếng Ba Lan.

- *Bước 2:* Nộp chi phí UTTP

UTTP tổng đạt giấy tờ cho anh Josep Cupka đi Ba Lan phải nộp: 200.000đ lệ phí UTTP theo quy định của Nghị quyết 326 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa; không phải nộp tạm ứng chi phí UTTP theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12 do Ba Lan có ký Hiệp định với Việt Nam.

- *Bước 3:* Lập hồ sơ UTTP thu thập chứng cứ

+ Hồ sơ thu thập chứng cứ đối với anh Josep Cupka, gồm các giấy tờ sau:

(i) Biên lai thu lệ phí UTTP

(ii) Văn bản cần tổng đạt kèm bản dịch ra ngôn ngữ nước được yêu cầu

(iii) Các văn bản theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12.

Cụ thể các biểu mẫu thực hiện như sau:

Số: /TTTTPDS-TA56
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Thanh Hóa, ngày tháng 10 năm 2017

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: 45 Đường Hạc Thành, P Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá
Đang giải quyết vụ án: **tranh chấp hôn nhân gia đình, giữa:**

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Ánh N

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 443 Lê Trực, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Josep Cupka

Quốc tịch: Ba Lan.

Địa chỉ: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland.

Xét thấy việc uỷ thác tư pháp là cần thiết cho việc giải quyết vụ việc, **Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;**

Căn cứ Điều 5 Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CH Ba Lan, Điều 475 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 11, 13 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007,

Quyết định uỷ thác tư pháp cho: **Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa Ba Lan**

Để tiến hành việc: thu thập chứng cứ lấy lời khai

Đối với: **anh Josep Cupka**

Quốc tịch: Ba Lan;

Địa chỉ: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ uỷ thác tư pháp này tới cơ quan có thẩm quyền và gửi kết quả về **Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa** trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký) **Đỗ Ngọc A**

Số: /TTTPDS-TA56
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Thanh Hóa, ngày tháng 10 năm 2017

VĂN BẢN ỦY THÁC TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ

1. Tên cơ quan được ủy thác tư pháp Địa chỉ:	Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa Ba Lan
2. Tên cơ quan ủy thác tư pháp: Địa chỉ: Số điện thoại: Email:	Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa 45 Đường Hạc Thành, P Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá 02373856506 tandth@gmail.com
3. Họ tên thẩm phán giải quyết vụ việc	Đỗ Ngọc A Điện thoại liên hệ: 093.123456 dongoca@gmail.com
4. Người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp	anh Josep Cupka Quốc tịch: Ba Lan Địa chỉ: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland
5. Công việc ủy thác tư pháp	Thu thập, cung cấp chứng cứ (Kèm theo là bản câu hỏi để lấy lời khai của của ông Josep Cupka)
6. Tóm tắt nội dung vụ việc	Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa: - Nguyên đơn: Chị Lương Ánh N, quốc tịch Việt Nam và - Bị đơn: anh Josep Cupka, quốc tịch Ba Lan, cư trú tại: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland.
7. Trích dẫn điều luật có thể áp dụng	Căn cứ vào Điều 5 Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CH Ba Lan, Điều 475 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 11, 13 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007
8. Các biện pháp thực hiện ủy thác tư pháp	Theo biện pháp được nêu trong pháp luật quốc gia của Ba Lan
9. Thời hạn thực hiện ủy thác tư pháp	Đề nghị cơ quan được yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp trước ngày 27 tháng 4 năm 2018 và thông báo kết quả cho cơ quan ủy thác tư pháp theo tên và địa chỉ trong văn bản ủy thác tư pháp. Trường hợp không thực hiện được ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo ngay cho cơ quan yêu cầu và nêu rõ lý do không thực hiện được trong văn bản trả lời.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. Trường hợp cần bổ sung thông tin để thực hiện ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo lại bằng văn bản hoặc qua địa chỉ email nêu trên cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

THẨM PHÁN
(đã ký)
Đỗ Ngọc A

Lưu ý điền mẫu 02A: Mục 4 hướng dẫn sử dụng Mẫu 02A ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12 hướng dẫn điền tên cơ quan được ủy thác tư pháp như mục (8) Mẫu 01. Tuy nhiên, hướng dẫn này có sự nhầm lẫn, tại mục này cơ quan yêu cầu UTTP điền tên, địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP được yêu cầu. Trường hợp không xác định được thì ghi chung là Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia được yêu cầu

Hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gửi đến các nước thành viên Công ước Thu thập chứng cứ trong danh sách vẫn thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao quy định trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp về dân sự bao gồm:

	Loại văn bản	Số lượng	Yêu cầu dịch thuật
1	Văn bản gửi Bộ Tư pháp - Mẫu 01	1	Không
2	Văn bản UTTP gửi cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: Mẫu 2A với một số nội dung cụ thể hơn như kèm theo Công văn này. Mặc dù chi tiết hơn, Mẫu 2A cần được lập ngắn gọn, rõ ràng để cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có thể hiểu về mối liên hệ giữa chứng cứ cần thu thập và vụ việc	3	Có
3	Biên lai thu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài	1	Không
4	Biên lai thu tạm ứng chi phí thực tế tại Cơ quan thi hành án dân sự	1	Không
5	Giấy tờ có liên quan	3	Có

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTTPDS-TA...

..., ngày tháng năm 20...

V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

VĂN BẢN ỦY THÁC TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ

Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài

trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại

(Hague Convention of 18 March 1970 on the Taking of Evidence Abroad

in Civil or Commercial Matters)

1. Tên cơ quan được ủy thác tư pháp Địa chỉ:	Cơ quan có thẩm quyền của ...
2. Tên cơ quan ủy thác tư pháp: Địa chỉ: Số điện thoại: Email:	Tòa án nhân dân tỉnh ... số... đường..., xã ..., huyện,...tỉnh ... 012345678 tandtx@gmail.com
3. Họ tên thẩm phán giải quyết vụ việc	Đỗ Ngọc A Điện thoại liên hệ: 093.123456 dongoca@gmail.com
4. Người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp (người cần được hỏi hoặc người đang giữ tài liệu, đồ vật cần thu thập)	Anh.... Quốc tịch: ... Địa chỉ: ...
5. Công việc ủy thác tư pháp	Thu thập, cung cấp chứng cứ - Mô tả cụ thể chứng cứ cần thu thập (Bản câu hỏi để lấy lời khai của người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp; giấy tờ, đồ vật cần được thu thập, thẩm tra) - Mục đích của chứng cứ, mối liên hệ của chứng cứ với vụ việc, cách thức chứng cứ được sử dụng trong thủ tục tố tụng
6. Tóm tắt nội dung vụ việc	- Tên của vụ việc (số hồ sơ, số thụ lý) - Tên, địa chỉ, số điện thoại, email của các đương sự và đại diện của họ: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan - Loại vụ việc: tranh chấp ly hôn, tranh chấp hợp đồng, tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng... - Tóm tắt yêu cầu khởi kiện - Tóm tắt ý kiến trả lời của bị đơn và yêu cầu phản tố - Các ý kiến và thông tin cần thiết khác Đặc biệt là các ý kiến liên quan đến chứng cứ cần thu thập.
7. Trích dẫn điều luật có thể áp dụng	Điều luật liên quan trực tiếp đến nội dung của vụ việc và chứng cứ cần thu thập
8. Các biện pháp thực hiện ủy thác tư pháp	Theo biện pháp được nêu trong pháp luật quốc gia của nước được yêu cầu
9. Thời hạn thực hiện ủy thác tư pháp	- Đề nghị cơ quan được yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp trước ngày...và

pháp	<p>thông báo kết quả cho cơ quan ủy thác tư pháp theo tên và địa chỉ trong văn bản ủy thác tư pháp. Trường hợp không thực hiện được ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo ngay cho cơ quan yêu cầu và nêu rõ lý do không thực hiện được trong văn bản trả lời.</p> <p>- Lý do của việc cần thực hiện sớm yêu cầu</p>
10. Khác	<p>- Yêu cầu thông báo về thời gian và địa điểm tiến hành thu thập chứng cứ để các bên liên quan và đại diện của họ có thể có mặt (nêu rõ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hay thông báo trực tiếp cho các bên hoặc người đại diện của họ)- theo Điều 7 Công ước</p> <p>- Quyền hoặc nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ theo pháp luật Việt Nam (theo điểm b đoạn 1 Điều 11 Công ước)</p> <p>- Người có nghĩa vụ thanh toán chi phí phát sinh</p>

Tòa án nhân dân tỉnh ...xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. Trường hợp cần bổ sung thông tin để thực hiện ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo lại bằng văn bản hoặc qua địa chỉ email nêu trên cho Tòa án nhân dân tỉnh ...được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đỗ Ngọc A

1.3 Ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ theo kênh ngoại giao không có điều ước quốc tế với Việt Nam

Nội dung: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (Chấp hành viên Nguyễn Anh T), đang giải quyết đề nghị thi hành Bản án số 34/2016/DSST ngày 29/02/2016 của TAND tỉnh Bạc Liêu theo đơn yêu cầu của anh Lê Quốc N, địa chỉ: 63 Hùng Vương, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đối với người phải thi hành án là chị Luhut Binsar Pandjaitan, Quốc tịch: In-đô-nê-xi-a, địa chỉ: Jl. Teuku Umar. No 49, Jakarta Pusat, Jakarta, Indonesia.

Quá trình giải quyết vụ việc, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu cần thông báo cho người phải thi hành án về Quyết định thi hành án số 404/THA-YC ngày 03/10/2017.

Để tổng đạt được, Cục Thi hành án dân sự cần tiến hành các bước sau:

- *Bước 1:* Xác định quốc gia được yêu cầu thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ để lập hồ sơ yêu cầu đúng quy định.

Trong vụ việc này chị Luhut Binsar Pandjaitan quốc tịch In-đô-nê-xi-a, cư trú tại In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và In-đô-nê-xi-a không có quan hệ điều ước quốc tế (In-đô-nê-xi-a không phải là thành viên Công ước tổng đạt và không ký Hiệp định với Việt Nam) nên hồ sơ

được lập theo hướng dẫn tại Mục I.4.1.3 Sổ tay hướng dẫn thực hiện TTTP về dân sự; ngôn ngữ UTTP tiếng Việt kèm bản dịch tiếng In-đô-nê-xi-a

- *Bước 2:* Nộp chi phí UTTP

UTTP tổng đạt giấy tờ đi In-đô-nê-xi-a, người yêu cầu phải nộp: 150.000 đ lệ phí UTTP theo quy định tại Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu; nộp tạm ứng 3.000.000đ chi phí theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12 do giữa In-đô-nê-xi-a và Việt Nam không có điều ước quốc tế về TTTP và phí UTTP của In-đô-nê-xi-a chưa được xác định.

- *Bước 3:* Lập hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ

Hồ sơ tổng đạt giấy tờ cho chị Luhut Binsar Pandjaitan, gồm:

- (i) Biên lai thu lệ phí UTTP; Biên lai thu tạm ứng chi phí 3.000.000đ
- (ii) Văn bản cần tổng đạt kèm bản dịch ra tiếng In-đô-nê-xi-a
- (iii) Các văn bản theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12.

Cụ thể, các văn bản theo mẫu như sau:

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày tháng 10 năm 2017

Số: /TTTPDS-THA3
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Đường Lộc Ninh, Khóm 7, Phường 1, Thành Phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

Đang giải quyết việc thi hành án dân sự giữa:

Người được thi hành: Anh Lê Quốc N

Địa chỉ: 63 Hùng Vương, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Người phải thi hành: Chị Luhut Binsar Pandjaitan

Quốc tịch: In-đô-nê-xi-a

Địa chỉ: Jl. Teuku Umar. No 49, Jakarta Pusat, Jakarta, Indonesia

Xét thấy việc uỷ thác tư pháp là cần thiết cho việc giải quyết vụ việc, **Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu;**

Căn cứ vào Điều 181 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); Điều 11, 13 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 và Điều 50 Nghị định số 62/2015/NĐ- CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự

Quyết định uỷ thác tư pháp cho: **Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa In-đô-nê-xi-a**

Để tiến hành việc: **tổng đạt văn bản**

Đối với: **chị Luhut Binsar Pandjaitan**

Quốc tịch: In-đô-nê-xi-a;

Địa chỉ: Jl. Teuku Umar. No 49, Jakarta Pusat, Jakarta, Indonesia .

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ uỷ thác tư pháp này tới cơ quan có thẩm quyền và gửi kết quả về **Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu** trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

CHẤP HÀNH VIÊN

(đã ký)
Nguyễn Anh T

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTTPDS-THA 3
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Bạc Liêu, ngày tháng 10 năm 2017

VĂN BẢN ỦY THÁC TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ

1. Tên cơ quan được ủy thác tư pháp Địa chỉ:	Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa In-đô-nê-xi-a
2. Tên cơ quan ủy thác tư pháp: Địa chỉ: Số điện thoại: Email:	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu Địa chỉ: Đường Lộc Ninh, Khóm 7, Phường 1, Thành Phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Điện thoại: 02913.959.353 Thư điện tử: baclieu@moj.gov.vn
3. Họ tên chấp hành viên giải quyết vụ việc	Nguyễn Anh T ĐT: 093.123456; email: nguyenanht@gmail.com
4. Người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp	Chị Luhut Binsar Pandjaitan Quốc tịch: In-đô-nê-xi-a; Địa chỉ: Jl. Teuku Umar. No 49, Jakarta Pusat, Jakarta, Indonesia
5. Công việc ủy thác tư pháp	Tổng đạt giấy tờ: Quyết định thi hành án số 404/THA-YC ngày 03/10/2017
6. Tóm tắt nội dung vụ việc	Giải quyết yêu cầu thi hành án dân sự của anh Lê Quốc N đối với người phải thi hành là chị Luhut Binsar Pandjaitan
7. Trích dẫn điều luật có thể áp dụng	Căn cứ vào Điều 181 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); Điều 11, 13 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 và Điều 50 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự
8. Các biện pháp thực hiện ủy thác tư pháp (11)	Theo biện pháp được quy định theo pháp luật của In-đô-nê-xi-a
9. Thời hạn thực hiện ủy thác tư pháp	Đề nghị cơ quan được yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp trước ngày 27 tháng 4 năm 2018 và thông báo kết quả cho cơ quan ủy thác tư pháp theo tên và địa chỉ trong văn bản ủy thác tư pháp. Trường hợp không thực hiện được ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo ngay cho cơ quan yêu cầu và nêu rõ lý do không thực hiện được trong văn bản trả lời.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. Trường hợp cần bổ sung thông tin để thực hiện ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo lại bằng văn bản hoặc qua địa chỉ email nêu trên cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

CHẤP HÀNH VIÊN

(đã ký)
Nguyễn Anh T

2. Ủy thác tư pháp vào

Nội dung: Bộ Tư pháp nhận được hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ của Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan, đề nghị thực hiện việc tổng đạt giấy tờ là Giấy triệu tập phiên toà của Tòa án thành phố Đài Bắc cho người được yêu cầu là chị Nguyễn Thị P, có địa chỉ tại 78 Phú Lợi, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi nghiên cứu, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ UTTP, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 348/BTP-PLQT ngày 30/5/2017 gửi toàn bộ hồ sơ cho Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

Ngày 05/7/2017, TAND tỉnh Sóc Trăng đã thực hiện tổng đạt Giấy triệu tập cho chị Nguyễn Thị P bằng phương thức giao cho mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị P là bà Lê Thị D, hiện sống chung cùng chị P.

Toà án phải lập hồ sơ trả kết quả cho Bộ Tư pháp theo hướng dẫn tại Mục II.5.2.2 của Sổ tay hướng dẫn TTTP dân sự, hồ sơ gồm:

- Biên bản giao giấy triệu tập cho bà Lê Thị D trong đó bà D cam kết giao lại giấy triệu tập cho chị P;
- Văn bản trả kết quả thực hiện UTTP của nước ngoài theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12.

Cụ thể Văn bản trả kết quả UTTP của nước ngoài được lập như sau:

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTTTDS-TA51
V/v Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của
nước ngoài

Sóc Trăng, ngày tháng 10 năm 2017

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Trả lời Công văn số 348/BTP-PLQT ngày 30/5/2017 của Bộ Tư pháp về việc ủy thác tư pháp về dân sự của nước ngoài:

1. Tên cơ quan được ủy thác tư pháp	Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng Số 1 đường 30 Tháng 4, Phường 2, Tp. Sóc Trăng, Sóc Trăng
2. Tên cơ quan ủy thác tư pháp: Địa chỉ: (nếu có) Số điện thoại: (nếu có) Email: (nếu có)	Tòa án thành phố Đài Bắc, Lãnh thổ Đài Loan
3. Người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp	Chị Nguyễn Thị P Quốc tịch: Việt Nam Địa chỉ: 78 Phú Lợi, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
4. Ủy thác tư pháp đã được thực hiện	Ngày 05/7/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã giao hồ sơ ủy thác tư pháp cho bà Lê Thị D là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị P.
5. Ủy thác tư pháp không thể thực hiện được vì lý do sau đây	
6. Chi phí phát sinh	
7. Phụ lục: Biên bản giao nhận ngày 05/7/2017	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thu N

Phần II Các phụ lục

PHỤ LỤC I

CÁC NƯỚC CÓ HIỆP ĐỊNH/

THỎA THUẬN TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ VỚI VIỆT NAM

STT	TÊN HIỆP ĐỊNH	CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG	NGÔN NGỮ
1.	Hiệp định TTTP và pháp lý về dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHXHCN Tiệp Khắc (Séc và Xlô-va-ki-a kế thừa)	- Bộ Tư pháp Cộng hòa Séc; - Bộ Tư pháp Cộng hòa Xlô-va-ki-a	Tiếng Nga
2.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hòa Cu Ba	Bộ Tư pháp Cộng hòa Cu Ba	Tiếng Tây Ban Nha
3.	Hiệp định TTTP trong lĩnh vực dân sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Hung-ga-ri	Bộ Tư pháp Hung-ga-ri	Tiếng Hung-ga-ry, Tiếng Anh
4.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Bun-ga-ri	Bộ Tư pháp Cộng hòa Bun-ga-ri	Tiếng Bun-ga-ry, tiếng Nga
5.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hòa Ba Lan	Bộ Tư pháp Cộng hòa Ba Lan	Tiếng Ba Lan, tiếng Nga, tiếng Pháp
6.	Hiệp định TTTP về dân sự và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHDCND Lào	Bộ Tư pháp Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	Tiếng Lào
7.	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga	Bộ Tư pháp Liên bang Nga	Tiếng Nga, tiếng Anh
8.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHND Trung Hoa	Bộ Tư pháp Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	Tiếng Trung, tiếng Anh
9.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hoà Pháp	Bộ Tư pháp Cộng hòa Pháp	Tiếng Pháp
10.	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và U-crai-na	Bộ Tư pháp Cộng hòa U-crai-na	Tiếng U-crai-na, tiếng Nga, tiếng Anh
11.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Mông Cổ	Bộ Tư pháp Cộng hòa Mông Cổ	Tiếng Mông Cổ, tiếng Nga
12.	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CH Bê-la-rút	Bộ Tư pháp Cộng hòa Bê-la-rút	Tiếng Bê-la-rút, tiếng Nga
13.	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân	Tòa án Trung ương Cộng	Tiếng Triều Tiên,

	sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHDCND Triều Tiên	hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên	tiếng Anh
14.	Hiệp định TTTP về dân sự và thương mại giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hoà dân chủ nhân dân An-giê-ri	Bộ Tư pháp Cộng hoà An-giê-ri Dân chủ và Nhân dân	Tiếng An-giê-ri, tiếng Pháp
15.	Hiệp định TTTP về dân sự giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hoà Ca-dắc-xtan	Bộ Tư pháp Cộng hoà Ca-dắc-xtan	Tiếng Ca-dắc-xtan, tiếng Anh
16.	Thỏa thuận giữa Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Việt nam tại Đài Bắc và Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội về TTTP trong lĩnh vực dân sự (Đài Loan)	Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan	Tiếng Trung, tiếng Anh
17.	Hiệp định TTTP trong lĩnh vực dân sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Vương quốc Cam-pu-chia	Bộ Tư pháp Vương quốc Cam-pu-chia	Tiếng Cam-pu-chia, tiếng Anh

PHỤ LỤC II

GIỚI THIỆU CÔNG ƯỚC THU THẬP CHỨNG CỨ VÀ VIỆC GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM

Hội nhập quốc tế một mặt, mang lại cơ hội phát triển cho các quốc gia, mặt khác cũng đem lại những vấn đề không mong muốn đó là ngày càng phát sinh nhiều vụ việc tranh chấp về dân sự, thương mại, hành chính, các vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài mà để giải quyết được thì các cơ quan tư pháp cần sự hỗ trợ của các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài giúp thực hiện những hoạt động nhất định trong quy trình tố tụng thông qua cơ chế hợp tác về tương trợ tư pháp quốc tế. “Tương trợ tư pháp được hiểu là việc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của các nước khác nhau trợ giúp lẫn nhau thực hiện các hành vi tố tụng tư pháp riêng biệt theo những trình tự, thủ tục, thể thức nhất định để thi hành pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của cơ quan, cá nhân mỗi nước trên lãnh thổ của nhau, thúc đẩy phát triển, quan hệ hợp tác quốc tế”⁴⁴. Nội dung thực hiện tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự thường là việc các cơ quan có thẩm quyền của các nước khác nhau trợ giúp lẫn nhau trong: tổng đạt giấy tờ, tài liệu tư pháp, *thu thập chứng cứ*, trung cầu giám định để giải quyết các vụ việc; trao đổi thông tin pháp luật nước ngoài, tổng đạt giấy tờ tài liệu, các thông báo của tòa án và các cơ quan nhà nước khác; công nhận và thi hành các bản án, quyết định dân sự của nhau. Trong số các nội dung TTTP, thu thập chứng cứ và tổng đạt giấy tờ chiếm phần lớn, điều này đặc biệt đúng đối với Việt Nam khi hầu hết các yêu cầu TTTP về dân sự có nội dung tổng đạt giấy tờ và 40% yêu cầu TTTP về dân sự có nội dung thu thập chứng cứ.

Tuy nhiên, hiệu quả của việc thực hiện tương trợ tư pháp phụ thuộc nhiều vào thiện chí hợp tác của quốc gia nước ngoài có liên quan. Do đó, việc thiết lập các quan hệ hợp tác trên cơ sở pháp lý quốc tế là các điều ước quốc tế song phương, đa phương có ý nghĩa quan trọng để đảm bảo cho mỗi quan hệ hợp tác chặt chẽ về cả hình thức và nội dung. Công ước La Hay năm 1970 về thu thập ở nước ngoài chứng cứ trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (*Convention of 18 March 1970 on the Taking of Evidence Abroad in Civil or Commercial Matters*) là một trong những điều ước quốc tế đa phương quan trọng về TTTP trong lĩnh vực dân sự, điều chỉnh một nội dung cơ bản của TTTP thu thập chứng cứ.

Mục tiêu của Công ước là tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại bằng cách hài hòa hóa phương thức thu thập chứng cứ giữa các quốc gia thành viên dù theo hệ thống

⁴⁴ Pháp luật tương trợ tư pháp quốc tế, 2006, Nhà xuất bản Tư pháp - trang 23.

thông luật hay hệ thống dân luật.

Để hiểu sâu hơn nội hàm của Công ước, Đề tài nghiên cứu làm rõ một số khái niệm có liên quan đến nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước như sau:

1. Thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự

Trên phương diện lý luận và thực tiễn, để giải quyết vụ việc dân sự theo yêu cầu của đương sự, bất cứ Tòa án quốc gia nào cũng phải dựa trên các chứng cứ và pháp luật để đưa ra phán quyết. Trong đó, chứng cứ được hiểu là những thông tin có thể được sử dụng để chứng minh sự tồn tại hoặc bác bỏ sự tồn tại của một vấn đề trong tranh chấp, yêu cầu mà các bên đương sự đã đưa ra Tòa án để giải quyết.

Theo Điều 93 của BLTTDS, chứng cứ trong vụ việc dân sự được định nghĩa là “những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp”. Như vậy, theo pháp luật Việt Nam, chứng cứ phải đáp ứng được các điều kiện sau đây

- Tính khách quan (là những gì có thật trên thực tế);
- Tính hợp pháp (do đương sự, cá nhân, tổ chức khác cung cấp cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc Tòa án tự thu thập theo quy định của BLTTDS);
- Tính liên quan và có giá trị chứng minh (được Tòa án sử dụng để chứng minh về sự tồn tại hoặc không tồn tại của các tình tiết khách quan của vụ việc hoặc chứng minh yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp).

Thuật ngữ “chứng cứ” không được định nghĩa tại Công ước. Tuy nhiên, lời văn của Công ước cũng có đưa ra một số hướng dẫn cách hiểu thuật ngữ này. Cụ thể là Điều 3 của Công ước quy định Văn bản yêu cầu được sử dụng để kiểm tra các đối tượng (các bên hoặc không phải các bên, nhân chứng hoặc chuyên gia) hoặc để kiểm tra các tài liệu hoặc tài sản khác. Trên thực tế, hầu hết Văn bản yêu cầu thường được sử dụng để lấy lời khai, chứng cứ tài liệu và các phản hồi bằng văn bản, lấy mẫu máu ... Bên cạnh đó, thuật ngữ “chứng cứ” cũng bao gồm cả thông tin được lưu trữ dưới dạng kỹ thuật số như tin nhắn email, ảnh kỹ thuật số. Trong bối cảnh của Công ước, việc thu thập chứng cứ được mở rộng bao gồm cả các biện pháp “bảo vệ” chứng cứ. Theo hướng dẫn của Hội nghị La Hay, thuật ngữ “chứng cứ” nên được các Quốc gia giải thích một cách độc lập, tự do và theo nghĩa rộng.

Các quốc gia có quy định riêng về các nguyên tắc, quy tắc, trình tự, thủ tục cụ thể để xác định chứng cứ, nguồn chứng cứ, người có nghĩa vụ thu thập và cung cấp chứng cứ, phương thức thu thập chứng cứ, vai trò của Tòa án trong việc thu thập chứng cứ... Thực tế cho thấy mặc dù các quốc gia có quan điểm khác nhau về những nội dung nêu trên, nhưng tựu chung lại có 3 cách tiếp cận⁴⁵ như sau:

Cách tiếp cận thứ nhất cho rằng nghĩa vụ thu thập, cung cấp chứng cứ thuộc về đương sự trong vụ việc, đương sự phải đưa ra chứng cứ để chứng minh cho việc khởi kiện của mình hoặc phản đối việc khởi kiện hoặc yêu cầu phản tố là có căn cứ. Cách tiếp cận này xuất phát từ bản chất vụ việc dân sự mà Tòa án giải quyết là vụ việc tư giữa các bên với nhau, do pháp luật tư điều chỉnh.

Để có được chứng cứ, đương sự có quyền thực hiện mọi biện pháp mà pháp luật cho phép. Trường hợp vì lý do bất khả kháng, đương sự có quyền đề nghị Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ. Trong trường hợp này, trên cơ sở đề nghị của đương sự, Tòa án sẽ yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức đang lưu giữ, kiểm soát chứng cứ phải cung cấp chứng cứ đó cho Tòa án hoặc tiến hành các biện pháp khác để thu thập chứng cứ. Đây là quan điểm phổ biến ở các nước theo hệ thống thông luật, nơi đương sự phải tự thu thập, cung cấp chứng cứ cho nhau và cho Tòa án. Tòa án không có thẩm quyền tự mình thu thập chứng cứ để giải quyết vụ việc, trừ một số trường hợp cụ thể mà đương sự đề nghị được hỗ trợ thu thập chứng cứ.

Cách tiếp cận thứ hai cho rằng nghĩa vụ thu thập chứng cứ là nghĩa vụ của Tòa án để thực hiện chức năng xét xử của mình. Tuy nhiên, pháp luật không hạn chế việc đương sự thu thập chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Trong trường hợp cần thiết, Tòa án có quyền yêu cầu đương sự giao nộp chứng cứ.

Cách tiếp cận thứ ba kết hợp giữa cách thứ nhất và thứ hai cho rằng nghĩa vụ thu thập, cung cấp chứng cứ là của các bên đương sự. Tuy nhiên, Tòa án cũng tự mình thu thập chứng cứ để có thể giải quyết khách quan vụ việc trong một số trường hợp ngoại lệ sau đây:

- (i) Tòa án xét thấy cần thiết phải thu thập chứng cứ;

⁴⁵ Xem thêm

Joseph Lookofsky và Ketilbjorn Hertz - Transnational Litigation and Commercial Arbitration, An analysis of American, European, and International Law - 2nd edition - Juris Publishing - New York - 2004

Gilles Cuniberti - Limits to Cross Border Evidence Taking

<https://eapil.org/2020/07/27/limits-to-cross-border-evidence-taking/>

(ii) Đương sự vì lý do khách quan, bất khả kháng mà không thể tự mình thu thập chứng cứ hoặc đã tự mình thu thập nhưng không được cá nhân, tổ chức, đương sự trong vụ việc đang lưu giữ, kiểm soát chứng cứ cung cấp.

Trong ba cách tiếp cận nêu trên, Việt Nam là một trong các nước theo cách tiếp cận thứ ba. Điều này thể hiện rất rõ tại các quy định của BLTTDS.

Mặc dù nghĩa vụ thu thập chứng cứ là khác nhau nhưng trong cả ba cách tiếp cận tòa án luôn ở vị trí có quyền thu thập chứng cứ để giải quyết vụ việc. Trong phạm vi Công ước thu thập chứng cứ, đặc biệt là việc thu thập chứng cứ được thực hiện qua văn bản yêu cầu gửi đến Cơ quan trung ương theo quy định của Chương I, chỉ có các cơ quan tư pháp mới có thẩm quyền lập văn bản yêu cầu. Các chủ thể khác như các bên trong vụ việc, luật sư của các bên... muốn thu thập chứng cứ theo Chương I của Công ước phải đề nghị Cơ quan tư pháp (Tòa án) hỗ trợ lập văn bản yêu cầu.

2. Yêu cầu tương trợ tư pháp về thu thập chứng cứ trong tố tụng dân sự

Trên phương diện pháp luật, việc Tòa án thu thập chứng cứ ở nước ngoài có thể phát sinh trong các vụ việc mà nguồn chứng cứ đang ở nước ngoài như:

- Lời khai của những người liên quan đang ở nước ngoài: Vụ việc có đương sự (nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) ở nước ngoài; Vụ việc có người làm chứng, người giám định liên quan đến vụ việc ở nước ngoài;

- Tài liệu, vật chứng, vật cần giám định thẩm tra tại chỗ đang ở nước ngoài

Về cơ bản đây chính là các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài. Tuy nhiên, trên thực tiễn, các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài mà Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ ở nước ngoài chủ yếu là vụ việc có đương sự ở nước ngoài; các vụ việc còn lại ít khi phát sinh trên thực tế. Gần như chưa phát sinh các vụ việc mà Tòa án phải triệu tập người làm chứng, người giám định ở nước ngoài đến Việt Nam để cung cấp lời khai hoặc cung cấp ý kiến chuyên môn hoặc giải trình ý kiến chuyên môn. Các vụ việc phát sinh từ hoặc liên quan đến quan hệ dân sự được xác lập, thực hiện, thay đổi, chấm dứt ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, có tài sản ngoài lãnh thổ Việt Nam cũng thường là vụ việc có đương sự ở nước ngoài. Ví dụ: các vụ việc ly hôn mà có một bên là công dân nước ngoài mà việc kết hôn giữa các bên đương sự được thực hiện ở nước ngoài. Trong tương lai, những vụ việc loại này có thể phát sinh nhiều hơn khi Tòa án giải quyết các tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của Công ước của Liên hợp quốc năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế mà Việt Nam là thành viên từ năm 2017.

Khi giải quyết vụ việc dân sự mà Tòa án phải thu thập chứng cứ ở nước ngoài thì hoạt động TTTP đóng một vai trò hết sức quan trọng, không thể thiếu, nhằm bảo đảm cho hoạt động tố tụng thu thập chứng cứ được tiến hành trên thực tế, bảo đảm cho Tòa án giải quyết dứt điểm tranh chấp, yêu cầu của đương sự trong vụ việc một cách khách quan, toàn diện, đúng pháp luật.

Xét về bản chất, tương tự hoạt động tổng đạt văn bản, giấy tờ, tài liệu, hoạt động thu thập chứng cứ là hoạt động tố tụng của Tòa án. Trong phạm vi lãnh thổ quốc gia của mình, Tòa án có toàn quyền thực hiện hoạt động tố tụng này. Tuy nhiên, đối với các vụ việc liên quan đến đương sự là công dân nước ngoài đang cư trú ở nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài có trụ sở ở nước ngoài, thì Tòa án không thể tự mình tiến hành thu thập chứng cứ từ đương sự đang cư trú hoặc có trụ sở ở nước ngoài đó. Bởi lẽ, trước hết, xét về nguồn lực (nhân sự, tài chính), thì việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ ở nước ngoài là không khả thi. Thứ hai, quan trọng hơn, là trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế về chủ quyền quốc gia.

Theo nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền quốc gia, mỗi quốc gia đều có chủ quyền hoàn toàn, đầy đủ và toàn diện về lãnh thổ của mình; bình đẳng về mặt pháp lý với quốc gia khác bất kể có sự khác biệt về diện tích lãnh thổ cũng như vai trò của quốc gia đó trên trường quốc tế. Quốc gia này có nghĩa vụ tôn trọng chủ quyền, sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ cũng như chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của quốc gia khác. Vì vậy, một quốc gia không được phép tiến hành bất kỳ một hoạt động nào trên lãnh thổ của quốc gia khác nếu không có sự đồng ý của quốc gia đó. Nói cách khác, việc một quốc gia trực tiếp hoặc gián tiếp tiến hành bất kỳ một hoạt động nào trên lãnh thổ quốc gia khác sẽ được coi là hành vi xâm phạm chủ quyền quốc gia nếu hoạt động này không có sự chấp thuận của quốc gia nơi hoạt động đó được thực hiện. Trên tinh thần đó, hoạt động tố tụng dân sự của Tòa án của một quốc gia bên ngoài lãnh thổ của mình cũng phải tuân theo nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền quốc gia.

Bên cạnh đó, pháp luật quốc tế cũng có quy định về việc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với nhau trong các lĩnh vực nhằm thúc đẩy sự phát triển phồn vinh của tất cả các dân tộc - sự hợp tác không có sự phân biệt đối xử. Nguyên tắc này đã và đang được các quốc gia áp dụng để hỗ trợ lẫn nhau các hoạt động tố tụng nói chung, tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài nói riêng. Theo đó, quốc gia nơi Tòa án đang giải quyết vụ việc dân sự được quyền ủy thác một hoặc một số hoạt động tố tụng như tổng đạt, thu thập chứng cứ cho quốc gia nơi có đương sự cần tổng đạt hoặc cần thu thập chứng cứ. Quốc gia được ủy quyền sẽ xem xét, chấp nhận và thực hiện hoạt động tố tụng đó. Từ đây, hoạt động TTTP được thực hiện theo hai phương thức:

- (i) Theo đường ngoại giao (nhiều cơ quan trung gian)

(ii) Theo điều ước quốc tế (song phương hoặc đa phương) - cơ chế hợp tác trực tiếp hơn để giảm bớt khâu trung gian

Việc các quốc gia hỗ trợ lẫn nhau không chỉ là thực hiện nghĩa vụ hợp tác quốc tế mà còn phục vụ nhu cầu tất yếu của chính các quốc gia đó. Đối với quốc gia yêu cầu, việc ủy thác thu thập chứng cứ bảo đảm việc giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài là có căn cứ và hợp pháp, dựa trên cơ sở các chứng cứ xác thực, khách quan, toàn diện. Đối với quốc gia được yêu cầu, việc thu thập chứng cứ đó, một mặt, thể hiện sự thiện chí trong hợp tác quốc tế, mặt khác, cũng góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức của quốc gia mình trước Tòa án quốc gia yêu cầu. Như vậy, sự hỗ trợ lẫn nhau trong thu thập chứng cứ sẽ giúp tòa án quốc gia yêu cầu giải quyết dứt điểm vụ việc; qua đó, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc, có lợi cho các quốc gia có liên quan. Nếu không có sự hợp tác giữa các quốc gia liên quan thì vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài tại Tòa án quốc gia sẽ bị đình trệ hoặc được giải quyết một cách phiến diện, ảnh hưởng đến công bằng công lý.

Đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài do Tòa án Việt Nam giải quyết phát sinh việc thu thập chứng cứ ở nước ngoài, thì tương tự các quốc gia khác, Tòa án Việt Nam phải ủy thác cho quốc gia liên quan thực hiện việc thu thập chứng cứ. Chất lượng công tác giải quyết, xét xử loại vụ việc này phụ thuộc vào kết quả thực hiện ủy thác thu thập chứng cứ. Cụ thể, nếu Tòa án nhận được kết quả ủy thác thu thập chứng cứ đúng yêu cầu, trong thời hạn giải quyết loại vụ việc, thì việc giải quyết có nhiều thuận lợi. Tòa án có đủ thời gian để xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện chứng cứ thu thập được trong giai đoạn trước khi mở phiên tòa, phiên họp cũng như tại phiên tòa, phiên họp, các bên cũng được bảo đảm quyền trình bày ý kiến bảo vệ quan điểm của mình, thực hiện tranh tụng hiệu quả hơn. Đây là cơ sở quan trọng cho việc ra bản án, quyết định chính xác, khách quan, đúng pháp luật.

Về pháp luật áp dụng, thu thập chứng cứ thuộc về thủ tục tố tụng, như vậy về nguyên tắc trong tư pháp quốc tế, pháp luật của nước nơi có tòa án sẽ áp dụng với hoạt động này. Tuy nhiên, do vấn đề về chủ quyền như đã phân tích trên và tính khả thi của việc thực hiện các yêu cầu về thu thập chứng cứ, pháp luật của quốc gia nơi chứng cứ cần được thu thập cũng phải được xem xét⁴⁶. Pháp luật nơi chứng cứ cần thu thập có thể hạn chế việc thu thập một số loại chứng cứ nhất định, hoặc đặt ra thêm điều kiện (sự đồng ý, cho phép của một số chủ thể nhất định: ví dụ: thu thập thông tin về tài khoản ngân hàng hoặc bệnh án thì phải có sự đồng ý trước của chủ tài khoản hoặc bệnh nhân) hoặc áp dụng trình tự thủ tục của riêng mình khi thu thập chứng cứ. Mặt khác, các điều ước quốc tế song

⁴⁶ Richard Garnett - Substance and Procedure in Private International Law - OUP - 2012 - Chapter 8

phương và đa phương trong lĩnh vực tương trợ tư pháp dân sự nói chung và thu thập chứng cứ ở nước ngoài nói riêng đã hình thành nguyên tắc: việc thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp sẽ theo pháp luật của nước được yêu cầu, trừ khi đề nghị áp dụng pháp luật của nước yêu cầu được chấp nhận.⁴⁷ Như vậy, sự cần thiết và loại chứng cứ cần thu thập, việc xem xét các chứng cứ... hoàn toàn do pháp luật của nước nơi có tòa án điều chỉnh, tuy nhiên khi chứng cứ ở nước ngoài và yêu cầu thu thập chứng cứ cần phải được thực hiện thông qua yêu cầu ủy thác tư pháp (hoặc trong một số trường hợp là yêu cầu trực tiếp đến tòa án của nước nơi có chứng cứ cần thu thập) pháp luật của nước nơi có chứng cứ cần thu thập thường áp dụng với quá trình thu thập chứng cứ đó. Trên thực tế, việc áp dụng các pháp luật khác nhau đôi khi có thể dẫn đến „phản tác dụng“ cản trở việc thu thập chứng cứ ở nước ngoài theo pháp luật của nước nơi đang xét xử vụ việc kể cả khi các bên đã ký kết điều ước quốc tế.⁴⁸

3. Lĩnh vực dân sự hoặc thương mại

Tên gọi và điều 1 Công ước thể hiện Công ước này áp dụng cho việc thu thập chứng cứ phục vụ giải quyết vụ việc tại Tòa án trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại. Do đó, nếu văn bản yêu cầu thu thập chứng cứ để phục vụ giải quyết vụ việc nhưng không liên quan đến vụ việc dân sự hoặc thương mại thì có thể bị nước được yêu cầu thu thập chứng cứ từ chối thực hiện với lý do yêu cầu đó không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

Tuy nhiên, Công ước không đưa ra định nghĩa hoặc giải thích thế nào là “dân sự hoặc thương mại”. Nhiều Công ước của Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế được soạn thảo, thông qua để giải quyết các vấn đề phát sinh từ hoạt động tố tụng dân sự xuyên quốc gia như Công ước về thủ tục tố tụng dân sự năm 1905 sửa đổi, bổ sung năm 1954, Công ước tổng đạt giấy tờ năm 1965, Công ước thỏa thuận lựa chọn Tòa án năm 2005, Công ước thu thập chứng cứ năm 1970 nhưng tất cả các công ước này đều không đưa ra định nghĩa thế nào là “dân sự hoặc thương mại”. Các nước thành viên giải thích khác nhau về khái niệm “dân sự hoặc thương mại”. Cụ thể, các nước thuộc hệ thống thông luật thì có xu hướng giải thích khái niệm này khá rộng, bao gồm tất cả các vấn đề không liên

⁴⁷ Ví dụ: Điều 9 Công ước thu thập chứng cứ, Điều 5 Công ước tổng đạt, Điều 9 Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự Việt Nam- Ca đặc xtan, Điều 8 Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự và hình sự Việt Nam - Ucraina, Điều 7 Hiệp định tương trợ tư pháp Việt Nam -Cuba, Điều 4 Hiệp định TTTP trong lĩnh vực dân sự và thương mại giữa Trung Quốc và Xinh- ga-po, Điều 10 Hiệp định TTTP trong lĩnh vực dân sự và thương mại và hợp tác về trọng tài giữa Ôt xtrô rây lia và Thái Lan...

⁴⁸ Vivian Grosswald Curran - United States Discovery and Foreign Blocking Statutes- Louisiana Law Review- Volume 76 - 2016

Trevor C. Hartley - International Commercial Litigation : text- cases and materials on Private International Law - Cambridge University Press - 2009 - tr 493- 498

quan đến hình sự, tố tụng hình sự. Trong khi đó, các nước thuộc hệ thống dân luật lại thiên về giải thích theo hướng hẹp hơn và phân biệt theo hướng luật công và luật tư.⁴⁹

Để hỗ trợ các nước thành viên Công ước, Ủy ban đặc biệt của Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế tại phiên họp năm 2014 đã có hướng dẫn giải thích khái niệm “dân sự hoặc thương mại” với cách tiếp cận sau đây:

- Khái niệm “dân sự hoặc thương mại” nên được giải thích theo hướng độc lập, không dựa trên pháp luật nước yêu cầu hoặc pháp luật nước được yêu cầu. Khái niệm này cũng cần được giải thích theo phạm vi rộng, bởi lẽ Công ước không có quy định nào làm rõ những trường hợp cụ thể được coi là không thuộc phạm vi „ dân sự hoặc thương mại“. Vì vậy, khi xác định phạm vi “dân sự hoặc thương mại” của yêu cầu thu thập chứng cứ thì cần căn cứ vào bản chất quan hệ pháp luật phát sinh vụ kiện hơn là căn cứ vào chủ thể đưa ra yêu cầu thu thập chứng cứ (cơ quan tư pháp/tòa án cụ thể đưa ra yêu cầu).

- Khái niệm “dân sự hoặc thương mại” nên được giải thích tương tự như khi giải thích về khái niệm này trong Công ước tổng đạt giấy tờ.

- Quan hệ pháp luật sau đây được nhiều nước thành viên Công ước chấp nhận là quan hệ pháp luật dân sự hoặc thương mại: phá sản hoặc giải thể doanh nghiệp; bảo hiểm; hợp đồng lao động; bảo vệ người tiêu dùng; hôn nhân và gia đình, hộ tịch; cạnh tranh; sở hữu trí tuệ... Tuy nhiên, có một số trường hợp liên quan đến cạnh tranh: hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh đang được phân loại khác nhau, theo đó có nước cho rằng các vụ việc hạn chế cạnh tranh không thuộc phạm vi dân sự hoặc thương mại.

- Đối với các quan hệ pháp luật về thuế, hải quan, an sinh xã hội, chứng khoán, thì tồn tại hai quan điểm khác nhau giữa các nước thành viên Công ước; theo đó, một loại quan điểm thì cho rằng các quan hệ pháp luật nêu trên thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước; ngược lại, loại quan điểm còn lại thì cho rằng không phải là quan hệ pháp luật “dân sự hoặc thương mại”. Về vấn đề này, Ban Thư ký HCCH cho rằng các nước thành viên của Công ước nên cố gắng áp dụng Công ước đến mức cao nhất có thể để giải quyết. Trong trường hợp nước thành viên được yêu cầu thu thập chứng cứ cho rằng các quan hệ pháp luật này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước, thì nên thông báo cho nước yêu cầu thu thập chứng cứ về các phương thức thu thập chứng cứ khác đang được áp dụng

⁴⁹ Sổ tay hướng dẫn thực thi Công ước thu thập chứng cứ, Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế, năm 2016, trang 76.

cũng như khả năng giải quyết bằng đàm phán, ký, gia nhập điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương về tổ tụng hành chính, hình sự, hải quan và thuế.⁵⁰

Về phạm vi của “lĩnh vực dân sự hoặc thương mại”, Ủy ban Đặc biệt ghi nhận đã có những bước thay đổi, phát triển trong quan hệ hợp tác giữa các nước thành viên trong bối cảnh quan hệ hợp tác tư pháp ngày càng mở rộng. Phạm vi “lĩnh vực dân sự hoặc thương mại” trong hợp tác tương trợ tư pháp thu thập chứng cứ ngày càng được các nước tiếp cận linh hoạt và cởi mở hơn, các vấn đề gia đình, nhân thân, quyền sở hữu trí tuệ, phá sản, bảo hiểm, lao động, bảo vệ người tiêu dùng, cạnh tranh... đều được coi là có tính chất dân sự hoặc thương mại⁵¹.

Lĩnh vực hình sự không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này. Tuy nhiên, nhiều Quốc gia thành viên Công ước chấp nhận yêu cầu thu thập chứng cứ để giải quyết vụ kiện dân sự của cá nhân đòi bồi thường thiệt hại xuất phát từ trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó, đa số các nước không chấp nhận yêu cầu thu thập chứng cứ liên quan đến tài sản phạm tội mà có trong vụ án hình sự là yêu cầu trong lĩnh vực “dân sự hoặc thương mại”⁵².

4. Thu thập chứng cứ trong hoạt động tố tụng hoặc thực hiện các hoạt động tư pháp khác

Theo Chương I Công ước, Văn bản yêu cầu được sử dụng để thu thập chứng cứ trong hoạt động tố tụng hoặc thực hiện các hoạt động tư pháp khác.

Thông thường các yêu cầu thu thập chứng cứ có thể bao gồm: lấy lời khai; thu thập văn bản, tài liệu, giấy tờ, kể cả dữ liệu điện tử có thể trích xuất được; giám định; định giá tài sản; xem xét, thẩm định tại chỗ về tài sản, vật; yêu cầu chuyên gia, người giám định cung cấp ý kiến chuyên môn bằng văn bản; triệu tập người làm chứng, chuyên gia, người giám định tham gia phiên tòa, phiên họp để cung cấp lời khai, ý kiến chuyên môn.

Thuật ngữ “hoạt động tư pháp khác” (chỉ được áp dụng theo quy định của Chương I Công ước) không được định nghĩa trong Công ước, thuật ngữ này cần được hiểu một cách linh hoạt là bất cứ hoạt động nào nhằm thực hiện thẩm quyền tư pháp. Tuy nhiên, Công ước có loại trừ một số hoạt động khỏi phạm vi “hoạt động tư pháp khác” không bao gồm tổng đạt giấy tờ tư pháp hoặc các thủ tục thi hành hoặc cưỡng chế thi hành bản án hoặc quyết định của tòa án hoặc

⁵⁰ Sổ tay hướng dẫn thực thi Công ước thu thập chứng cứ, Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế, năm 2016, trang 77.

⁵¹ Sổ tay hướng dẫn thực thi Công ước thu thập chứng cứ, Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế, năm 2016, trang 25

⁵² Sổ tay hướng dẫn thực thi Công ước thu thập chứng cứ, Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế, năm 2016, trang 26

quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc biện pháp bảo vệ khác. Đồng thời, việc thực hiện Văn bản yêu cầu sẽ bị từ chối nếu không thuộc chức năng của cơ quan tư pháp của Quốc gia được yêu cầu. Do đó, có thể hiểu “hoạt động tư pháp” là những hoạt động được thực hiện trong phạm vi thẩm quyền của cơ quan tư pháp.

Theo Sổ tay hướng dẫn thực thi Công ước, thực tế quy định pháp luật và áp dụng Công ước của một số quốc gia thì “hoạt động tư pháp khác” có thể biết đến như: thu thập thông tin về thu nhập; lấy ý kiến về việc xác định quan hệ cha con; thu thập bản sao giấy tờ hộ tịch; thu thập văn bản xác định việc không kháng cáo; chuyên tiền hay yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ để thi hành bản án, quyết định của tòa án...

5. Việc thu thập chứng cứ được yêu cầu khi thủ tục tố tụng đã được dự kiến hoặc đã bắt đầu

Thuật ngữ “thủ tục tố tụng” không được định nghĩa trong Công ước. Tuy nhiên theo phạm vi của Công ước, thủ tục tố tụng là bất kỳ thủ tục nào được thực hiện tại một cơ quan tư pháp - cơ quan có chức năng xét xử trong thủ tục cụ thể đó. Công ước áp dụng đối với tất cả các thủ tục tố tụng ở dạng tranh tụng (adversarial) hoặc không tranh tụng (non-adversarial) nhưng có thể không áp dụng đối với một số thủ tục phát hiện tình tiết của vụ việc (fact-finding investigation). Ví dụ: trong vụ Re Int'l Power Industries N.V [1985] BCLC 128, tòa án cấp cao Anh khẳng định rằng mục tiêu của Công ước là để hỗ trợ việc ra phán quyết trong các vụ kiện có bản chất dân sự giữa các bên. Trong vụ việc này quản tài viên của một công ty của Antilles thuộc Hà Lan đang trong thủ tục theo Chương 11 trong luật phá sản của Hoa Kỳ yêu cầu một lệnh thu thập chứng cứ của tòa án Anh theo Luật thu thập chứng cứ trong các thủ tục của nước ngoài năm 1975 để thực thi Công ước La Hay năm 1970 của Anh. Đơn này để lấy lời khai của một người trong công ty cư trú tại Anh và của một người trước đây là luật sư của Công ty này. Quản tài viên rõ ràng muốn thu thập thông tin về việc quản lý và điều hành công ty và các tài sản của công ty đó nhưng đơn đã bị từ chối vì tòa án cho rằng Công ước và đạo luật không áp dụng để phát hiện các tình tiết của vụ việc trong hoạt động thẩm tra các công ty đang trong thủ tục phá sản.⁵³ Công ước áp dụng với mọi giai đoạn của quá trình tố tụng - thậm chí cả giải đoạn tìm hiểu các tình tiết để xác định thẩm quyền đối nhân của tòa án hoặc sau khi ra phán quyết nếu tòa án vẫn phải quyết định những vấn đề liên quan giữa các bên.⁵⁴

⁵³ Philip R. Wood- Principles of international insolvency - 2 nd edition - Thomson Sweet and Maxwell -2007

⁵⁴ Sổ tay hướng dẫn thực thi Công ước thu thập chứng cứ, Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế, năm 2016, trang 35

Theo Chương I Công ước, Văn bản yêu cầu được sử dụng để thu thập chứng cứ được sử dụng trong thủ tục tố tụng đã được bắt đầu hoặc dự kiến diễn ra. Tuy nhiên, Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền chỉ được thu thập chứng cứ để hỗ trợ thủ tục tố tụng đã được bắt đầu theo quy định tại Chương II Công ước.

Thủ tục tố tụng “đã được bắt đầu” không được nêu chi tiết trong Công ước cũng như Báo cáo giải thích (the Explanatory Report) mặc dù có thể tương đương với thời điểm cơ quan tư pháp thụ lý vụ việc. Ủy ban đặc biệt đã tuyên bố rằng, thuật ngữ “thủ tục tố tụng đã được bắt đầu” nên được giải thích thống nhất trong cả Chương I và Chương II Công ước. “Thủ tục tố tụng đã được bắt đầu” nên được hiểu và tuân theo quy định của pháp luật quốc gia yêu cầu. Nội luật của các quốc gia quy định khác nhau. Một số quốc gia cho rằng cơ quan tư pháp tiếp nhận vụ việc sau khi bị đơn đã được tổng đạt hoặc sau khi các bước cần thiết đã được thực hiện để thông báo cho bị đơn. Một số quốc gia khác cho rằng thời điểm này là khi đơn khởi kiện được nộp tại tòa án, hoặc nêu thông báo là cần thiết trước khi nộp đơn khởi kiện thì ngay khi giấy tờ được chuyển giao cho người hoặc cơ quan có thẩm quyền tổng đạt.

Đối với thủ tục tố tụng “dự kiến bắt đầu”, Điều 1 (2) Công ước quy định rõ rằng Văn bản yêu cầu được sử dụng trong một thủ tục tố tụng đã được dự kiến bắt đầu. Công ước không nêu chi tiết về ý nghĩa của thuật ngữ “dự kiến bắt đầu”. Trong Báo cáo giải thích cũng như thực tiễn cho thấy, “dự kiến bắt đầu” liên quan đến các yêu cầu bảo vệ chứng cứ⁵⁵ hoặc các mục đích khác như xác định chủ thể bị kiện hoặc có nên tiến hành thủ tục tố tụng hay không. Đây là “sáng tạo mới”⁵⁶ trong Công ước so với Công ước năm 1954 về thủ tục tố tụng dân sự nhằm bảo đảm việc lấy lời khai trong một số trường hợp đặc biệt như người làm chứng già yếu sắp chết hoặc sắp chuyển đi nơi khác hoặc chứng cứ vì

55

Xem thêm sự khác biệt giữa biện pháp bảo vệ chứng cứ trong thu thập chứng cứ và các biện pháp bảo vệ tạm thời khác thuộc phạm vi phán quyết của tòa án, xem thêm:

ALEŠ GALIČ* THE CASE LAW OF THE EUROPEAN COURT OF JUSTICE ON CROSS-BORDER TAKING OF EVIDENCE

<http://www.ejtn.eu/PageFiles/12474/Trier%202016%20Evidence%20Regulation%20Galic%20-%20ECJ%20case%20law.pdf>

⁵⁶ Sổ tay hướng dẫn thực thi Công ước thu thập chứng cứ, Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế, năm 2016, trang 37

lý do nào đó có thể bị hủy hoại hoặc không thể sử dụng được. Việc thu thập chứng cứ trong các thủ tục tố tụng dự kiến bắt đầu dù chỉ dừng ở mức dự kiến nhưng cũng phải chắc chắn hơn một lựa chọn “ở mức khả năng” nhằm đáp ứng yêu cầu “chứng cứ không phải thu thập cho một thủ tục không thể được bắt đầu”.

II. Các nội dung chính của Công ước

Công ước gồm 3 Chương và 42 Điều.

1. Phạm vi của Công ước

Về phạm vi áp dụng, Công ước chỉ được áp dụng đối với các Quốc gia thành viên Công ước. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng Công ước không tự động có hiệu lực giữa hai Quốc gia thành viên mà chỉ phát sinh hiệu lực giữa Quốc gia gia nhập và Quốc gia thành viên đã tuyên bố chấp nhận sự gia nhập của Quốc gia gia nhập (Điều 39(4) Công ước).

Về phạm vi nội dung, Công ước chỉ được áp dụng cho việc thu thập chứng cứ trong các thủ tục tố tụng trong lĩnh vực dân sự, thương mại và thực hiện các “hoạt động tư pháp khác” giữa các Quốc gia thành viên. Công ước loại trừ khỏi phạm vi áp dụng các hoạt động: (i) tổng đạt giấy tờ; (ii) thi hành bản án, quyết định của toà án; (iii) quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc biện pháp bảo vệ khác.

2. Cơ chế thực hiện thu thập chứng cứ theo quy định của Công ước

Công ước quy định hai kênh để thực hiện thu thập chứng cứ gồm: (1) Thu thập chứng cứ thông qua cơ quan Trung ương (bằng Văn bản yêu cầu) (từ Điều 1 đến Điều 14) và (2) Thu thập chứng cứ thông qua viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự và người được ủy quyền (từ Điều 15 đến Điều 22)

2.1 Cơ chế thực hiện yêu cầu TTTP thu thập chứng cứ giữa các quốc gia thành viên thông qua Cơ quan Trung ương.

a. Cơ quan Trung ương

Về tổ chức, hoạt động, các Quốc gia thành viên được quyền quyết định về cách thức tổ chức, cơ cấu, nhân sự của Cơ quan Trung ương để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, thực thi hiệu quả Công ước.

Mỗi Quốc gia thành viên phải chỉ định một Cơ quan Trung ương (Điều 2 Công ước), các Quốc gia theo thể chế liên bang có thể chỉ định nhiều Cơ quan Trung ương (Điều 24 (2) Công ước). Tuy vậy, một Quốc gia thành viên có thể chỉ định thêm các Cơ quan khác ngoài Cơ quan Trung ương để nhận Văn bản yêu cầu trong phạm vi lãnh thổ nhất định (Điều 24 (1) Công ước) nhưng vẫn có

thể gửi Văn bản yêu cầu tới Cơ quan Trung ương đã chỉ định của Quốc gia đó trong mọi trường hợp.

Cơ quan Trung ương có nhiệm vụ chính tiếp nhận Văn bản yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền (Cơ quan Trung ương hoặc cơ quan tư pháp) của Quốc gia thành viên khác và chuyển tiếp Văn bản yêu cầu cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện. Ngoài ra, Công ước cũng quy định Cơ quan Trung ương phải thực hiện một số chức năng và nhiệm vụ sau: Thông báo và nêu rõ nội dung của Văn bản yêu cầu không tuân thủ các quy định của Công ước (Điều 5 Công ước); Chuyển cho Quốc gia yêu cầu văn bản chứng minh việc thực hiện Văn bản yêu cầu (Điều 13(1) Công ước); Thông báo và nêu rõ lý do của việc không thực hiện Văn bản yêu cầu cho Cơ quan yêu cầu (Điều 13(2)) Công ước, chẳng hạn: Khi kiểm tra cơ quan gửi không phải là cơ quan tư pháp của Quốc gia yêu cầu, Cơ quan trung ương có quyền trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do.

b, Quy trình thủ tục thực hiện

b. Gửi Văn bản yêu cầu thực hiện thu thập chứng cứ

- Cơ quan có thẩm quyền lập Văn bản yêu cầu:

Cơ quan có thẩm quyền lập Văn bản yêu cầu là cơ quan tư pháp của Quốc gia yêu cầu (Điều 2). Công ước không đưa ra định nghĩa về “cơ quan tư pháp”, việc xác định cơ quan tư pháp tùy thuộc vào pháp luật của mỗi Quốc gia. Mặc dù vậy, theo Sổ tay hướng dẫn thực thi Công ước của Hội nghị La Hay, Cơ quan tư pháp không bao gồm cá nhân và trọng tài và thường là tòa án các cấp, một số cơ quan hành chính nhất định⁵⁷. Thông thường, việc xem xét cơ quan tư pháp có thể dựa trên một số tiêu chí sau: (1) Tính độc lập so với hệ thống hành pháp; (2) Tính công tâm; (3) Có việc tranh tụng hay không; (4) Quyết định có được kháng cáo hay không⁵⁸.

- Nội dung của Văn bản yêu cầu:

Văn bản yêu cầu phải đầy đủ các thông tin sau: (1) Cơ quan yêu cầu; (2) Cơ quan được yêu cầu (nếu có); (3) Tên và địa chỉ của các bên tham gia tố tụng và đại diện của họ (nếu có); (4) Bản chất của quy trình tố tụng, chứng cứ cần thu thập, các thông tin liên quan đến quy trình tố tụng; (5) Chứng cứ cần thu thập hoặc hoạt động tư pháp khác cần thực hiện.

⁵⁷ Xem thêm tại Sổ tay hướng dẫn thực thi Công ước thu thập chứng cứ, Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế, năm 2016, trang 41.

⁵⁸ Trang 3 Báo cáo Kết quả Hội thảo quốc tế về Công ước La Hay 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại và Công ước La Hay 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại

Ngoài ra, trong một số trường hợp, Văn bản yêu cầu cũng phải bao gồm các thông tin sau: (1) Tên và địa chỉ của người được lấy lời khai; (2) Các câu hỏi đối với những người được lấy lời khai hoặc nội dung lấy lời khai; (3) Các tài liệu hoặc tài sản, bất động sản hoặc tài sản cá nhân cần được xác minh; (4) Yêu cầu về thu thập chứng cứ phải có tuyên thệ hoặc sự xác nhận và các cách thức đặc biệt cần được sử dụng để thu thập chứng cứ; (5) Cách thức hoặc thủ tục đặc biệt cần được tuân thủ.

- Hình thức của Văn bản yêu cầu:

Công ước không quy định hình thức của Văn bản yêu cầu, tuy nhiên, thông thường Văn bản yêu cầu được lập bằng văn bản. Tuy nhiên, theo khuyến nghị của Hội nghị La Hay, các Quốc gia thành viên nên sử dụng Mẫu Văn bản yêu cầu do Hội nghị La Hay xây dựng.

- Ngôn ngữ của Văn bản yêu cầu:

Văn bản yêu cầu và tài liệu kèm theo⁵⁹ phải được lập hoặc gửi kèm một bản dịch sang ngôn ngữ chính thức của Quốc gia được yêu cầu. Tuy nhiên, Văn bản yêu cầu và tài liệu kèm theo cũng có thể được lập hoặc gửi kèm một bản dịch sang tiếng Pháp hoặc tiếng Anh, nếu Quốc gia được yêu cầu không tuyên bố bảo lưu quy định này.

Bản dịch được gửi kèm theo Văn bản yêu cầu phải được chứng thực bởi viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự hoặc người dịch thuật có tuyên thệ hoặc bất kỳ người nào khác có thẩm quyền của mỗi Quốc gia thành viên.

- Yêu cầu về hợp pháp hóa:

Văn bản yêu cầu và tài liệu gửi kèm được miễn hợp pháp hóa hoặc các hình thức khác tương tự.

- Số lượng Văn bản yêu cầu:

Công ước không quy định cụ thể số lượng Văn bản yêu cầu. Theo khuyến nghị của Hội nghị La Hay, Văn bản yêu cầu nên được lập thành 02 bản.

c. Chuyển giao Văn bản yêu cầu

- *Kênh chuyển giao chính*: Văn bản yêu cầu được chuyển giao trực tiếp từ Cơ quan yêu cầu tới Cơ quan trung ương (hoặc cơ quan khác được chỉ định để nhận Văn bản yêu cầu) của Quốc gia được yêu cầu. Sau khi nhận được Văn bản yêu cầu và các tài liệu kèm theo, Cơ quan trung ương của Quốc gia được yêu cầu sẽ chuyển Văn bản yêu cầu tới cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia này.

⁵⁹Sở tay hướng dẫn thực thi Công ước thu thập chứng cứ, Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế, năm 2016, trang 60.

Công ước không quy định việc chuyển giao Văn bản yêu cầu trong phạm vi Quốc gia yêu cầu. Do đó, vấn đề này phụ thuộc vào quy định pháp luật của Quốc gia yêu cầu.

- *Kênh chuyển giao bổ sung*: Công ước không quy định các kênh chuyển giao Văn bản yêu cầu bổ sung, tuy nhiên, Công ước cho phép các Quốc gia thành viên được thỏa thuận về các kênh chuyển giao bổ sung thông qua (1) thỏa thuận, (2) tham gia vào một điều ước quốc tế hoặc (3) tự tuyên bố.

Ngoài ra, Công ước cũng quy định các Quốc gia thành viên có thể tuyên bố rằng Văn bản yêu cầu có thể được chuyển giao cho Cơ quan tư pháp của mình theo các kênh khác ngoài những kênh quy định tại Công ước.

d. Thực hiện Văn bản yêu cầu (Điều 9)

Cơ quan tư pháp của Quốc gia được yêu cầu phải áp dụng pháp luật nước mình để thực hiện Văn bản yêu cầu hoặc theo cách thức và thủ tục đặc biệt mà Quốc gia gửi yêu cầu đề nghị, trừ khi việc thực hiện yêu cầu này không phù hợp với pháp luật của Quốc gia được yêu cầu hoặc không thể thực hiện được vì thông lệ hay thủ tục trong nước không cho phép hoặc vì những khó khăn thực tiễn.

Về thời gian, Công ước chỉ quy định Văn bản yêu cầu phải được thực hiện một cách nhanh chóng.

e. Việc có mặt khi thực hiện Văn bản yêu cầu (Điều 7, Điều 8)

Công ước có các quy định cho phép đương sự, người đại diện của các đương sự, nhân viên Tòa án của nước yêu cầu thu thập chứng cứ có thể có mặt tại nơi thực hiện thu thập chứng cứ. Cụ thể, Điều 7 Công ước quy định nước yêu cầu thu thập chứng cứ có quyền yêu cầu nước được yêu cầu thu thập chứng cứ cho phép các đương sự, người đại diện của họ, nhân viên Tòa án nước yêu cầu thu thập chứng cứ có mặt tại địa điểm thu thập chứng cứ. Yêu cầu này cần ghi rõ trong Văn bản yêu cầu thu thập chứng cứ. Trong trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu thu thập chứng cứ phải được thông báo thời gian, địa điểm nơi thực hiện việc thu thập chứng cứ để bảo đảm các đương sự và người đại diện của họ (nếu có) có thể có mặt. Thông tin về thời gian, địa điểm nói trên cũng cần được gửi trực tiếp cho các đương sự và người đại diện của họ (nếu có) theo đề nghị của nước yêu cầu thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, Công ước cũng quy định bất kỳ nước thành viên nào của Công ước này cũng có thể đưa ra tuyên bố rằng các nhân viên của Tòa án nước yêu cầu thu thập chứng cứ chỉ có thể có mặt tại địa điểm thực hiện việc thu thập chứng cứ nếu có sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên đưa ra tuyên bố nêu trên.

f. Chi phí thực hiện Văn bản yêu cầu (Điều 14)

Về chi phí thực hiện thu thập chứng cứ

Đối với vấn đề chi phí thu thập chứng cứ, Điều 14 Công ước quy định nước được yêu cầu sẽ không thu chi phí, kể cả tiền thuế phát sinh từ chi phí thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, nước được yêu cầu thu thập chứng cứ có quyền yêu cầu nước yêu cầu thu thập chứng cứ phải thanh toán lại các chi phí đã trả cho chuyên gia và phiên dịch cũng như chi phí thực hiện thu thập chứng cứ theo thủ tục đặc biệt mà nước gửi yêu cầu thu thập chứng cứ đề nghị.

Bên cạnh đó, Điều 14 Công ước cũng quy định trong trường hợp theo pháp luật nước được yêu cầu thu thập chứng cứ, thì đương sự có nghĩa vụ thu thập chứng cứ để cung cấp, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình và cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu thu thập chứng cứ không có khả năng tự mình thực hiện yêu cầu đó, thì với sự đồng ý trước của nước yêu cầu, nước được yêu cầu sẽ bổ nhiệm/ủy quyền việc thu thập chứng cứ cho cá nhân phù hợp để thực hiện. Khi hỏi nước yêu cầu về việc thu thập chứng cứ theo cách này, nước được yêu cầu sẽ thông báo luôn về dự tính chi phí thu thập chứng cứ. Nếu nước yêu cầu đồng ý với cách thức thu thập chứng cứ thông qua việc bổ nhiệm/ủy quyền cho cá nhân phù hợp, thì nước này phải thanh toán chi phí. Ngược lại, nếu nước yêu cầu không đồng ý thì không có nghĩa vụ thanh toán chi phí thu thập chứng cứ.

Song song với đó, Điều 26 Công ước cũng quy định một thành viên của Công ước mà theo quy định của nước đó, có thể yêu cầu nước đã đề nghị thu thập chứng cứ phải hoàn trả các chi phí liên quan đến thực hiện yêu cầu thu thập chứng cứ, chi phí cho thực hiện các thủ tục cần thiết để bảo đảm sự có mặt của người cung cấp chứng cứ, chi phí để người này có mặt (chi phí ăn ở đi lại...) và chi phí trích xuất chứng cứ dưới dạng văn bản.

h. Quyền và nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ (Điều 11)

Công ước quy định một người có thể từ chối cung cấp chứng cứ trong phạm vi người đó có quyền không cung cấp hoặc có nghĩa vụ từ chối cung cấp theo (1) pháp luật của Quốc gia được yêu cầu; (2) pháp luật của Quốc gia yêu cầu với điều kiện quyền và nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ đã được nêu cụ thể trong Văn bản yêu cầu (hoặc đã được Cơ quan yêu cầu xác nhận); (3) pháp luật của Quốc gia thứ ba nếu Quốc gia thành viên đã đưa ra tuyên bố tôn trọng các quyền và nghĩa vụ đó.

Theo Hội nghị La Hay⁶⁰, quyền và nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ thường bao gồm phạm vi miễn trừ ngoại giao, miễn trừ quốc gia, bí mật nghề nghiệp, bí mật ngân hàng, bí mật thương mại, bảo vệ tài liệu...

h. Xác minh việc thực hiện Văn bản yêu cầu (Điều 13)

Văn bản xác minh việc thực hiện Văn bản yêu cầu phải được gửi tới Cơ quan yêu cầu. Công ước không quy định hình thức cụ thể của Văn bản xác minh việc thực hiện Văn bản yêu cầu. Tuy nhiên, trên thực tế, hình thức của Văn bản xác minh phụ thuộc vào loại chứng cứ được thu thập hoặc hoạt động tư pháp khác được thực hiện (thư điện tử, giấy...). Văn bản xác minh việc thực hiện Văn bản yêu cầu có thể được gửi kèm với yêu cầu thanh toán các chi phí theo Điều 14 Công ước.

Văn bản xác minh phải được gửi lại theo cùng kênh mà cơ quan yêu cầu đã sử dụng. Tuy nhiên, theo Điều 28.e Công ước cho phép Quốc gia yêu cầu và Quốc gia được yêu cầu có thể thỏa thuận để gửi trả Văn bản xác minh theo kênh bổ sung.

i. Từ chối thực hiện Văn bản yêu cầu (Điều 12)

Việc thực hiện Văn bản yêu cầu có thể bị từ chối thực hiện trong trường hợp:

- Văn bản yêu cầu không tuân thủ các quy định của Công ước;
- Văn bản yêu cầu tuân thủ quy định của Công ước nhưng có thể bị từ chối thực hiện trong trường hợp quy định tại Điều 12 Công ước, theo đó:
 - + Việc thực hiện Văn bản yêu cầu không thuộc chức năng của cơ quan tư pháp của Quốc gia được yêu cầu;
 - + Quốc gia yêu cầu thấy rằng, việc thực hiện yêu cầu có thể phương hại tới chủ quyền và an ninh quốc gia đó.

Ngoài ra, Văn bản yêu cầu thu thập chứng cứ và thông tin, tài liệu liên quan trước khi diễn ra phiên tòa như được biết đến ở các nước theo hệ thống thông luật có thể bị từ chối thực hiện nếu Quốc gia được yêu cầu tuyên bố không thực hiện theo Điều 23 Công ước.

2.2. *Thu thập chứng cứ thông qua viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự và người được ủy quyền*

⁶⁰Sở tay hướng dẫn thực thi Công ước thu thập chứng cứ, Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế, năm 2016, trang 98.

Bên cạnh kênh thu thập chứng cứ truyền thống thông qua Văn bản yêu cầu, Chương II (từ Điều 15 đến Điều 21) Công ước cũng quy định các kênh thu thập chứng cứ thông qua kênh ngoại giao, lãnh sự hoặc người được ủy quyền.

Thẩm quyền thu thập chứng cứ của Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền phụ thuộc vào pháp luật quốc gia của mỗi nước. Trong trường hợp pháp luật quốc gia quy định cho phép Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền thu thập chứng cứ ở nước ngoài, Chương II Công ước quy định Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập sẽ phải cho phép những người này thực thi thẩm quyền của mình theo những điều khoản và điều kiện được quy định theo Công ước.

a) *Khái niệm “Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền”*:

Công ước không quy định thế nào là Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền. Vấn đề này được quy định tại pháp luật của mỗi quốc gia.

b) *Yêu cầu sự cho phép thu thập chứng cứ*

Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự có thể thu thập chứng cứ đối với công dân của Quốc gia mình mà không cần sự cho phép trước từ *Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập (State of Execution)*, trừ trường hợp Quốc gia này tuyên bố viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự chỉ có thể thu thập chứng cứ khi có sự cho phép trước của nước này.

Ngoài ra, Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự chỉ có thể thu thập chứng cứ đối với công dân của của Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập hoặc của Quốc gia thứ ba nếu có sự cho phép trước từ Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập, trừ trường hợp Quốc gia này tuyên bố viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự có thể thu thập chứng cứ mà không cần sự cho phép trước.

Người được ủy quyền chỉ có thể thu thập chứng cứ khi có sự cho phép trước từ Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập, trừ trường hợp Quốc gia này tuyên bố Người được ủy quyền có thể thu thập chứng cứ mà không cần sự cho phép trước.

Cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập khi tiến hành xem xét và quyết định cho phép thu thập chứng cứ có thể đưa ra những yêu cầu thích hợp như⁶¹: thời gian, địa điểm thu thập chứng cứ; thời hạn cụ thể; thông báo trước cho cơ quan có thẩm quyền về thời gian, địa điểm thu thập

⁶¹ Sổ tay hướng dẫn thực thi Công ước thu thập chứng cứ, Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế, năm 2016, trang 136.

chứng cứ; sự có mặt của đại diện của cơ quan có thẩm quyền khi tiến hành thu thập chứng cứ; phạm vi lấy lời khai; phạm vi những tài liệu được thu thập; phạm vi xác minh bất động sản.

c) Thực hiện thu thập chứng cứ

Việc thu thập chứng cứ theo Chương II phải tuân thủ pháp luật của *Quốc gia yêu cầu (State of Origin)*. Đồng thời, Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền phải tuân thủ các điều kiện mà cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập yêu cầu.

- Phạm vi chứng cứ được thu thập (điểm a Điều 21)

Công ước quy định Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự có thể thu thập tất cả các loại chứng cứ mà không trái với pháp luật của Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập.

- Phương pháp và thủ tục thu thập chứng cứ

Chứng cứ được thu thập theo phương thức được quy định theo pháp luật áp dụng tại các tòa án giải quyết vụ việc có yêu cầu thu thập chứng cứ với điều kiện phương thức đó không bị cấm bởi pháp luật của Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập (điểm d Điều 21 Công ước). Quy định này đảm bảo chứng cứ thu thập được có thể sử dụng cho thủ tục tố tụng của Tòa án nơi giải quyết vụ việc.

Công ước không cho phép Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền thu thập chứng cứ theo cách thức bắt buộc, cũng như không yêu cầu Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập phải cung cấp hỗ trợ để thu thập chứng cứ. Thay vào đó, Công ước thiết lập cơ chế, theo đó Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập sẽ xem xét cung cấp hỗ trợ để thu thập chứng cứ theo từng trường hợp cụ thể, khi có yêu cầu.

- Quyền và nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ (điểm e Điều 21): Đối với thu thập chứng cứ qua Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền, Công ước quy định một người được yêu cầu cung cấp chứng cứ có thể viện dẫn quyền không cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ được nêu ở Điều 11 Công ước như được trình bày tại Mục 2.1.

- Chi phí : Công ước không quy định về vấn đề chi phí liên quan tới thu thập chứng cứ theo Chương II Công ước. Các chi phí này được xác định theo pháp luật trong nước.

3. Điều kiện, thủ tục gia nhập

Quốc gia muốn gia nhập Công ước phải nộp văn kiện gia nhập, các bảo lưu (Điều 33) và tuyên bố (Điều 23) (nếu có) tới Bộ Ngoại giao Hà Lan. Công ước

sẽ có hiệu lực tại Quốc gia xin gia nhập sau sáu mươi ngày (60) kể từ ngày nộp Văn kiện gia nhập.

Sau khi nhận Văn kiện gia nhập, Bộ Ngoại giao Hà Lan sẽ gửi một bản sao chứng thực Văn kiện gia nhập và các bảo lưu, tuyên bố tới các Quốc gia thành viên thông qua kênh ngoại giao để các quốc gia này cân nhắc đưa ra tuyên bố chấp thuận sự gia nhập của Quốc gia xin gia nhập. Công ước sẽ có hiệu lực giữa Quốc gia xin gia nhập và Quốc gia thành viên đã chấp thuận sự gia nhập đó sau 60 ngày kể từ ngày nộp lưu chiểu tuyên bố chấp thuận sự gia nhập.

4. Quyền và nghĩa vụ chính của thành viên Công ước

a. Về quyền

Khi trở thành viên Công ước, Quốc gia thành viên có những quyền cơ bản sau:

- Yêu cầu các Quốc gia thành viên khác thực hiện các Văn bản yêu cầu thu thập chứng cứ theo quy định của Công ước;

- Cho phép Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền thu thập chứng cứ tại các Quốc gia thành viên khác với sự cho phép và điều kiện, thủ tục được quy định tại Công ước;

- Đưa ra các bảo lưu liên quan tới ngôn ngữ quy định tại khoản 2 Điều 2 và bảo lưu loại trừ việc áp dụng Chương II Công ước và đưa ra các tuyên bố khác theo quy định của Công ước;

- Quốc gia thành viên có thể rút khỏi Công ước bằng việc thông báo tới Bộ Ngoại giao Hà Lan theo Điều 41 Công ước;

- Các quyền khác theo quy định của Công ước.

b. Về nghĩa vụ

Quốc gia thành viên có nghĩa vụ thực hiện Văn bản yêu cầu của các quốc gia thành viên khác phù hợp với phạm vi, yêu cầu và quy trình thủ tục được quy định tại Công ước. Đồng thời, Quốc gia thành viên cũng phải cho phép Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền tiến hành thu thập chứng cứ theo các quy định của Công ước.

Để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, về mặt thủ tục, Quốc gia thành viên phải có nghĩa vụ chỉ định Cơ quan Trung ương (Điều 2); cơ quan khác có thẩm quyền nhận Văn bản yêu cầu (Điều 24.1); Cơ quan có thẩm quyền cho phép cán bộ tư pháp của Quốc gia thành viên khác có mặt khi thực hiện Văn bản yêu cầu (Điều 8); Cơ quan khác theo Điều 15, 16, 17, 18 Công ước.

Công ước không đặt ra bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào cho các nước thành viên khi tham gia Công ước (không phải nộp niên liễm).

5. Những bảo lưu và tuyên bố

5.1 Về bảo lưu

Công ước quy định các nước được quyền bảo lưu đối với những vấn đề sau:

- Không áp dụng quy định khoản 2 Điều 4 về chấp nhận một Văn bản yêu cầu bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp hoặc một bản dịch ra một trong những ngôn ngữ này;
- Không áp dụng quy định tại Chương II Công ước về thu thập chứng cứ thông qua Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền;
- Không thực hiện Văn bản yêu cầu để thu thập chứng cứ và thông tin, tài liệu liên quan trước khi diễn ra phiên tòa như được biết đến ở các nước theo hệ thống thông luật (Điều 23);

5.2. Về tuyên bố

Công ước quy định các quốc gia khi gia nhập được tuyên bố về những vấn đề sau:

- Về ngôn ngữ được sử dụng đối với các hồ sơ yêu cầu thu thập chứng cứ (khoản 3,4 Điều 4);
- Về khả năng cán bộ tư pháp của cơ quan yêu cầu của Quốc gia ký kết khác có thể có mặt khi thực hiện Văn bản yêu cầu (Điều 8);
- Về việc chấp nhận quyền hoặc nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ theo pháp luật của các quốc gia khác (khoản 2 Điều 11);
- Về việc thu thập chứng cứ của viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, người được ủy quyền không cần sự cho phép trước (khoản 2 các Điều 15,16,17);
- Về Quyền nộp đơn xin phép thu thập chứng cứ bằng biện pháp bắt buộc (khoản 1 Điều 18);
- Về việc không thực hiện Văn bản yêu cầu để thu thập chứng cứ là tài liệu liên quan trước khi diễn ra phiên tòa như được biết đến ở các nước theo hệ thống thông luật (Điều 23);
- về kênh khác để chuyển Văn bản yêu cầu ngoài kênh cơ quan Trung ương, cho phép các hành động được quy định trong Công ước được thực hiện theo điều kiện ít khắt khe hơn và cho phép các cách thức thu thập chứng cứ khác ngoài những cách thức được quy định trong Công ước (Điều 27).

PHỤ LỤC III
**CÔNG ƯỚC LAHAY VỀ THU THẬP CHỨNG CỨ Ở NƯỚC
NGOÀI TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ HOẶC THƯƠNG MẠI**

(Ký ngày 18 tháng 3 năm 1970)

(Kèm theo Tờ trình số 43 /TTr-BTP ngày 10/10/2019 của Bộ Tư pháp)

Các Quốc gia ký kết Công ước này,

Mong muốn tạo thuận lợi cho việc chuyển giao và thực hiện các Văn bản yêu cầu thu thập chứng cứ và để khắc phục sự khác biệt về phương thức thu thập chứng cứ được sử dụng vì mục đích này;

Mong muốn đẩy mạnh sự hợp tác tương trợ tư pháp lẫn nhau trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại;

Đã quyết định ký kết Công ước này và thống nhất các điều khoản sau đây:

CHƯƠNG I – VĂN BẢN YÊU CẦU THU THẬP CHỨNG CỨ

Điều 1

- (1) Trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, cơ quan tư pháp của một Quốc gia ký kết, phù hợp với pháp luật của nước mình, có thể thông qua một Văn bản yêu cầu, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia ký kết khác thực hiện thu thập chứng cứ hoặc thực hiện một số hoạt động tư pháp khác.
- (2) Văn bản yêu cầu không được sử dụng để thu thập chứng cứ nếu văn bản đó không được sử dụng trong một thủ tục tố tụng đã được dự kiến hoặc đã bắt đầu.
- (3) Khái niệm "hoạt động tư pháp khác" không bao gồm hoạt động tổng đạt giấy tờ tư pháp hoặc yêu cầu thi hành thi hành bản án hoặc quyết định của tòa án, hoặc quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc biện pháp bảo vệ khác.

Điều 2

- (1) Quốc gia ký kết có nghĩa vụ chỉ định một Cơ quan Trung ương của nước mình để tiếp nhận Văn bản yêu cầu của cơ quan tư pháp của Quốc gia ký kết khác và chuyển Văn bản yêu cầu đó đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện. Mỗi Quốc gia ký kết sẽ tổ chức Cơ quan Trung ương theo pháp luật của nước mình.

(2) Các Văn bản yêu cầu sẽ được gửi cho Cơ quan Trung ương của Quốc gia được yêu cầu mà không cần chuyển qua bất kỳ cơ quan thẩm quyền nào khác của Quốc gia đó.

Điều 3

(1) Văn bản yêu cầu phải nêu rõ -

a) Cơ quan yêu cầu và cơ quan được yêu cầu thực hiện, nếu cơ quan yêu cầu biết cơ quan đó;

b) Tên và địa chỉ của các bên tham gia tố tụng và đại diện của họ, nếu có;

c) Bản chất của quy trình tố tụng, theo đó chứng cứ cần thu thập, và tất cả các thông tin cần thiết liên quan đến quy trình tố tụng đó;

d) Chứng cứ cần được thu thập hoặc hoạt động tư pháp khác cần được thực hiện.

(2) Khi cần thiết, Văn bản phải nêu rõ, một hoặc một số thông tin sau:

a) Tên và địa chỉ của người được xét hỏi

b) Các câu hỏi đối với những người được xét hỏi hoặc nội dung xét hỏi

c) Các tài liệu hoặc tài sản, bất động sản hoặc tài sản cá nhân, cần được xác minh;

h) Yêu cầu thu thập chứng cứ phải có tuyên thệ hoặc xác nhận và các hình thức thu thập chứng cứ đặc biệt cần được sử dụng;

e) Cách thức hoặc thủ tục đặc biệt thu thập chứng cứ cần được thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Công ước này.

(3) Văn bản yêu cầu cũng có thể nêu bất kỳ thông tin cần thiết nào liên quan đến việc áp dụng Điều 11 của Công ước này.

(4) Không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự hoặc hình thức tương tự.

Điều 4

(1) Văn bản yêu cầu phải được lập bằng ngôn ngữ của Quốc gia được yêu cầu hoặc kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của Quốc gia được yêu cầu.

(2) Tuy nhiên, Quốc gia ký kết phải chấp nhận một Văn bản yêu cầu bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp hoặc một bản dịch ra một trong những ngôn ngữ này trừ khi Quốc gia đó có tuyên bố bảo lưu theo quy định của Điều 33 Công ước này.

(3) Một Quốc gia ký kết có nhiều ngôn ngữ chính thức, và do quy định của pháp luật trong nước của mình, không thể chấp nhận Văn bản yêu cầu bằng một trong những ngôn ngữ chính thức của nước mình trên toàn lãnh thổ của mình thì phải, bằng tuyên bố, nêu rõ ngôn ngữ mà Văn bản yêu cầu hoặc bản dịch của nó phải được thể hiện để thực hiện tại những khu vực cụ thể trên lãnh thổ của nước mình. Trong trường hợp Quốc gia ký kết không tuân thủ tuyên bố này mà không

có giải thích hợp lý, thì chi phí dịch tài liệu sang ngôn ngữ được yêu cầu sẽ do Quốc gia gửi yêu cầu chịu.

(4) Quốc gia ký kết, bằng tuyên bố, có thể nêu rõ một hoặc nhiều ngôn ngữ khác ngoài những ngôn ngữ được nêu tại các đoạn trên để sử dụng trong Văn bản yêu cầu gửi cho Cơ quan trung ương của nước mình.

(5) Bản dịch được gửi kèm theo Văn bản yêu cầu phải được chứng thực là chính xác bởi viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự hoặc bởi người dịch thuật có tuyên thệ hoặc bất kỳ người nào khác có thẩm quyền của mỗi Quốc gia ký kết.

Điều 5

Nếu Cơ quan Trung ương cho rằng yêu cầu thu thập chứng cứ không tuân theo các quy định của Công ước này, Cơ quan này phải nhanh chóng thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia đã gửi Văn bản yêu cầu và nêu rõ lý do từ chối.

Điều 6

Nếu Văn bản yêu cầu được chuyển đến cơ quan không có thẩm quyền thực hiện, Văn bản yêu cầu này phải được gửi ngay cho cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia đó để thực hiện theo quy định pháp luật nước mình.

Điều 7

Cơ quan yêu cầu, nếu mong muốn, phải được thông báo về thời gian và địa điểm, thủ tục thu thập chứng cứ được thực hiện để các bên liên quan và đại diện của họ, nếu có, có thể có mặt. Thông báo này phải được gửi trực tiếp đến các bên hoặc đại diện của họ khi có đề nghị của cơ quan của Quốc gia yêu cầu.

Điều 8

Quốc gia ký kết có thể tuyên bố rằng cán bộ tư pháp của cơ quan yêu cầu của Quốc gia ký kết khác có thể có mặt khi thực hiện Văn bản yêu cầu. Việc có mặt này có thể cần được sự cho phép trước của Cơ quan có thẩm quyền được chỉ định của Quốc gia đưa ra tuyên bố này.

Điều 9

(1) Cơ quan tư pháp thực hiện Văn bản yêu cầu phải tuân thủ các cách thức và thủ tục được quy định trong pháp luật nước mình.

(2) Tuy nhiên, cơ quan này có thể thực hiện thu thập chứng cứ đề nghị của Cơ quan yêu cầu, theo cách thức và thủ tục đặc biệt, trừ khi việc thực hiện yêu

cầu này không phù hợp với pháp luật của Quốc gia được yêu cầu hoặc không thể thực hiện được vì thông lệ hay thủ tục trong nước không cho phép hoặc vì những khó khăn thực tiễn.

(3) Văn bản yêu cầu phải được thực hiện một cách nhanh chóng

Điều 10

Khi thực hiện Văn bản Yêu cầu, cơ quan được yêu cầu phải áp dụng các biện pháp bắt buộc phù hợp với các quy định của pháp luật trong nước để thực hiện các quyết định của các cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia đó hoặc để thực hiện yêu cầu của các bên trong thủ tục tố tụng trong nước.

Điều 11

(1) Khi thực hiện Văn bản Yêu cầu, người có liên quan có thể từ chối cung cấp chứng cứ trong phạm vi người đó có quyền không cung cấp chứng cứ hoặc có nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ:

a) theo pháp luật của Quốc gia được yêu cầu; hoặc

b) theo pháp luật của Quốc gia yêu cầu, và quyền hoặc nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ đã được nêu cụ thể trong Văn bản yêu cầu; hoặc theo đề nghị của cơ quan được yêu cầu, cơ quan yêu cầu đã xác nhận quyền từ chối cung cấp chứng cứ đó.

(2) Quốc gia ký kết có thể tuyên bố rằng, Quốc gia đó sẽ tôn trọng quyền hoặc nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ theo pháp luật hiện hành của các Quốc gia khác ngoài Quốc gia yêu cầu và Quốc gia được yêu cầu trong phạm vi được nêu cụ thể tại tuyên bố đó.

Điều 12

(1) Việc thực hiện Văn bản yêu cầu có thể bị từ chối chỉ trong trường hợp:

a) Tại Quốc gia được yêu cầu, việc thực hiện Văn bản yêu cầu không thuộc chức năng của cơ quan tư pháp của Quốc gia đó; hoặc

b) Quốc gia được yêu cầu thấy rằng, việc thực hiện yêu cầu có thể phương hại đến chủ quyền và an ninh quốc gia đó.

(2) Việc thực hiện không thể bị từ chối chỉ dựa trên căn cứ rằng theo quy định của pháp luật trong nước của mình, Quốc gia được yêu cầu có thẩm quyền riêng biệt đối với vụ việc hoặc pháp luật trong nước của Quốc gia đó không thừa nhận quyền khởi kiện đối với vụ việc đó.

Điều 13

- (1) Các văn bản xác nhận việc thực hiện Văn bản yêu cầu sẽ được cơ quan thực hiện gửi cho cơ quan yêu cầu theo cùng kênh mà cơ quan yêu cầu đã sử dụng.
- (2) Trong mọi trường hợp khi Văn bản yêu cầu không được thực hiện toàn bộ hoặc một phần, cơ quan yêu cầu phải được thông báo ngay và thông báo lý do thông qua cùng kênh mà cơ quan yêu cầu đã sử dụng.

Điều 14

- (1) Việc thực hiện Văn bản Yêu cầu không làm phát sinh yêu cầu thanh toán nào về thuế hoặc bất kỳ chi phí thông thường nào.
- (2) Tuy nhiên, Quốc gia thực hiện có quyền đề nghị Quốc gia gửi yêu cầu hoàn lại tiền thù lao đã trả cho chuyên gia, người phiên dịch và các chi phí phát sinh do áp dụng các thủ tục đặc biệt theo đề nghị của Quốc gia yêu cầu quy định tại đoạn 2, Điều 9 Công ước này.
- (3) Trong trường hợp pháp luật của Quốc gia được yêu cầu quy định các bên có nghĩa vụ tự cung cấp chứng cứ và cơ quan được yêu cầu không thể tự thực hiện Văn bản yêu cầu, cơ quan được yêu cầu có thể chỉ định một người phù hợp để thực hiện Văn bản yêu cầu sau khi có sự đồng ý của cơ quan yêu cầu. Khi yêu cầu sự đồng ý này, cơ quan được yêu cầu phải nêu rõ dự toán chi phí sẽ phát sinh từ thủ tục này. Nếu cơ quan yêu cầu đồng ý thì cơ quan này có nghĩa vụ chi trả mọi chi phí phát sinh; nếu cơ quan yêu cầu không đồng ý thì cơ quan này sẽ không có nghĩa vụ đối với các chi phí.

CHƯƠNG II – THU THẬP CHỨNG CỨ DO VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO, VIÊN CHỨC LÃNH SỰ VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỰC HIỆN

Điều 15

- (1) Trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, một viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự của Quốc gia ký kết có thể tiến hành thu thập chứng cứ trong lãnh thổ của Quốc gia ký kết khác và trong phạm vi mà người đó thực hiện chức trách của mình theo cách thức không ép buộc đối với công dân của quốc gia mà họ đại diện để hỗ trợ thủ tục tố tụng đã bắt đầu ở tòa án của Quốc gia mà người đó đại diện.
- (2) Quốc gia ký kết có thể tuyên bố rằng, viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự chỉ có thể thu thập chứng cứ khi có sự cho phép cơ quan thích hợp được chỉ định bởi Quốc gia đã tuyên bố trên cơ sở đơn yêu cầu được lập bởi viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự hoặc theo ủy quyền của người này.

Điều 16

(1) Một viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự của Quốc gia ký kết, trong lãnh thổ của Quốc gia ký kết khác và trong địa hạt mà người đó thực hiện chức trách của mình, có thể thu thập chứng cứ, theo cách thức không ép buộc, đối với công dân của Quốc gia nơi người đó thực hiện chức trách của mình hoặc của Quốc gia thứ ba, để hỗ trợ thủ tục tố tụng đã bắt đầu ở tòa án của Quốc gia mà người đó đại diện, nếu:

a) Một cơ quan có thẩm quyền được chỉ định bởi Quốc gia nơi người đó thực hiện chức trách của mình, đã cho phép, trong mọi trường hợp hoặc trong trường hợp cụ thể, và

b) Người đó phải tuân thủ các điều kiện mà cơ quan có thẩm quyền đã nêu rõ trong việc cho phép.

(2) Quốc gia ký kết có thể tuyên bố rằng, chứng cứ có thể được thu thập theo quy định của Điều này mà không cần sự cho phép trước.

Điều 17

(1) Trong vấn đề dân sự hoặc thương mại, một người được chỉ định là người được ủy quyền cho mục đích này, có thể, thu thập chứng cứ theo cách thức không bắt buộc trong lãnh thổ của một Quốc gia ký kết để hỗ trợ thủ tục tố tụng đã bắt đầu ở tòa án Quốc gia ký kết khác nếu:

a) Cơ quan có thẩm quyền được chỉ định bởi Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập đã cho phép trong mọi trường hợp hoặc theo từng trường hợp cụ thể; và

b) Người đó phải tuân thủ các điều kiện mà cơ quan có thẩm quyền đã nêu rõ trong việc cho phép.

(2) Quốc gia ký kết có thể tuyên bố rằng chứng cứ có thể được thu thập theo quy định của Điều này mà không cần sự cho phép trước.

Điều 18

(1) Quốc gia ký kết có thể tuyên bố rằng, viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự hoặc người được ủy quyền mà được giao thẩm quyền thu thập chứng cứ theo Điều 15, Điều 16 hoặc Điều 17 Công ước này, có thể nộp đơn tới cơ quan có thẩm quyền được chỉ định bởi Quốc gia tuyên bố để yêu cầu hỗ trợ cho việc thu thập chứng cứ bằng biện pháp bắt buộc. Tuyên bố có thể bao gồm các điều kiện mà Quốc gia tuyên bố cho rằng phù hợp để áp dụng.

(2) Nếu cơ quan có thẩm quyền chấp thuận đơn thì cơ quan này sẽ áp dụng các biện pháp bắt buộc phù hợp và được quy định theo pháp luật của nước mình để áp dụng trong thủ tục tố tụng trong nước.

Điều 19

Cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các Điều 15, Điều 16 hoặc Điều 17, hoặc trong khi chấp thuận đơn theo quy định tại Điều 18 Công ước này, *ngoài những điều kiện* như thời gian và địa điểm thu thập chứng cứ, có thể đặt ra các điều kiện khác cho là phù hợp. Tương tự như vậy, cơ quan này có thể yêu cầu phải được thông báo trước một cách hợp lý về thời gian, ngày tháng và địa điểm thu thập chứng cứ; trong trường hợp này một đại diện của cơ quan đó có quyền có mặt khi thu thập chứng cứ.

Điều 20

Khi thu thập chứng cứ theo bất kỳ Điều nào của Chương này, những người có liên quan có thể có đại diện hợp pháp của mình.

Điều 21

Trong trường hợp viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự hoặc người được ủy quyền được trao thẩm quyền theo Điều 15, Điều 16 hoặc Điều 17 Công ước này, để thực hiện thu thập chứng cứ:

- a) Người đó có thể thu thập tất cả các loại chứng cứ mà không trái với pháp luật của Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập hoặc không trái với bất kỳ sự cho phép được đưa ra theo quy định của các Điều nêu trên của Công ước này, và trong phạm vi pháp luật và sự cho phép nêu trên, sẽ có thẩm quyền để giám sát lời tuyên thệ hoặc thực hiện việc xác nhận chứng cứ.
- b) Yêu cầu một người có mặt hoặc cung cấp chứng cứ phải được lập bằng ngôn ngữ của nơi thực hiện thu thập chứng cứ hoặc kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ đó, trừ khi người được yêu cầu cung cấp chứng cứ là công dân của Quốc gia nơi vụ việc đang chờ giải quyết;
- c) Yêu cầu trên phải thông báo rằng người được yêu cầu cung cấp chứng cứ có thể được đại diện hợp pháp và tại bất kỳ Quốc gia chưa đưa ra tuyên bố theo Điều 18 và phải thông báo rằng người này không bị buộc phải có mặt hoặc cung cấp chứng cứ;
- d) Các chứng cứ có thể được thu thập theo phương thức được quy định bởi pháp luật áp dụng tại các tòa án nơi giải quyết vụ việc có yêu cầu thu thập chứng cứ với điều kiện phương thức đó không bị cấm bởi pháp luật của Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập;
- e) Một người được yêu cầu cung cấp chứng cứ có thể viện dẫn quyền không cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ được nêu ở Điều 11 Công ước này.

Điều 22

Việc không thu thập được chứng cứ theo thủ tục quy định tại Chương này do sự từ chối của người được yêu cầu cung cấp chứng cứ không ngăn cản việc sau đó

nộp Văn bản yêu cầu thu thập chứng cứ theo quy định tại Chương I Công ước này.

CHƯƠNG III – ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 23

Tại thời điểm ký, phê chuẩn hoặc gia nhập, Quốc gia ký kết có thể tuyên bố rằng, nước đó sẽ không thực hiện Văn bản yêu cầu thu thập chứng cứ là tài liệu liên quan trước khi diễn ra phiên tòa như được biết đến ở các nước theo hệ thống thông luật.

Điều 24

(1) Một Quốc gia ký kết có thể chỉ định các cơ quan khác ngoài Cơ quan Trung ương để tiếp nhận Văn bản yêu cầu và xác định phạm vi thẩm quyền của các cơ quan này. Tuy nhiên, Văn bản yêu cầu có thể được gửi đến Cơ quan Trung ương trong mọi trường hợp.

(2) Quốc gia liên bang được quyền chỉ định nhiều Cơ quan Trung ương để tiếp nhận Văn bản yêu cầu.

Điều 25

Quốc gia ký kết có nhiều hệ thống pháp luật có thể chỉ định cơ quan của một trong số các hệ thống đó có thẩm quyền riêng biệt để thực hiện Văn bản yêu cầu theo Công ước này.

Điều 26

(1) Quốc gia ký kết, theo quy định của Hiến pháp nước mình, có thể đề nghị Quốc gia yêu cầu hoàn trả phí và chi phí liên quan đến việc thực hiện Văn bản yêu cầu, để tiến hành các thủ tục cần thiết buộc một người có mặt cung cấp chứng cứ, chi phí cho sự có mặt của người đó, và chi phí của việc ghi lại chứng cứ.

(2) Trong trường hợp một Quốc gia đã đưa ra yêu cầu theo đoạn trên, Quốc gia ký kết khác có thể yêu cầu nước này hoàn trả các phí và các chi phí với số tiền tương tự.

Điều 27

Các quy định của Công ước này không ngăn cản một Quốc gia ký kết:

- a) Tuyên bố rằng Văn bản yêu cầu có thể được chuyển cho các cơ quan tư pháp của mình thông qua các kênh khác ngoài những kênh được quy định tại Điều 2 Công ước này;
- b) Theo quy định pháp luật hoặc thực tế trong nước của nước mình, cho phép bất kỳ hành động nào được quy định trong Công ước này được thực hiện theo điều kiện ít khắt khe hơn;
- c) Theo quy định của pháp luật hoặc thực tế trong nước của nước mình, cho phép các cách thức thu thập chứng cứ khác ngoài những cách thức được quy định tại Công ước này.

Điều 28

Công ước này không ngăn cản hai hoặc nhiều Quốc gia thỏa thuận với nhau để không áp dụng:

- a) Quy định tại Điều 2 Công ước này liên quan tới các cách thức chuyển giao Văn bản yêu cầu;
- b) Quy định tại Điều 4 Công ước này liên quan tới các ngôn ngữ có thể được sử dụng;
- c) Quy định tại Điều 8 Công ước này liên quan tới sự có mặt của cán bộ tư pháp khi thực hiện các Văn bản yêu cầu;
- d) Quy định tại Điều 11 Công ước này liên quan tới quyền và nghĩa vụ của người làm chứng từ chối cung cấp chứng cứ;
- e) Quy định tại Điều 13 Công ước này liên quan tới các cách thức gửi trả kết quả thực hiện Văn bản yêu cầu cho cơ quan yêu cầu;
- f) Quy định tại Điều 14 Công ước này liên quan tới phí và chi phí;
- g) Quy định tại Chương II Công ước này.

Điều 29

Đối với các Bên tham gia Công ước này và đồng thời cũng tham gia một hoặc cả hai Công ước về tố tụng dân sự được ký tại La-Hay ngày 17 tháng 7 năm 1905 và ngày 01 tháng 03 năm 1954, Công ước này sẽ áp dụng thay thế các Điều từ Điều 8 tới Điều 16 của các Công ước nêu trên.

Điều 30

Công ước này không ảnh hưởng đến việc áp dụng Điều 23 của Công ước năm 1905, hoặc Điều 24 của Công ước năm 1954.

Điều 31

Thỏa thuận bổ sung giữa các Bên tham gia Công ước năm 1905 và 1954 có giá trị áp dụng ngang bằng với Công ước này, trừ khi các Bên có thoả thuận khác.

Điều 32

Không ảnh hưởng đến các quy định của Điều 29 và Điều 31, Công ước này không loại trừ các Công ước có quy định về những vấn đề được điều chỉnh bởi Công ước này mà các Quốc gia ký kết Công ước này hiện đang là thành viên hoặc sẽ là thành viên.

Điều 33

(1) Một nước có thể, tại thời điểm ký, phê chuẩn hoặc gia nhập có thể loại trừ toàn bộ hoặc một phần việc áp dụng các quy định tại khoản 2 Điều 4 và Chương II Công ước này. Không cho phép bảo lưu nào khác.

(2) Mỗi Quốc gia ký kết có thể rút bảo lưu đã đưa ra vào bất kỳ thời điểm nào; các bảo lưu sẽ chấm dứt hiệu lực vào ngày thứ sáu mươi sau ngày thông báo về việc rút bảo lưu.

(3) Khi một Quốc gia đưa ra bảo lưu, Quốc gia ký kết khác, nếu bị ảnh hưởng bởi bảo lưu đó, có thể áp dụng biện pháp tương tự đối với Quốc gia đã đưa ra bảo lưu.

Điều 34

Quốc gia ký kết có thể rút hoặc thay đổi tuyên bố của mình tại bất kỳ thời điểm nào.

Điều 35

(1) Quốc gia ký kết, tại thời điểm nộp lưu chiểu văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập hoặc sau đó, phải thông báo cho Bộ Ngoại giao Hà Lan việc chỉ định các cơ quan theo quy định tại các Điều 2, 8, 24 và 25 Công ước này.

(2) Quốc gia ký kết phải thông báo cho Bộ Ngoại giao Hà Lan, khi thích hợp, những vấn đề sau đây:

a) Việc chỉ định các cơ quan nhận thông báo, cơ quan có thẩm quyền cho phép và cơ quan cung cấp hỗ trợ trong thu thập chứng cứ được thực hiện bởi viên chức ngoại giao và viên chức lãnh sự theo quy định tương ứng tại Điều 15, Điều 16 và Điều 18 Công ước này;

b) Việc chỉ định các cơ quan có thẩm quyền cho phép thu thập chứng cứ được thực hiện bởi người được ủy quyền theo quy định tại Điều 17 và của những cơ quan cung cấp hỗ trợ quy định tại Điều 18 Công ước này;

c) Các tuyên bố theo quy định tại các Điều 4, 8, 11, 15, 16, 17, 18, 23 và Điều 27 Công ước này;

- d) Việc rút hoặc thay đổi các cơ quan được chỉ định và các tuyên bố nói trên;
- e) Việc rút bất kỳ bảo lưu nào.

Điều 36

Bất kỳ vướng mắc nào có thể phát sinh giữa các Quốc gia ký kết liên quan đến việc thực hiện Công ước này sẽ được giải quyết thông qua con đường ngoại giao.

Điều 37

Công ước này đề nghị cho các Quốc gia tham dự Phiên họp thứ XI của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế ký.

Công ước phải được phê chuẩn, các văn kiện phê chuẩn được nộp lưu chiểu cho Bộ Ngoại giao của Hà Lan.

Điều 38

(1) Công ước này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ sáu mươi sau ngày nộp lưu chiểu văn kiện phê chuẩn thứ ba quy định tại đoạn thứ hai của Điều 37 Công ước này.

(2) Công ước này sẽ có hiệu lực đối với, Quốc gia đã ký và phê chuẩn sau đó vào ngày thứ sáu mươi sau ngày Quốc gia đó nộp lưu chiểu văn kiện phê chuẩn.

Điều 39

(1) Bất kỳ Quốc gia nào không tham gia Phiên họp thứ XI của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế mà là thành viên của Hội nghị này hoặc của Liên Hợp quốc hoặc của một cơ quan chuyên môn của Liên Hợp quốc, hoặc là một Bên tham gia Điều lệ của Tòa án Công lý quốc tế đều có thể tham gia Công ước này sau khi nó có hiệu lực theo quy định của đoạn thứ nhất Điều 38 Công ước này.

(2) Các văn kiện được nộp lưu chiểu cho Bộ Ngoại giao của Hà Lan.

(3) Công ước này sẽ có hiệu lực đối với Quốc gia gia nhập vào ngày thứ sáu mươi sau ngày nộp văn kiện gia nhập.

(4) Việc gia nhập sẽ chỉ có hiệu lực trong mối quan hệ giữa Quốc gia gia nhập và Quốc gia ký kết đã tuyên bố chấp nhận sự gia nhập của Quốc gia gia nhập. Tuyên bố này được nộp lưu chiểu tại Bộ Ngoại giao Hà Lan; Bộ này sẽ chuyển tiếp một bản sao chứng nhận cho mỗi Quốc gia ký kết thông qua con đường ngoại giao.

(5) Công ước này sẽ có hiệu lực giữa Quốc gia gia nhập và Quốc gia tuyên bố chấp nhận việc gia nhập của Quốc gia gia nhập vào ngày thứ sáu mươi sau ngày nộp lưu chiểu văn kiện chấp nhận.

Điều 40

- (1) Bất kỳ Quốc gia nào, tại thời điểm ký, phê chuẩn hoặc gia nhập, đều có thể tuyên bố rằng Công ước này được áp dụng mở rộng với một hoặc một vài hoặc tất cả vùng lãnh thổ mà quốc gia đó chịu trách nhiệm trong các mối quan hệ quốc tế. Tuyên bố sẽ có hiệu lực vào ngày Công ước có hiệu lực đối với Quốc gia có liên quan.
- (2) Vào bất kỳ thời điểm nào sau đó, việc áp dụng mở rộng phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Hà Lan.
- (3) Công ước này sẽ có hiệu lực đối với các vùng lãnh thổ được đề cập trong tuyên bố áp dụng mở rộng vào ngày thứ sáu mươi sau ngày thông báo quy định tại đoạn trên.

Điều 41

- (1) Công ước này có hiệu lực trong thời hạn năm năm, kể từ ngày Công ước có hiệu lực theo quy định của đoạn đầu tiên của Điều 38, cả đối với những Quốc gia đã phê chuẩn Công ước cũng như đối với Quốc gia gia nhập sau đó.
- (2) Nếu không có tuyên bố rút khỏi Công ước, Công ước sẽ được mặc nhiên gia hạn mỗi lần là năm năm.
- (3) Tuyên bố rút khỏi Công ước phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Hà Lan ít nhất sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn năm năm.
- (4) Nó có thể được giới hạn đối với các vùng lãnh thổ nhất định mà Công ước áp dụng.
- (5) Tuyên bố rút khỏi Công ước sẽ chỉ có hiệu lực đối với Quốc gia đã ra thông báo bãi ước. Công ước sẽ duy trì hiệu lực với các nước thành viên khác.

Điều 42

Bộ Ngoại giao Hà Lan phải thông báo cho các nước nêu tại Điều 37, và các nước đã tham gia theo quy định của Điều 39 của Công ước này, những điều sau đây:

- a) Việc ký và phê chuẩn quy định tại Điều 37 Công ước này;
- b) Ngày Công ước này có hiệu lực theo quy định của đoạn đầu tiên của Điều 38 Công ước này;
- c) Việc gia nhập quy định tại Điều 39 Công ước này và ngày mà việc gia nhập có hiệu lực;
- d) Việc áp dụng mở rộng quy định tại Điều 40 Công ước này và ngày mà tuyên bố áp dụng mở rộng có hiệu lực;
- e) Việc chỉ định, bảo lưu và tuyên bố nêu tại Điều 33 và Điều 35 Công ước này;

f) Tuyên bố bãi ước đề cập tại đoạn thứ ba của Điều 41 Công ước này.

Để làm bằng, các bên dưới đây, được sự uỷ quyền hợp lệ của Quốc gia mình đã ký Công ước này.

Làm tại La Hay, ngày 18 tháng 3 năm 1970 bằng tiếng Anh và tiếng Pháp, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau, một bản sao phải được lưu chiếu tại cơ quan lưu chiếu của Chính phủ Hà Lan và một bản sao được chứng thực phải được gửi qua đường ngoại giao tới các Quốc gia tham dự Phiên họp thứ XI của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế.

PHỤ LỤC IV. HƯỚNG DẪN TRA CỨU THÔNG TIN

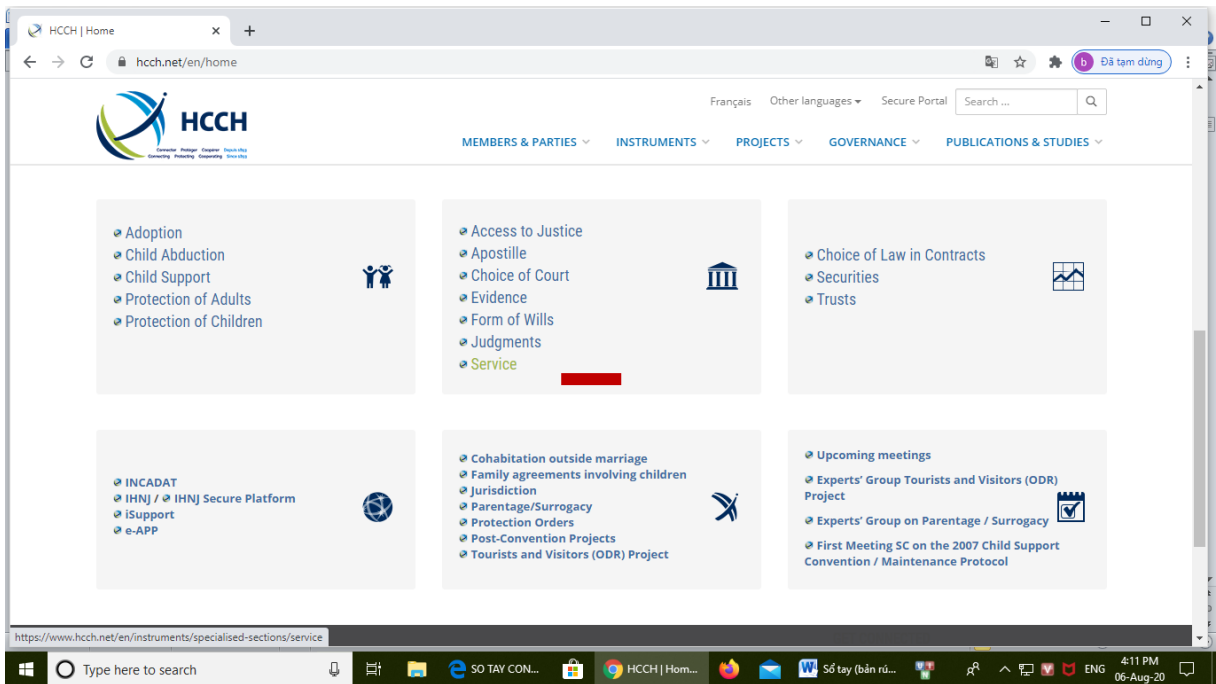
1. Thông tin về các quốc gia thành viên Công ước tổng đạt

Truy cập <https://www.hcch.net/en/home>

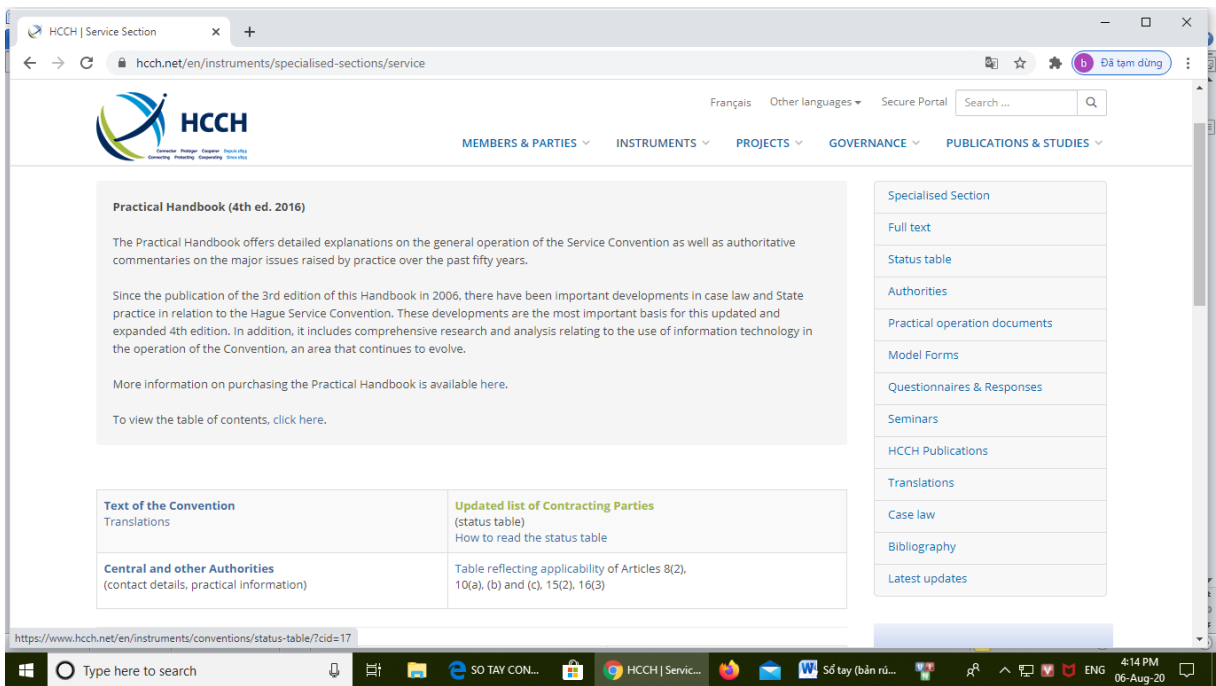
Chọn English



Chọn mục Service



Chọn mục Updated list of Contracting Parties



Hoặc truy cập trực tiếp

<https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/?cid=17>

STATUS TABLE

14: Convention of 15 November 1965 on the Service Abroad of Judicial and Extrajudicial Documents in Civil or Commercial Matters

Entry into force: 10-II-1969

Last update: 27-VII-2020
Number of Contracting Parties to this Convention: 78
The expression "Contracting Party" covers both cases in which the Convention has, and cases in which the Convention has not yet, entered into force for that Party following the deposit of its instrument of ratification, accession, acceptance or approval (see column EIF in the chart).

Contracting Parties to this Convention that are also Members of the HCCH (i.e., the Organisation) are in **bold**; Contracting Parties that are not Members of the HCCH are in *italics*.

Contracting Party	S ¹	R/A/S ²	Type ³	EIF ⁴	EXT ⁵	Auth ⁶	Res/D/N/DC ³
Albania		1-XI-2006	A	1-VII-2007		3	
Andorra		26-IV-2017	A	1-XII-2017		4	D

View and/or print full status report

Specialised Section
Full text
Status table
Authorities
Practical operation documents
Model Forms
Questionnaires & Responses
Seminars
HCCH Publications
Translations
Case law
Bibliography

Cách tra cứu thông tin về cơ quan trung ương và chi phí thực tế của nước ngoài
Trong mục Service trên trang của HCCH, chọn mục **Authorities**

Practical Handbook (4th ed. 2016)

The Practical Handbook offers detailed explanations on the general operation of the Service Convention as well as authoritative commentaries on the major issues raised by practice over the past fifty years.

Since the publication of the 3rd edition of this Handbook in 2006, there have been important developments in case law and State practice in relation to the Hague Service Convention. These developments are the most important basis for this updated and expanded 4th edition. In addition, it includes comprehensive research and analysis relating to the use of information technology in the operation of the Convention, an area that continues to evolve.

More information on purchasing the Practical Handbook is available here.

To view the table of contents, click here.

Text of the Convention
Translations

Updated list of Contracting Parties
(status table)
How to read the status table

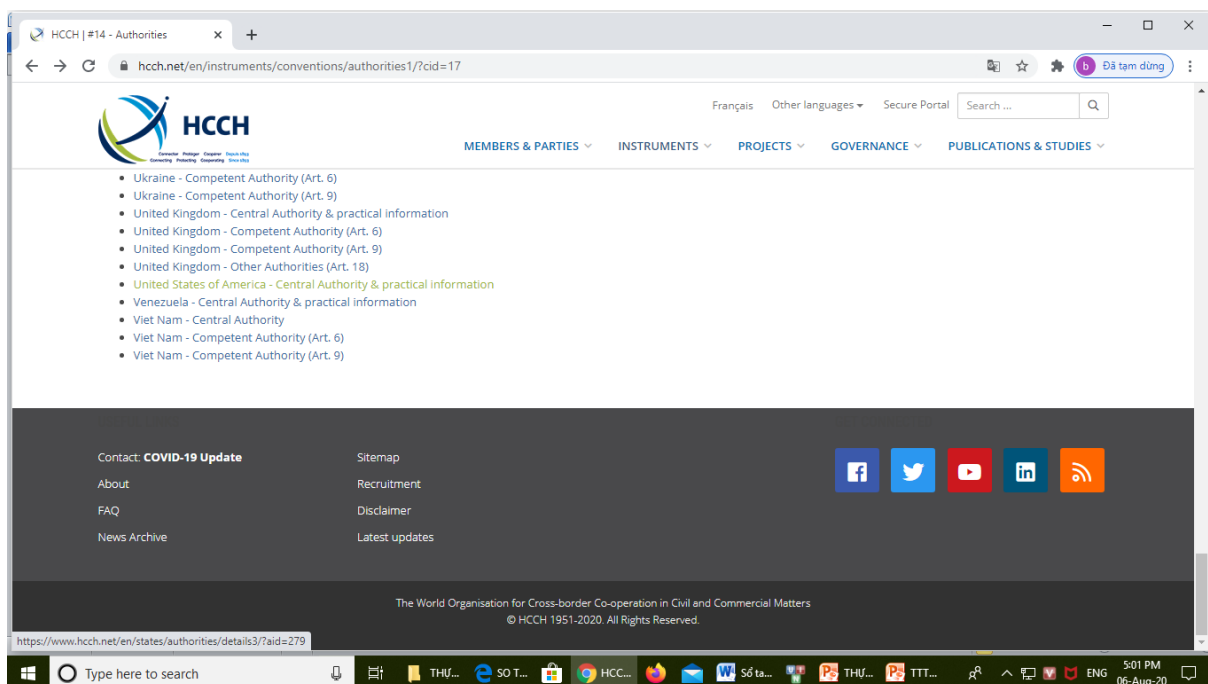
Central and other Authorities
(contact details, practical information)

Table reflecting applicability of Articles 8(2), 10(a), (b) and (c), 15(2), 16(3)

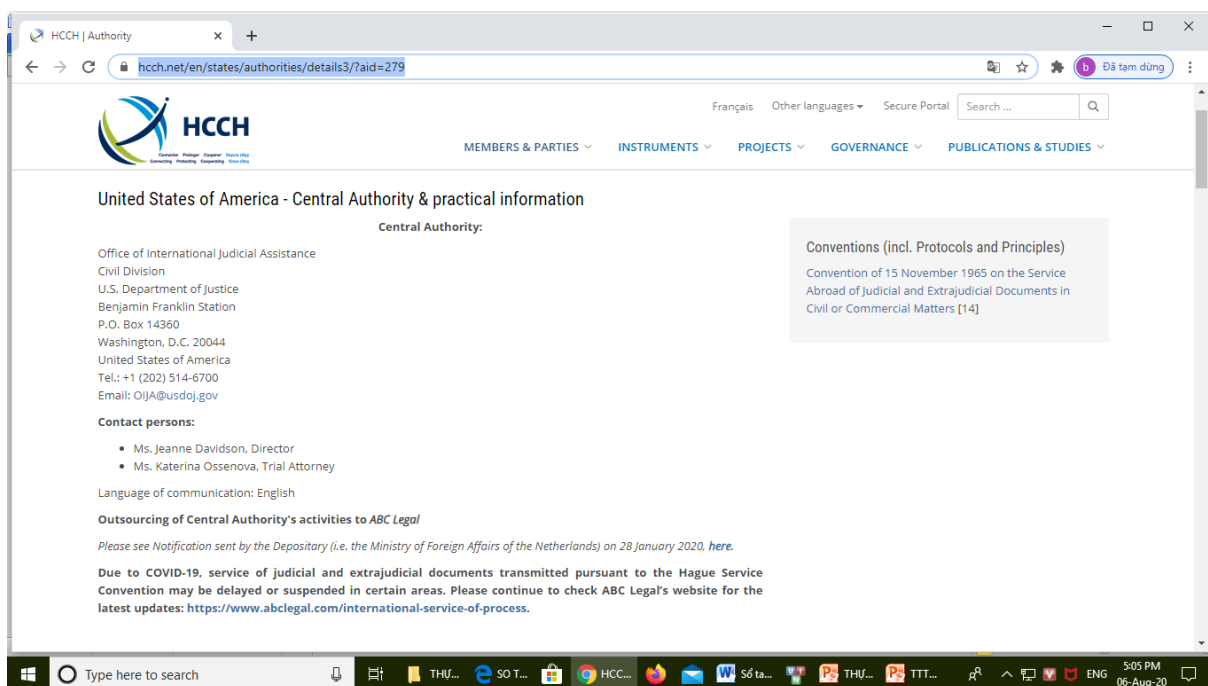
Specialised Section
Full text
Status table
Authorities
Practical operation documents
Model Forms
Questionnaires & Responses
Seminars
HCCH Publications
Translations
Case law
Bibliography
Latest updates

Chọn tên quốc gia cần tra cứu thông tin

Ví dụ Hoa Kỳ



Xem tên của cơ quan trung ương tại Mục **Central Authority** và cách thức thanh toán tại Mục **Cost**



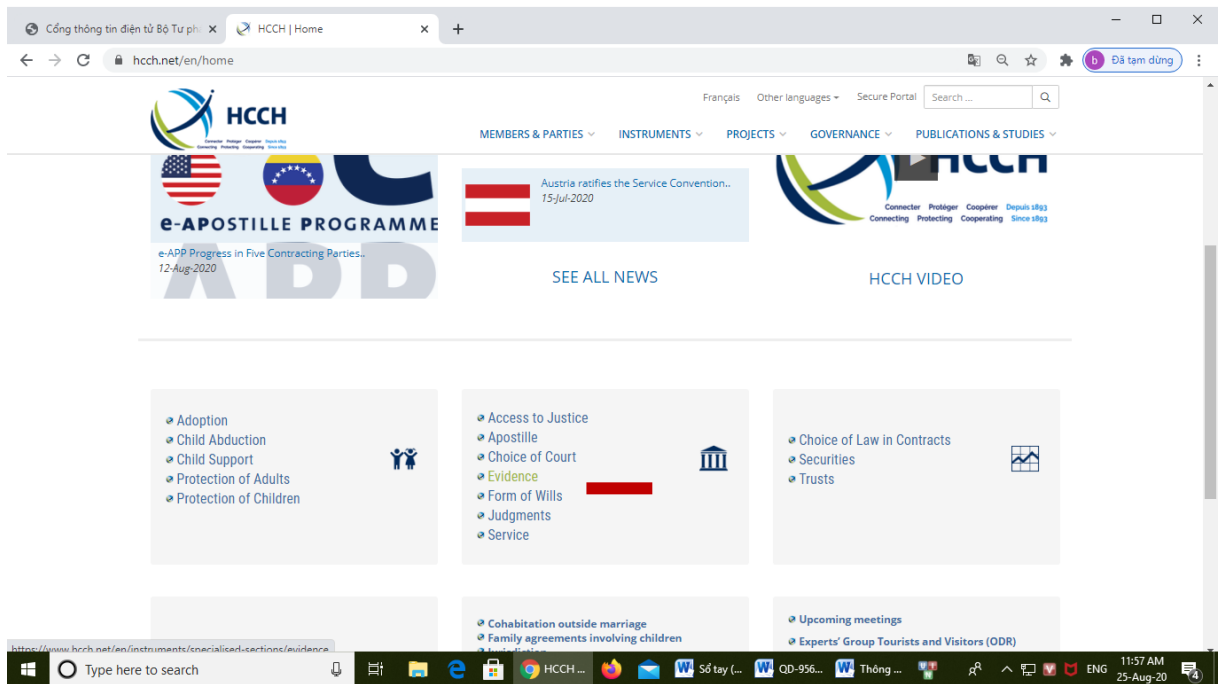
Nếu mục Cost để trống hoặc thông báo là chỉ thu trong trường hợp đặc biệt thì không cần thu tạm ứng chi phí thực tế.

Nếu mục Cost thông báo thu trước thì người có nghĩa vụ nộp số tiền theo phương thức thông báo và gửi lại tài liệu chứng minh đã nộp tiền (có đầy đủ thông tin bằng tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài để cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài kiểm tra lại)

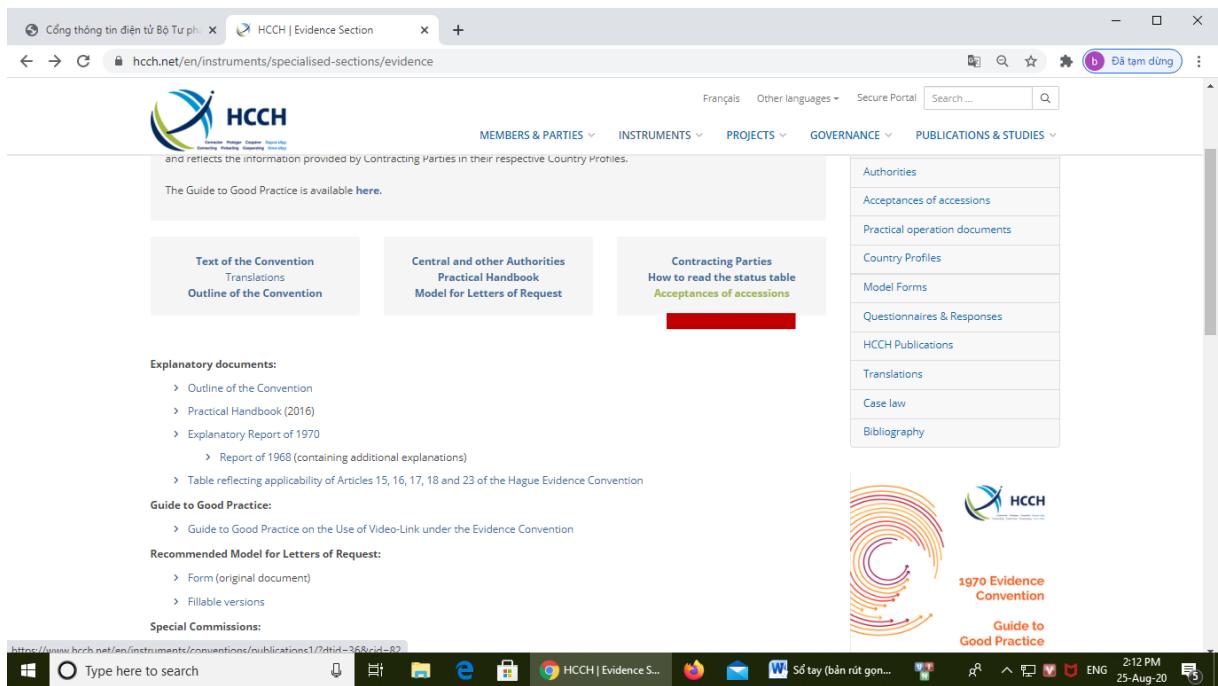
Nếu mục Cost thông báo thu sau thì người có nghĩa vụ nộp tạm ứng chi phí thực tế.

2. Tra cứu thông tin về các quốc gia thành viên Công ước thu thập chứng cứ

Thay vì chọn mục **Service**, chọn mục **Evidence**



Chọn mục **Acceptances of accessions**



Cách 1: Chọn mục Spreadsheet showing acceptances of accessions to the Evidence Convention

Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp | Thư điện tử: Soan thảo | HCCH | Evidence Section

hchc.net/en/instruments/conventions/specialised-sections/evidence

Franglais Other languages Secure Portal Search ...

MEMBERS & PARTIES INSTRUMENTS PROJECTS GOVERNANCE PUBLICATIONS & STUDIES

EVIDENCE SECTION

Home / Instruments / Conventions, Protocols and Principles / Specialised Sections

The *Convention of 18 March 1970 on the Taking of Evidence Abroad in Civil or Commercial Matters* (HCCH 1970 Evidence Convention) establishes two methods of co-operation between States Parties for the taking of evidence abroad in civil or commercial matters. The Convention provides effective means for the taking of evidence in cross-border circumstances, via (i) Letters of Request, and (ii) diplomatic or consular agents and Commissioners. By enabling a variety of mechanisms for the taking of evidence abroad, the Convention also provides an effective solution to overcoming differences between civil and common law systems in the taking of evidence.

This specialised section contains a range of information on the Convention, including its full text, current status, and other practical information per Contracting Party, amongst others.

Text of the Convention
Translations
Outline of the Convention

Central and other Authorities
Practical Handbook
Model for Letters of Request

Contracting Parties
How to read the status table
Acceptances of accessions

Specialised Section

- Full text
- Status table
- Authorities
- Acceptances of accessions
- Country Profiles
- Practical operation documents
- Model Forms
- Questionnaires & Responses
- HCCH Publications
- Translations
- Case law
- Bibliography

Explanatory documents:

- Outline of the Convention
- Practical Handbook (2016)
- Explanatory Report of 1970
 - Report of 1968 (containing additional explanations)
- Table reflecting applicability of Articles 15, 16, 17, 18 and 23 of the Hague Evidence Convention

https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/?cid=82

Type here to search | Sổ tay | HCCH | Evi... | Sổ tay (bản ... | 9:17 AM 17-Dec-20

Chọn chữ A trong dòng Viet Nam ở cột thứ tư

Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp | Thư điện tử: Soan thảo | HCCH | #20 - Status table

hchc.net/en/instruments/conventions/status-table/?cid=82

Franglais Other languages Secure Portal Search ...

MEMBERS & PARTIES INSTRUMENTS PROJECTS GOVERNANCE PUBLICATIONS & STUDIES

Seychelles		7-I-2004	A*	7-III-2004		2	D
Singapore		27-X-1978	A*	26-XII-1978		1	D,Res
Slovakia		15-III-1993	Su	1-I-1993		2	D
Slovenia		18-IX-2000	A*	17-XI-2000		1	
South Africa		8-VII-1997	A*	6-IX-1997		3	D,Res
Spain	21-X-1976	22-V-1987	R	21-VII-1987		2	D,Res
Sri Lanka		31-VIII-2000	A*	30-X-2000		1	D,Res
Sweden	21-IV-1975	2-V-1975	R	1-VII-1975		1	D
Switzerland	21-V-1985	2-XI-1994	R	1-I-1995		3	D,Res
Turkey	13-XII-2000	13-VIII-2004	R	12-X-2004		2	D,Res
Ukraine		1-II-2001	A*	1-IV-2001		2	D,Res
United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland	18-III-1970	16-VII-1976	R	14-IX-1976	8	3	D,N,Res
United States of America	27-VII-1970	8-VIII-1972	R	7-X-1972	3	3	D
Venezuela		1-XI-1993	A*	31-XII-1993		1	D,Res
Viet Nam		4-III-2020	A*	3-V-2020		1	D

1) S = Signature
2) B/A/S = Ratification, Accession or Succession

https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/acceptances/?mid=1436

Type here to search | Sổ tay | HCCH | #20... | Sổ tay (bản ... | 9:18 AM 17-Dec-20

Thông tin về các quốc gia chấp nhận Việt Nam kể cả ngày tháng có hiệu lực của quan hệ điều ước

Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp | Thư điện tử: Soan thảo | HCCH | Acceptances of accession | hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/acceptances/?mid=1436

Franglais Other languages Secure Portal Search ...

MEMBERS & PARTIES INSTRUMENTS PROJECTS GOVERNANCE PUBLICATIONS & STUDIES

ACCEPTANCES OF ACCESSIONS Home / Instruments / Conventions, Protocols and Principles / Status table

Viet Nam
Convention of 18 March 1970 on the Taking of Evidence Abroad in Civil or Commercial Matters

Accession accepted by / Entry into force between Viet Nam and	Date of acceptance	Entry into force
Andorra	16-VI-2020	15-VIII-2020
Argentina	10-III-2020	9-V-2020
Brazil	17-IX-2020	16-XI-2020
China, People's Republic of	30-IV-2020	29-VI-2020
Czech Republic	19-X-2020	18-XII-2020
Luxembourg	20-XI-2020	19-I-2021
Portugal	10-IX-2020	9-XI-2020
Slovakia	17-IV-2020	16-VI-2020
Sweden	20-X-2020	19-XII-2020
Ukraine	10-IV-2020	9-VI-2020

China, People's Republic of
(including Hong Kong Special Administrative Region and Macao Special Administrative Region)

Type here to search | Sổ tay | HCCH | Acc... | 9:19 AM 17-Dec-20

Thông tin về cơ quan trung ương và yêu cầu về hồ sơ chọn mục Authorities

Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp | HCCH | Evidence Section | hcch.net/en/instruments/specialised-sections/evidence

Franglais Other languages Secure Portal Search ...

MEMBERS & PARTIES INSTRUMENTS PROJECTS GOVERNANCE PUBLICATIONS & STUDIES

EVIDENCE SECTION Home / Instruments / Conventions, Protocols and Principles / Specialised Sections

Guide to Good Practice on the Use of Video-Link under the Evidence Convention

The Guide analyses the latest developments in relation to the use of video-link in the taking of evidence under the Evidence Convention, including references to internal law and other international agreements. It also outlines good practices to be followed and reflects the information provided by Contracting Parties in their respective Country Profiles.

The Guide to Good Practice is available [here](#).

Text of the Convention
Translations
Outline of the Convention

Central and other Authorities
Practical Handbook
Model for Letters of Request

Contracting Parties
How to read the status table
Acceptances of accessions

Explanatory documents:

- > Outline of the Convention
- > Practical Handbook (2016)
- > Explanatory Report of 1970
- > Report of 1968 (containing additional explanations)

Specialised Section
Full text
Status table
Authorities
Acceptances of accessions
Practical operation documents
Country Profiles
Model Forms
Questionnaires & Responses
HCCH Publications
Translations
Case law
Bibliography

Type here to search | Sổ tay (bản rút gọn...) | HCCH | Evidence S... | 2:17 PM 25-Aug-20

Ví dụ Chọn Argentina để biết thông tin cụ thể về nước này

3. Tra cứu thông tin về ngôn ngữ

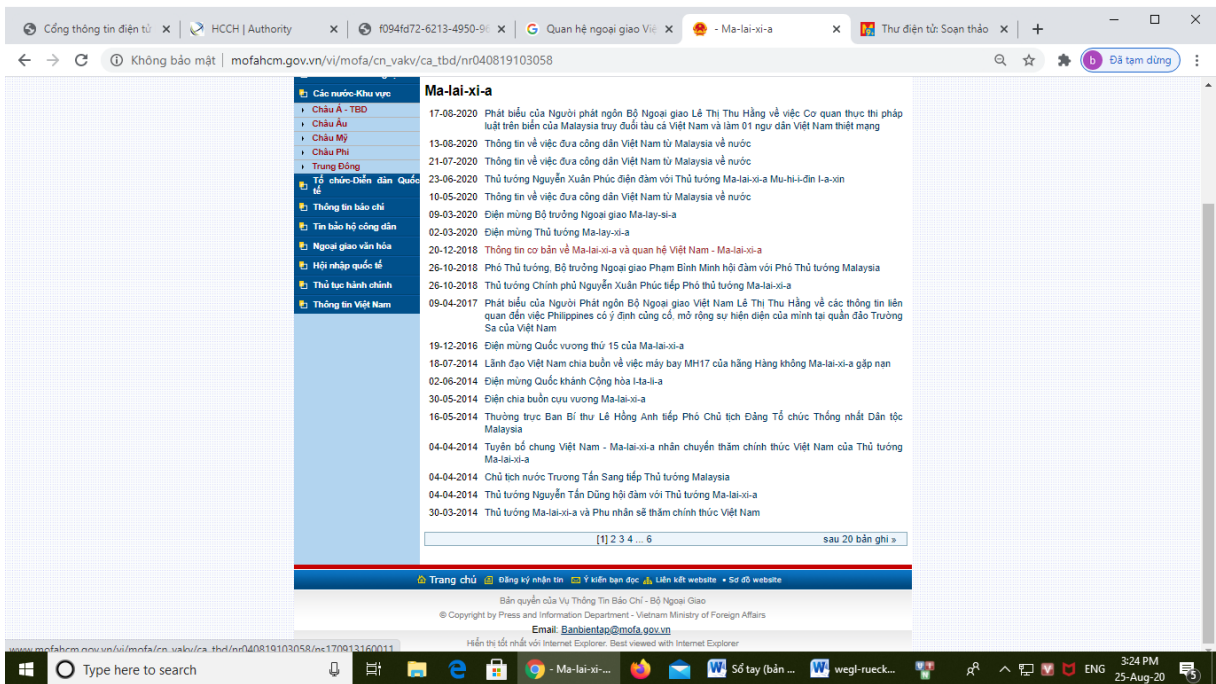
Đối với các nước không phải là thành viên của Công ước tổng đạt hay Công ước thu thập chứng cứ, việc tra cứu thông tin về ngôn ngữ có thể thực hiện theo cách sau

Truy cập trang thông tin http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/cn_vakv/

Danh sách các nước có quan hệ ngoại giao với nước CHXHCN Việt Nam (tính đến tháng 2/2013) (Tên nước/Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao)		
STATES OF ESTABLISHMENT OF DIPLOMATIC RELATIONS WITH THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM		
I- CHÂU Á		
01. Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa People's Republic of China	18.01.1950	
02. Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên Democratic People's Republic of Korea	31.01.1950	
03. Mông Cổ Mongolia	17.11.1954	

Chọn quốc gia theo khu vực (châu Á-TBD, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, Trung Đông)

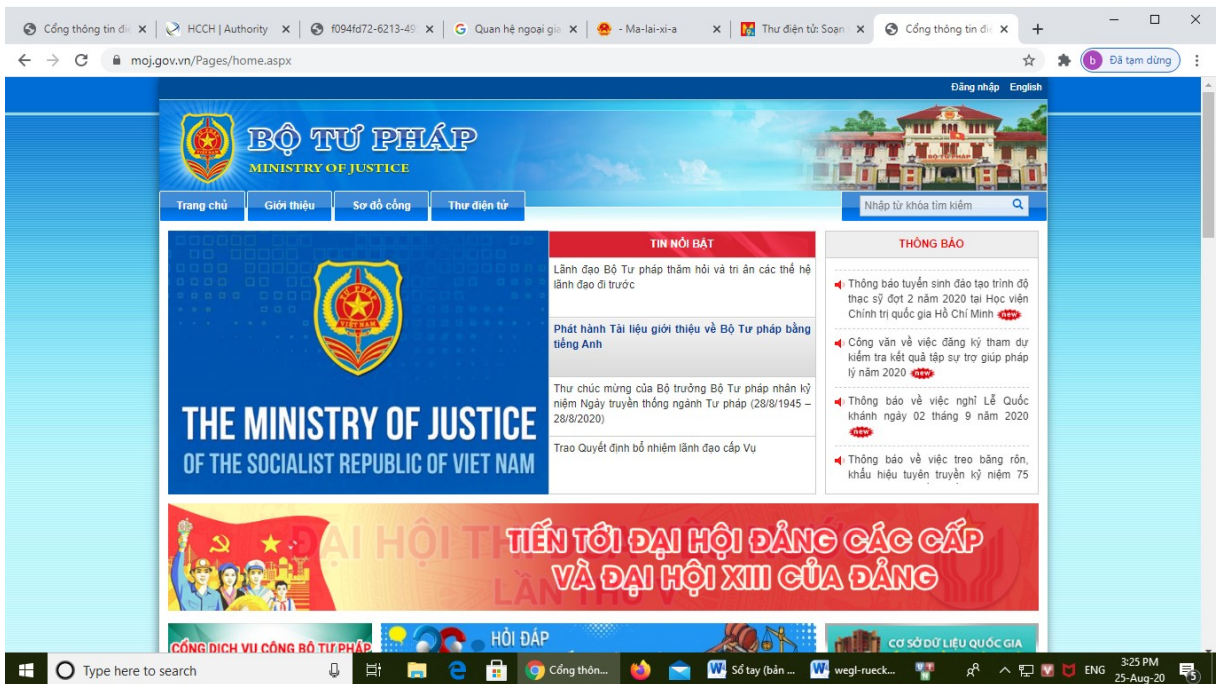
Trong thông tin về các quốc gia này có phần ngôn ngữ chính thức của các quốc gia đó



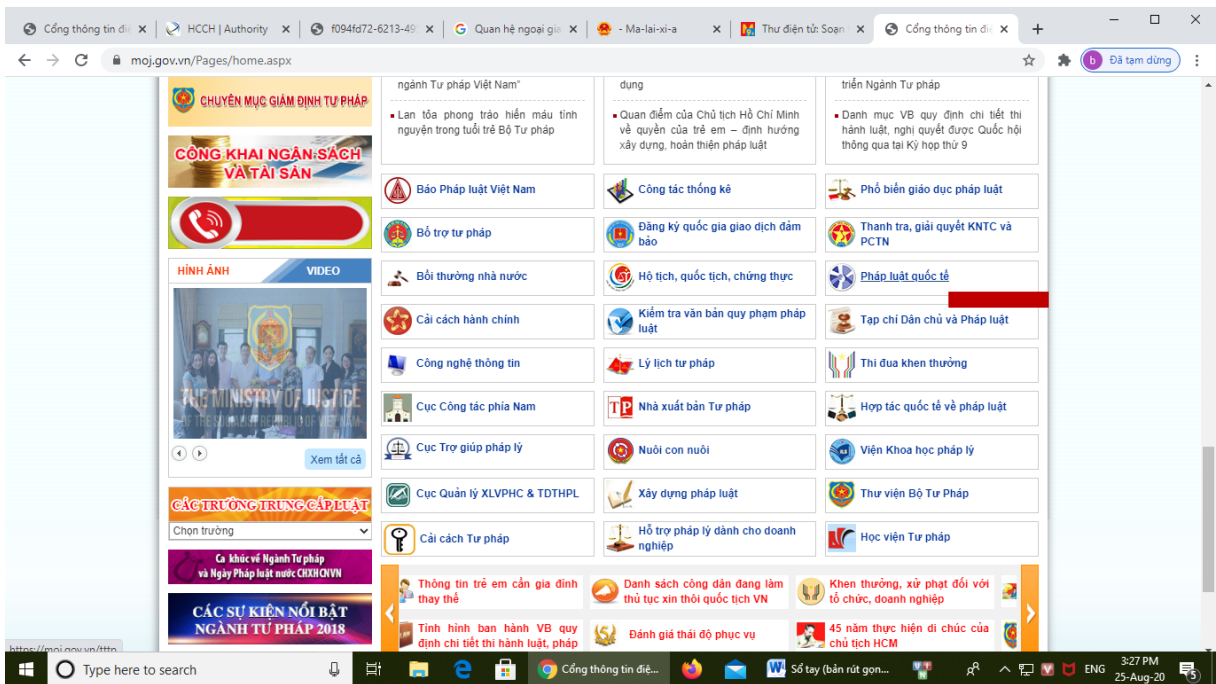
Chọn mục thông tin cơ bản về quan hệ Việt Nam và nước ngoài đó (ví dụ Ma-lai-xi-a)

4. Tra cứu thông tin về các hướng dẫn, cập nhật của Bộ Tư pháp

Truy cập trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp moj.gov.vn



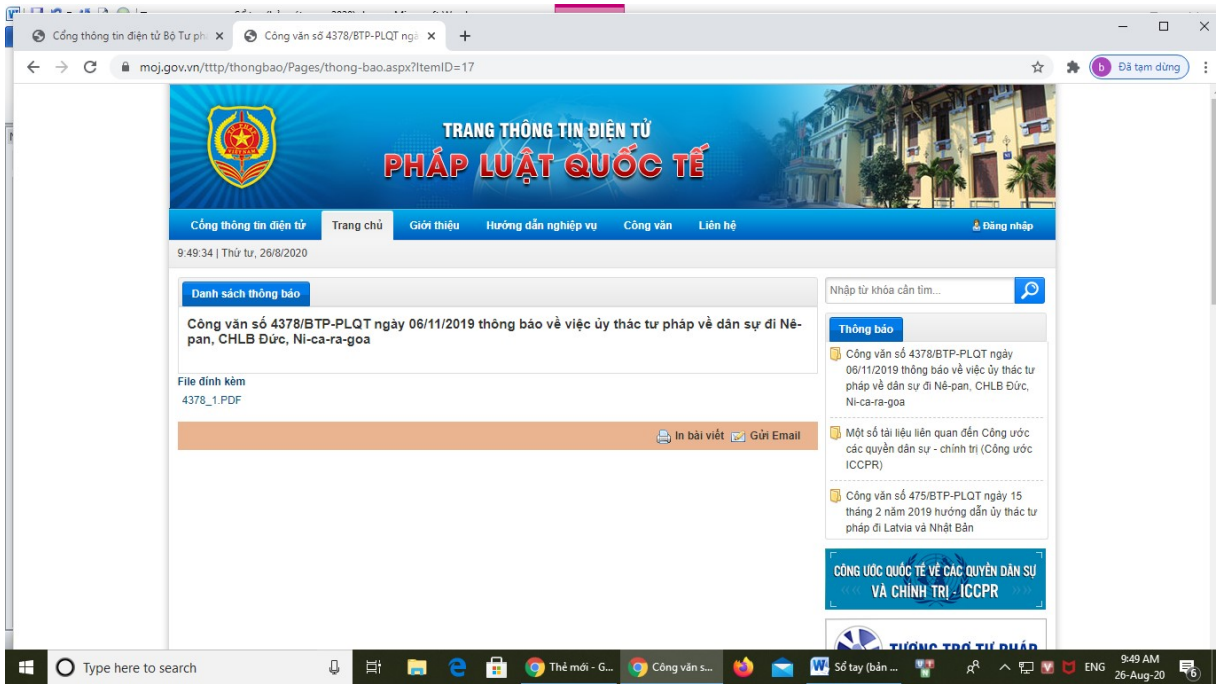
Chọn mục **Pháp luật quốc tế**



Chọn mục **Thông báo** ở góc phải màn hình



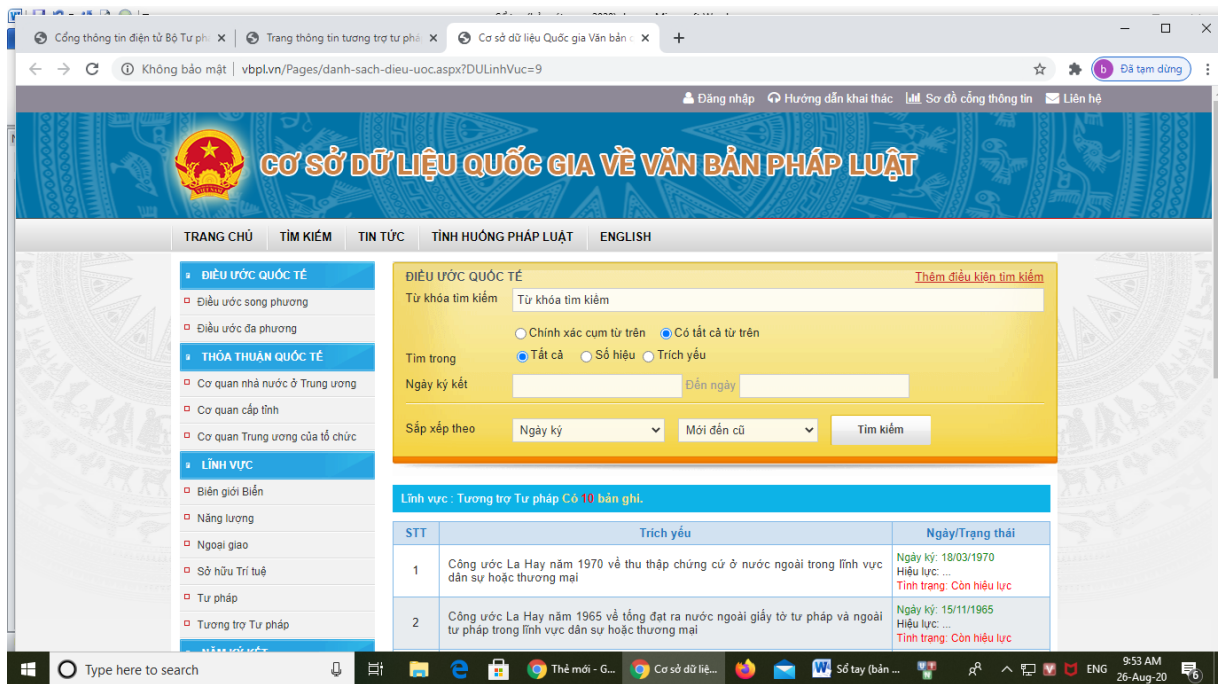
Chọn mục **Công văn hướng dẫn về UTTP**



5. Tra cứu thông tin về các điều ước quốc tế trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về dân sự
 Sau khi truy cập vào trang Pháp luật quốc tế như tại Mục 4
 Chọn mục **Điều ước quốc tế**



Chọn điều ước quốc tế tương ứng



7. Tra cứu tên và địa chỉ của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

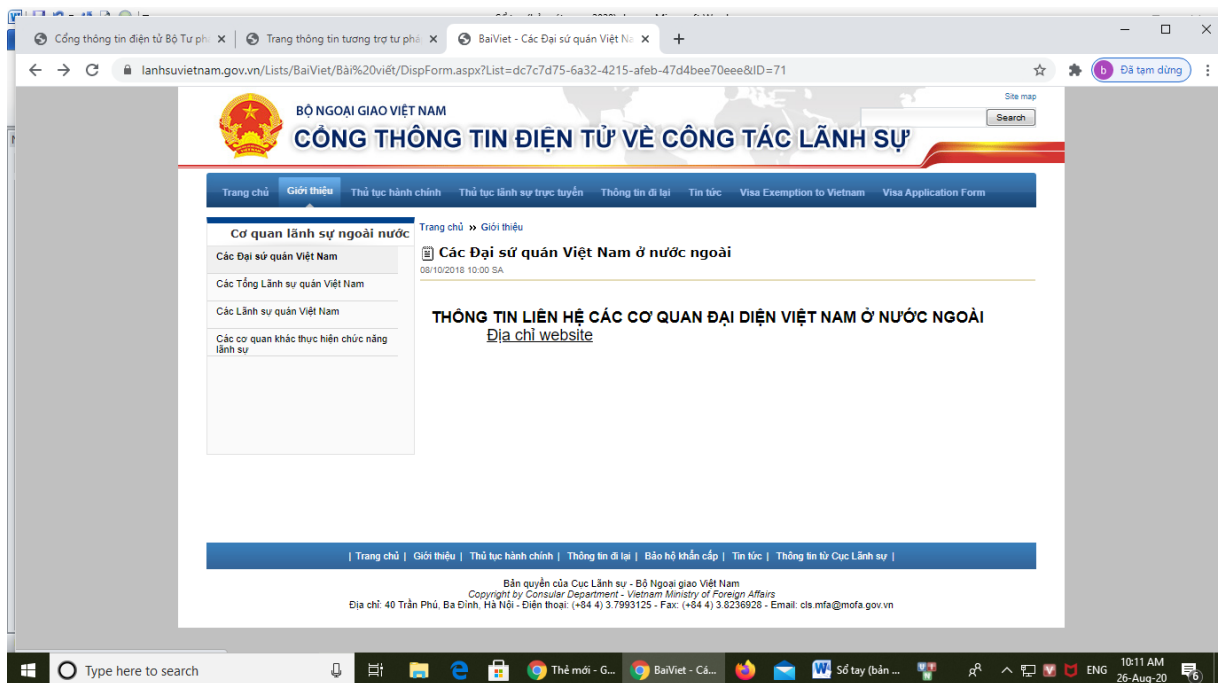
Truy cập trang <https://lanhsuvietnam.gov.vn/default.aspx>



Chọn mục **Cơ quan lãnh sự ngoài nước**



Chọn mục các Đại sứ quán Việt Nam/ Các tổng lãnh sự quán Việt Nam/ Các Lãnh sự quán Việt Nam



Xem địa chỉ tại mục địa chỉ website